

NGUYỄN MỘNG GIÁC

# XUÔI DÒNG

*tập truyện*



**văn nghệ**



# TABLE OF CONTENTS

Tựa đề

Chương 1 - Xuôi Dòng

Chương 2 - Biển Xưa

Chương 3 - Giếng Ước

Chương 4 - Những Ngả Rẽ Một Dòng Sông

Chương 5 - Thư Sông Đà

Chương 6 - Chủ Nhật Buồn

Chương 7 - Ngọn Cỏ Khô Trên Thung Lũng Mùa Xuân

Chương 8 - Thư Quê Hương

Chương 9 - Hương Đêm

Chương 10 - Ngày Về Không Nắng

Chương 11 - Tìm Nơi Không Gió

Chương 12 - Trái Tim Bên Phải

Chương 13 - Đêm Cuối Năm

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

# CHƯƠNG 1 - XUÔI DÒNG

Lâu lắm rồi, hình như trên hai mươi năm trước, nhà văn Ý Dino Buzzati có viết một đoạn văn chàng rất thích. Ý nghĩ và tưởng tượng của Buzzati đơn giản thôi. Một người cầm bút vừa xuất bản một cuốn sách mới. Anh ta tò mò muốn biết độc giả "cư xử" thế nào đối với tác phẩm của mình. Ai lại chẳng tò mò như vậy! Nhưng thay vì lặn la ở các hiệu sách để dò xét phản ứng của các khách mua, người cầm bút trong đoạn văn của Buzzati có được một phương pháp tối tân hơn: anh ta tìm mua được một cái máy nhỏ xíu chạy pin do Nhật chế tạo. Sau khi bấm nút tìm đúng tần số, anh ta có thể nhìn lên khung hình nhỏ xíu quang cảnh những bạn đọc xa lạ bước tới chỗ quầy sách "làm quen" với tác phẩm của mình.

Trong đoạn văn này, người cầm bút không tìm được gì khác ngoài thái độ thờ ơ.

Chàng hiểu sao đúng vào lúc này, chàng lại nhớ đến đoạn văn ấy của Buzzati?

Vì thời tiết lạnh lẽo và khung cảnh tàn tạ cuối mùa đông chăng? Chắc chắn không phải thế đâu! Đã đành chàng là "kẻ lưu vong", là "khách tạm trú", nhưng chàng đang lưu vong tạm trú tại một nước giàu có nhất thế giới, và ở nước đó, chàng lại lưu vong tạm trú tại một tiểu bang ấm áp, phát triển nhất trong các tiểu bang.

Cái lạnh tàn đông gây bão tuyết và đường sá lầy lội ở các tiểu bang miền Đông, ở đây, chỉ vừa đủ cho các cô thiếu nữ khoác thêm chiếc áo len sặc sỡ mới mua. Hơn thế nữa, chàng đang ngồi tại một trung tâm thương mại sang trọng và phồn thịnh nhất vùng. Trong khu thương xá, nền gạch hoa bóng loáng không bợn một chút bụi đường. Hai cầu thang cuốn liên tiếp đưa hết đợt người này đến đợt khác lên xuống để sắm đủ thứ quà Giáng sinh và Năm Mới cho thân nhân bạn bè. Trong các cửa hiệu sang trọng, người ta nối đuôi nhau ở quầy trả tiền. Giấy hoa đủ màu gói những hộp quà đủ cỡ. Tất cả hình sắc, âm thanh, cử động, thái độ đều báo hiệu cái gì mới mẻ, cái gì bắt đầu, không hề vương vấn những nét tàn tạ cuối đông.

Mọi người đều khỏe mạnh, hăm hở. Đâu có chút thờ ơ nào trên nét mặt những người xa lạ đang di động quanh chàng, đến nỗi chàng phải nhớ tới đoạn văn của Buzzati?

Chàng lặng người đi, ngồi thừ khá lâu trên chiếc ghế nệm đặt ngay giữa hành lang cho khách mua sắm ngồi nghỉ ngơi. Bên cạnh chàng, ngay chỗ cái gạt tàn thuốc lớn hình phễu đổ đầy cát trắng, một người đàn ông nước da nâu tóc đen chàng đoán gốc Mễ-tây-cơ ngồi ngả lưng lên ghế nệm, hai chân gác thoải mái lên hộp quà to tướng bao giấy xanh, hút liên tiếp hết điếu thuốc này đến điếu khác.

Cách ngồi của ông bạn Mễ khiến chàng nghĩ người khách tạm trú này đang tận hưởng cuộc đời. Nhưng...nhưng tại sao ông ta hút thuốc nhiều thế kia? Điếu trước chưa cháy hết một phần ba, ông đã dụi vào phễu cát trắng, ho sù sụ vài tiếng, ngằn ngừ, mở mắt lơ lảo nhìn quanh như lo sợ điều gì, rồi lại rút bao thuốc Marlboro ra lôi một điếu mới gắn lên môi. Ông ta đang vui hay đang buồn? Đang ở vào "cuộc tàn đông" hay ở vào "mùa xuân mới"? Chàng chịu, không đoán được.

Thứ tiếng Anh ăn đong không cho phép chàng gợi chuyện với người bạn qua đường để tìm hiểu những tâm tình chi li phức tạp. Hơn thế nữa, lúc vợ con ông bạn Mễ trở lại chỗ hẹn, chàng nghe thấy họ nói với nhau toàn tiếng Mễ. Bà vợ lôi từ trong bọc giấy ra khoe với chồng những món hàng sale. Ông chồng nghe hờ hững, như mọi ông chồng trên thế gian. Bà vợ tiếp tục ríu rít, như mọi bà vợ. Tíu tít một cách sôi nổi cho đến lúc khám phá ra chuyện ông chồng đã đốt gọn cả gói Marlboro trong nửa giờ chờ đợi.

Thế là nét mặt bà đắm đắm, giọng Mễ the thé hơn, líu ríu ca cẩm hơn. Rồi cả bầu đoàn thể tử dật dừ nhau đi, mỗi người ôm ít nhất hai gói quà..

Gia đình Mễ đi được ít lâu, thì hai người đàn bà Á đông đến ngồi xuống cùng chiếc ghế nệm với chàng. Trước khi cầm lấy chéo váy ngồi xuống với vẻ quý phái hiem có, họ hơi có đôi chút e dè ngạc nhiên khi thấy chàng cũng người Á đông. Có lẽ, cũng như chàng, họ phải đoán gốc gác của chàng trước

khi tìm một cách cư xử thích hợp. Và cũng như chàng, họ làm nhanh một cuộc loại suy về chàng: da vàng, tóc đen, thân hình ốm, chắc chắn là người Á đông. Nhưng người nước nào? Phi luật tân? Không phải, vì da khá trắng. Trung Hoa? Có thể lắm, nhưng đôi mắt không xéch nhiều. Có lẽ cuối cùng hai người đàn bà Á đông nọ xếp chàng vào khoảng giữa Trung Hoa và Việt Nam. Còn chàng thì xếp họ vào một chỗ nhất định, không thể lầm lẫn: người Mỹ gốc Đại Hàn, nhờ chàng nghe được lời hai người nói với nhau trước khi đến ngồi nghỉ ở chiếc ghế nệm. Thời quân đội Đại Hàn qua tham chiến ở Việt Nam, để làm vừa lòng những người bạn chống cộng, chàng có võ vẽ học qua vài câu xã giao thông thường tiếng Đại Hàn. Câu mà cô Đại Hàn áo xanh nói với cô áo đỏ có nghĩa thế này: "Lại ngồi đây chờ con Linda đi! Gớm! Không biết nó biến đi đằng nào!"

Chàng ngồi yên một chỗ từ 11 giờ trưa đến 3 giờ chiều và được lặng lẽ quan sát những người bạn xa lạ chợt đến ngồi bên chàng vài phút, rồi chợt biến mất hút vào một thế giới vô danh khác. Chàng liên tiếp đoán già đoán non về gốc gác của họ. Chàng đã được kề cận với hai thanh niên gốc Phi luật tân, một cặp vợ chồng gốc Đức, một thiếu nữ gốc Bắc Âu, lại thêm đôi vợ chồng trẻ gốc Mễ, một ông lão người Ấn thờ đạo Sikh, một thanh niên gốc Cuba ( chàng đoán được nhờ cái áo thun có hình Castro râu xồm bị gạch chéo).

Ba giờ chiều, chàng phải về vì có hẹn đi với một người bạn dự tiệc sinh nhật tại nhà một người bạn chung. Và đúng lúc đó, phải rồi, đúng lúc đó, chàng mới nhớ tới đoàn văn của Buzatti.

Hoá ra chàng không liên tưởng tới đoàn văn của Dino Buzatti vì khung cảnh tàn tạ hay thái độ thờ ơ, mà chỉ vì chàng ao ước có một chiếc máy tính xảo nhỏ xíu made in Japan để tìm hiểu được tất cả tâm tình những người bạn tứ xứ xa lạ thoát đến thoát đi trước mặt chàng trưa nay. Chiếc máy tính xảo ấy, bao giờ các công ty Nhật mới chế tạo và nhập cảng tới đây?

o o o

Người Nhật chưa chế ra được, thì chàng tự chế chiếc máy "quay trở lại quá khứ" để tìm hiểu những người bạn qua đường của chàng vậy. Tại sao không?

Chàng đang đứng ở ngã tư ngã tám quốc tế, nơi có nhiều người hằng ngày gặp nhau giơ tay chào với một tiếng Hi để rồi tiếp tục sống riêng nếp sống của dân tộc mình, tiếp tục tiếc nuối cho một quá khứ riêng, và cố gắng duy trì một số tập tục thói quen cũ như ôm ấp một thứ gia bảo. Dù có bỏ ra bao nhiêu năm để học tiếng Tây ban nha, tiếng Đức, tiếng Ý, tiếng Phi luật tân, tiếng Đại Hàn, tiếng Nhật...chàng cũng không tài nào hiểu hết được những tâm trạng, những hoàn cảnh những người chàng gặp hằng ngày đã trải qua. Họ chỉ gặp chàng ở một số những điểm chung: tám thẻ bảo hiểm xe cộ, cái bill tiền thuê nhà hoặc mua nhà trả góp, ly cà phê loãng 25 xu ở cái máy bán thức uống, hộp fried chicken 3 miếng giá 1 đô 29 xu, cái quần jeans, chiếc áo T-Shirt, đôi giày vải, sự hồi hả chạy theo tốc lực, những phút liếc vội vài dòng tin trên xấp nhật báo dày cộm và những tối xem football chờ giấc ngủ. Chàng và những người chung quanh chỉ đồng dạng ở một số mẫu sống hiện tại, còn quá khứ thì xa nhau như nước với trời, như sao hôm và sao mai.

Không có cách nào khác để phỏng đoán quá khứ những người từng vô tình ngồi lại bên chàng buổi trưa một ngày cuối năm, ngoài cách đề cho tượng tượng mặc sức xuôi dòng!

Không có cách nào khác! Và tượng tượng đưa chàng đi xa về phía Nam của lục địa mệnh mông này, đưa chàng tới ngôi làng hẻo lánh nghèo khổ vùng Reynosa.

Ở đây, chàng nhận ra được Roberto, người đàn ông hút hết cả bao thuốc Malboro bên cạnh chàng, lúc ngồi chờ vợ con mua sắm quà năm mới ở Souhl Coast Plaza. Lúc đó, Roberto trẻ hơn bây giờ nhiều, dĩ nhiên. Đôi mắt anh còn sáng, tóc chưa hoa râm. Chị Juana vợ anh đang bụng mang dạ chửa, khuôn mặt đờ đẫn mệt nhọc nhưng chuyện thai nghén vẫn không thể nào làm giảm hết vẻ đẹp hồn nhiên của chị. Đôi mắt chị sưng húp, vẻ lo lắng đầy ắp trong lối nhìn, giọng nói... Nhưng cái môi trên no đầy hết sức trẻ thơ, và cái bộ ngún nguẩy làm nũng mỗi khi Roberto cắn vào tai chị âu yếm khiến chàng dễ dàng tượng tượng rằng đây là lần đầu tiên chị học làm mẹ.

Đêm sắp về. Roberto hỏi chị Juana đã mang theo đầy đủ tã lót, băng bông, và quần áo cho em bé chưa.

Chị gật đầu, nhìn hai cái xách to tướng đặt gần cửa lớn. Rồi đột nhiên chị rũ xuống, ôm lấy Roberto khóc nức nở. Roberto hỏi:

- Cái gì vậy?

Juana cố nín khóc, đáp giữa những tiếng thút thít:

- Em sợ. Em sợ lắm. Em không muốn đi nữa.

Roberto nổi cáu:

- Em thật con nít! Hồi sáng đã bằng lòng, bây giờ lại trở chứng. Này, hãy nhìn thẳng vào mắt anh, Juana cưng. Ôi chao, sắp làm mẹ rồi còn khóc như con nít. Lau nước mắt đi nào, và hãy bình tĩnh nghe anh nói đây. Mọi sự đã xong xuôi, không có gì đáng lo ngại cả. Anh đã nhiều lần đến bờ sông Rio Grande quan sát thật kỹ lưỡng đường đi nước bước. Khoảng sông đó hẹp, mùa này nước cạn, chỗ sâu nhất chỉ tới ngực là cùng. Anh còn cẩn thận theo bọn coyottes lội qua lội lại nhiều vòng, biết rõ chỗ nào có nhiều đá ngầm, chỗ nào cát lún. Anh sẽ cột hai cái xách này đội lên đầu, còn em thì anh đã thuê một anh coyotte ẵm hộ.

Chị Juana giấy nẩy:

- Nhưng bụng em thế này...

Roberto hiu hiu tự đắc, vênh mặt đáp:

- Em tưởng em là người phụ nữ Mẽ đầu tiên lội qua dòng Rio Grande để qua sinh con trên đất Mỹ hay sao? Trước em đã có hàng vạn người làm như thế rồi. Victoriano, tên coyotte anh thuê là "chuyên viên" rất sành việc ẵm các bà bầu qua sông. Hắn mua được ngôi nhà đẹp nhờ cái nghề đó em biết không?

Juana bớt lo lắng, nhưng chưa hoàn toàn yên tâm. Chị do dự một lát, rồi hỏi:

- Nhưng em sinh lần đầu, không có bác sĩ, không ở bệnh viện, em sợ lắm.

- Ôi chao! Bà mẹ Petra ở San Juan còn lành nghề gấp mấy bác sĩ ở bệnh viện hộ sinh. Năm ngoái, chị Maria đi sinh trên bệnh viện thành phố gặp phải một cậu sinh viên thực tập, lúng ta lúng túng đến nỗi đỡ thẳng bé tí teo ra khỏi bụng mẹ mà cũng làm cho Maria phải băng huyết. Em biết không, anh nghe tụi coyottes kháo nhau về tài đỡ đẻ quỷ khóc thần sầu của bà Petra. Mấy bà bầu vừa qua sông, đưa đến nhà mẹ, nháy một cái, một cậu Mỹ con oe oe chào đời ngay!

- Không, em thích con gái hơn!

- Ồ, thì con gái cũng được. Hai đứa mình khổ quá rồi, chỉ có cách này mới mong cho con cái khá hơn một chút. Con mình sinh ra tại San Juan, đương nhiên là công dân Mỹ. Mình đặt cho con một tên thật Mỹ, như James hay Henry chẳng hạn.

- Không, em đã bảo em thích con gái mà!

Roberto sa sầm nét mặt:

- Ủ, thì gái! Nhưng em lo đóng lại cửa ngõ đi. Mấy giờ rồi? Tám giờ tối à? Chỉ còn mười lăm phút nữa là có xe đến đón. Thôi, vĩnh biệt nhé. Vĩnh biệt Reynosa thân yêu!

○ ○ ○

Trí tưởng tượng đưa chàng đi mãi miết về phương Đông, đến một trại lính Mỹ ở Đại Hàn. Đêm hôm đó, tất cả quân nhân barrack số 7 họp nhau lại mở party tiễn vợ chồng anh binh nhất Charlie Brown thuyền chuyển về Mỹ.

Charlie lấy vợ cách đây hai tuần, hoàn toàn bất ngờ. Cô vợ người Đại Hàn, tên Kim. Điều này không có gì bất ngờ cả, vì những cuộc hôn nhân dị chủng như vậy xảy ra như cơm bữa, từ thời quân đội Mỹ đến đây tham gia cuộc chiến tranh Triều Tiên. Dân Mỹ đã quá quen thuộc với thứ qui luật dường như bất biến: là mỗi lần gửi những đứa con vượt qua Thái bình dương hay Đại tây dương can thiệp vào một cuộc tranh chấp nào đó, có khi tận hang cùng ngõ hẻm của thế giới, là mỗi lần những bà mẹ chuẩn bị tiếp đón những cô dâu lạ đủ màu da, đủ chủng tộc. Cô Kim là cô dâu dị chủng thứ một triệu của nước Mỹ, điều đó có gì đáng quan tâm!

Có điều bạn bè trong barrack 7 của Charlie Brown kinh ngạc, là dường như, trong buổi tiệc tiễn hành, cặp vợ chồng mới có vẻ ngỡ ngàng bối rối lúc phải ở bên nhau.

Charlie cao lớn mạnh khỏe, tóc vàng màu rạ khô, mắt xanh biếc, mê Men At Work, chơi football giỏi. Những lần đi phép cuối tuần ăn chơi ở những khu nổi tiếng trác táng của Hán Thành, Charlie như cá gặp nước. Xông xáo, sành sỏi. Con người như vậy mà lại đỏ mặt tía tai khi bạn bè bắt anh phải ôm cô Kim hôn đủ 40 phút để làm quà tiễn biệt cho 40 người bạn có mặt, đây là điều bất ngờ. Charlie thối thác nhiều lần, bị các bạn đẩy đến chỗ cô Kim, đâm quạu, dùng cái tài chơi football thoát ra khỏi đám bạn bè ồn ào để đến ngồi một mình ở góc barrack uống rượu mạnh. Cô Kim bật khóc, như tủi thân. Không khí buổi tiệc từ đó trở nên gượng gạo, buồn tẻ.

Những người bạn Mỹ của Charlie cảm thấy phải làm điều gì để an ủi cô dâu bị sỉ nhục. Họ bu quanh lấy cô Kim. Họ khen cô đẹp. Và khen một cách thành thực. Họ khen cô trẻ, quá trẻ đối với cái tuổi 26 cô khai với những người bạn chồng. Một cuộc phỏng vấn nhỏ bắt đầu:

- Qua Mỹ, Kim sẽ làm gì?

- Em làm vợ.

Cả barrack cười. Nhiều người cùng nói:

- Ở Mỹ làm vợ không phải là một nghề.

- Vậy thì em chưa biết phải làm gì cả. Em sẽ tìm gặp thân nhân của em bên đó để nhờ giúp đỡ.

- Thân nhân của Kim ở đâu?

- Ở Los Angeles.

- Họ qua Mỹ lâu chưa?

- Lâu rồi! Trên 10 năm nay.

- Họ đang làm gì?

- Một ông chú có mở tiệm sushi bar. Một ông anh họ giàu có nhờ mở hiệu may. Một bà cô đang làm quản lý cho một...

Cô Kim ngập ngừng, nhận ra những lời kể lể dông dài ấy không có ích cho cô, mà không có anh G.I nào muốn nghe tiếp những chuyện lâm cẩm đó. Họ đã làm vừa đủ để chuộc cái lỗi kỳ quặc của người bạn chiến đấu sắp hồi hương. Và họ quay sang nướng thịt, uống bia, ca hát một vài bản nhạc country, nhún nhảy theo một điệu nhạc rock.

Đêm Đông phương bao phủ cảnh vật bên ngoài barrack 7, và buổi sáng đi bên nhau chờ làm xong các thủ tục ở phi trường Hán Thành, hai con người xa lạ Charlie Brown và Jessica Kim nhìn mặt trời lên ở cuối phi đạo chạy dài tít tắp như nhìn những món quà Giáng sinh Santa Claus thân ái gửi cho họ đêm hôm trước. Charlie Brown nghĩ về món tiền mà người môi giới hứa trả cho anh tại Bank of America chi nhánh Denver quê anh, nếu anh chịu làm giấy hôn thú với một người con gái sẽ cho biết tên sau. Jessica Kim thì nghĩ đến Miền Đất Hứa rực rỡ nắng ấm và rộn rã tiếng cười, nghĩ tới ngày chính mình lên phi trường đón mẹ và em gái từ một xóm quê nghèo khổ Đại Hàn qua Mỹ.

Buổi sáng hôm đó, Jessica cũng mặc áo đỏ như hôm chàng gặp cô đi với người bạn gái tại South Coast Plaza. Chỉ khác một đôi điểm nhỏ: dáng đi của cô ngày nay mạnh bạo hơn, giọng nói của cô khàn hơn, màu son móng tay của cô sặc sỡ hơn. Ánh mắt của cô thì vẫn vậy, ánh mắt trước kia hoang mang trước cõi vô cùng, bây giờ hoang mang không hiểu ý nghĩa của cuộc sống mỗi ngày. Cuộc sống đều đặn bảy ngày một tuần, từ 10 giờ sáng đến 2 giờ khuya, trong một nhà tắm hơi hạng trung ở Los Angeles.

Cho đến ngày gặp chàng ở trung tâm thương mại sang trọng gần xa lộ 405, cho đến 3 giờ chiều hôm 31.12, tính sổ một giai đoạn đời, Jessica vẫn còn nợ của Charlie Brown và luật sư lo thủ tục ly dị tổng cộng đến năm nghìn đô.

Giá Đấng Tạo-Hoá-Nhân-Từ cho thêm Jessica một ngày thứ tám mỗi tuần, để nàng thanh toán nhanh chóng món nợ Hy Vọng!

○ ○ ○

Món nợ Hy Vọng!

Vâng, món nợ mà bằng trí tưởng tượng xuôi dòng, chàng nhìn thấy được những người đi qua trước mặt

chàng trưa nay đã trả hay sắp trả. Phải tỉnh mắt lắm mới nhận ra dấu vết những món nợ đó. Nó nhỏ như cái sọc nằm giấu giữa hàng lông mày rậm bên trái của Roberto, dấu vết một tai nạn xe cộ trên xa lộ số 5, chín tháng sau khi anh đưa Juana và con bé Kathy qua Long Beach. Chiếc xe cũ 8 máy anh mua trả góp của một người bạn không cho phép anh chạy nhanh trên xa lộ. Anh lại cẩn thận chạy lane trong cùng, bên phải, để khỏi làm phiền kẻ khác. Nhưng một chiếc Corvette trong exit phóng ra đâm vào đuôi xe anh. Kính trước vỡ. Mặt anh đầy máu. Anh không có thì giờ ngạc nhiên hay tức giận. Chỉ có thì giờ để lo sợ. Anh nhập cảnh lậu, và mọi sự sẽ vô cùng rắc rối nếu cảnh sát đến. Roberto đã bỏ xe ôm mặt máu chạy trốn như một tên tội đồ vượt ngục. Những vết thương ấy rồi cũng liền da, chỉ trừ vết sọc nhỏ nằm bất hợp pháp dưới hàng lông mày đậm chiều của Roberto.

Nó phảng phất trong giọng nói khao khao của Jessica, hậu quả những đêm cầu nguyện Tạo Hoá cho thêm một ngày thứ tám. Nó hiện trong đôi mắt ngái ngủ của hai thanh niên Phi luật tân, mà chàng tưởng tượng đêm hôm trước, ở một khu nội trú đại học nào đó, họ say sưa tranh luận với nhau về Marcos và Aquino, để rồi cuối cùng cả hai không ngủ được vì băn khoăn không biết lựa chọn cái gì giữa nền độc tài cực hữu thối nát và nền dân chủ bất trắc cho riêng nước Phi.

Nó là nỗi ám ảnh tội lỗi của một cuộc diệt chủng tàn nhẫn nhất Châu Âu, là cảnh tàn sát những người Sikh trên đường phố New Delhi, là nỗi cay đắng ập ủ và hy vọng mơ hồ sau cuộc đổ bộ ở vịnh Con Heo hơn hai mươi năm trước, lúc cậu thanh niên Cuba chàng gặp trưa nay chưa chào đời. Chưa chào đời, nhưng anh vẫn phải trả giá cho món nợ Hy vọng, vì vết thương vong quốc trong lòng người cha, như một căn bệnh di truyền, đã chuyển sang trọn vẹn cho anh.

Còn nhiều, nhiều nữa. Mỗi con người di động trước mắt chàng đều mang trên lưng cả một dĩ vãng quá phức tạp mà lại sắp bước vào một tương lai quá đơn giản. Như một người khách trọ không biết xếp vào đâu mớ hành lý công kênh, trong khi vét hết tiền túi cũng chỉ đủ thuê một căn buồng chật.

Phải chăng vì thế họ phải lái xe đến tận đây, đi lại, nói năng, mua sắm, nghỉ ngơi, mơ mộng giữa đám đông vô danh, xoắn chân ngã lưng thoải mái trên ghế nệm giữa hành lang mênh mông như chàng đã làm trưa nay?

Có lẽ đúng vậy!

Và chàng tìm được niềm vui cuối năm, khi khám phá ra rằng cả cuộc đời chàng chỉ là một giọt vô danh trong cả vực nước mắt.

Cali 31.12.84

Nguyễn Mộng Giác

## CHƯƠNG 2 - BIÊN XƯA

Mãi hai tháng sau khi nhận việc về mẫu quảng cáo cho công ty sản xuất đồ gỗ này, chàng mới biết trong số hơn năm mươi nhân viên kế toán điều hành của sở, chàng không phải là người Việt Nam duy nhất. Từ tiểu bang lạnh lẽo cô quanh miền Đông qua đây tìm hơi ấm đồng hương, chàng bỏ ngay được thói quen hể gặp khuôn mặt Á đông nào cũng vồn vã đến chào hỏi bằng tiếng Việt. Vì người Việt tị nạn ở đây đông quá, những ngày cuối tuần đi chợ ở phố Bolsa, chàng thấy những người Mỹ lạc vào khu vực này chẳng khác gì những người ngoại quốc. Tìm kiếm để nhìn một dáng người nhỏ nhắn, một đôi mắt xéch, một làn da nâu, một giọng nói thanh và trầm bổng, đã hết thành một nhu cầu cần thiết. Chàng trở nên lạnh lùng hơn, dè dặt hơn.

Chính vì thế mà mặc dù có đến mười sáu người Á đông cùng làm chung sở, suốt hai tháng đầu, chàng vẫn dùng tiếng Anh để giao thiệp. Nói cho đúng, ban đầu chàng cũng có thử tìm đồng hương đôi ba bạn. Ông bạn làm chung phòng tối với chàng người Đại Hàn. Thân thể ông ta vạm vỡ, mắt ti hí, cử chỉ mạnh bạo tục tằn như một võ sĩ trong phim Nhật. Khởi cần hỏi, chàng cũng biết gốc gác ông ta. Cậu thanh niên 25 tuổi làm ở phòng stripping có vẻ Việt Nam lắm, chàng thử dùng tiếng Việt chào hỏi anh ta trong giờ nghỉ ăn trưa, để phải nghe một tràng tiếng Tàu lú lo. Ông cụ chạy máy Solna nước da ngăm, tóc đen, dáng nhỏ nhưng lại gốc Mỹ. Những người Á đông còn lại đều thuộc phái yếu, mà chàng lại vụng giao thiệp với phái này. Vì vậy, cho tiện sổ sách, chàng xếp bảy cô làm ở phòng kế toán vào nhóm những công dân Mỹ gốc Asian và các đảo thuộc Thái bình dương, như lời phân chia sắc tộc trong mọi giấy tờ về lý lịch trên đất Mỹ.

Hai tuần trước Tết, chàng lên phòng điều hành nhân viên để báo cho ban giám đốc biết chàng chọn hai tuần lễ được nghỉ hàng năm vào dịp Tết âm lịch sắp đến, để có thể đáp máy bay về miền Đông thăm gia đình. Lúc đi ngang qua phòng kế toán, chàng sững người lại. Trên bàn gỗ nhỏ gần lối đi, ngoài cái bóp da phụ nữ, một mẫu giấy lau kleenex vò nát, một thỏi son, còn có thêm một cái bánh chưng gói giấy bạc và cột bằng băng đỏ. Chàng hồi hộp như người sắp bắt được của, chắc chắn là một bạn đồng hương đây! Cái lối gói bánh chưng một cách "hiện đại" như thế này, thứ giấy gói xa xỉ tiện lợi để thay thế cho loại lá chuối non hơi nóng và lạt buộc bánh chưng của quê hương xa xưa, chàng chỉ có thể tìm thấy trong cộng đồng Việt Nam mà thôi!

Chàng chân chờ ít lâu ở phòng kế toán vắng người rồi cuối cùng, không thấy ai trở lại, chàng phải qua phòng nhân viên. Vòng về, phòng kế toán vẫn trống vắng. đành phải trở về phòng ấn loạt quảng cáo vậy! Sáng hôm đó, chàng phụ trách vẽ một mẫu bàn gỗ sồi dùng cho các văn phòng. Dù không ai bảo, chàng vẽ thêm vào số các vật dụng để trên bàn như máy computer, điện thoại, hộp đựng viết, cái intercom, một vật vuông vức mới trông giống y một món quà Giáng Sinh nhận muộn. Cái bánh chưng của quê hương xa xôi đây!

Chuông reo báo hiệu giờ nghỉ ăn trưa. Chàng hồi hộp như thuở xưa hồi hộp chờ người yêu trên ghé đá công viên trước trường Đồng Khánh. Chàng chạy vội lên phòng kế toán. Chàng không làm. Cô thư ký đang đánh máy dở dang là một người Á đông. Chàng thấy cô ta đẹp tuyệt vời, và không giữ được chút ý niệm nào về tuổi tác cô ta lúc chàng vội chạy về phòng quảng cáo để lấy mẫu vẽ chiếc bàn gỗ sồi. Chạy trở lại phòng kế toán, cô gái đã tắt máy computer và đang lo xếp dọn tạm đóng giấy tờ bữa bộn trên bàn. Cái bánh chưng bao giấy bạc và cột bằng băng đỏ bây giờ được đặt trên cái bóp da.

Chàng đứng trân người không biết phải nói gì, khi cô gái ngược lên hỏi chàng bằng một giọng Mỹ sành sỏi:

- May I help you?

Chàng ú ớ vài tiếng ngoài tầm kiểm soát, cuối cùng chìa ra cho cô ta xem mẫu vẽ chiếc bàn gỗ sồi. Cô gái đã đứng dậy, nhìn chăm chú vào tờ giấy croquis, và mặc dù chẳng hiểu gì cả, vẫn giữ phép lịch sự bằng cách vừa nghiêng đầu ngắm nghía vừa khen lấy khen để:

- It's very beautiful. Very very beautiful!

Chàng bật hỏi bằng tiếng Việt:

- Cô có nhận ra cái bánh chưng không?

Cô thư ký quay ngoắt lại nhìn chàng, giọng Hà Nội êm ả:

- Cái bánh chưng à? Thế mà, tôi cứ tưởng...

Và cả hai cười xòa. Họ làm quen với nhau chóng vánh, và chàng mời người bạn gái đồng hương đi ăn trưa.

Tiệm Mc Donald khá vắng. Ở góc trái, chỉ có hai vợ chồng người Mỹ già đang vừa ăn vừa chán nản nhìn nhau. Chàng thích cái lối kẻ cả tự tin hết sức "nội trợ" của nàng, cái lối để mặc cho người đàn ông lấy khay đi mua thức ăn và cà phê, còn mình thì ngang nhiên kéo ghế ngồi chờ đợi. Chàng đặt cái khay màu gạch trước mặt nàng. Ly cà phê xúc động hơi chao nghiêng, đổ một ít lên khay, thấm một góc giấy lau trắng nõn. Nàng nói thật rõ hai tiếng "cảm ơn", rồi hai bàn tay đan lấy nhau đặt lên bàn, ngược mặt lên chờ. Chàng thành thật bảo:

- Lạ quá, tôi trông cô quen quen.

Nàng bật cười:

- Anh không tìm được câu nào khác ư?

Chàng đỏ mặt vì "quê"! Liếc vội lên nhìn nàng, chàng nhận ra lần đầu dấu vết của tuổi tác. Đôi mắt tuy đang cười cợt nhưng không dấu hết được nét buồn. Đôi môi thoa son hồng, nhưng môi trên thường mím lấy môi dưới, chịu đựng. Một vài nốt tàn nhang trên gò má trái và trên trán. Chàng đoán cô thư ký khoảng trên ba mươi. Và chàng bắt đầu lấy lại được tự tin, bỏ hẳn được nỗi áy náy về tuổi tác chênh lệch. Chàng bạo dạn hơn, với tay lấy tờ giấy lau thấm sạch cà phê đổ trên khay thức ăn của nàng, rồi đến chỗ quây lấy thêm một xấp giấy lau khác. Sau khi ngồi lại chỗ cũ, chàng mới hỏi:

- Theo cô thì nên dùng câu nào?

Nàng cười, có vẻ thích thú vì dường như sắp tham dự vào một trò chơi ngộ nghĩnh. Nàng bảo:

- Những câu về thời tiết: Hôm nay trời lạnh khiếp. Bữa nay bớt nóng hơn hôm qua. Hoặc văn chương hơn: Sau mấy ngày u ám, trông nắng mới ngon lạ!

- Câu cuối tôi nghe quen quen!

Nàng bật cười:

- Lại quen quen. Của Nhật Linh đấy. Trong cuốn Bướm trắng.

- Ở đoạn nào?

- Anh ăn đi đã. Tôi xin phép uống cà phê trước, kéo nguội.

Nàng hớp một ngụm cà phê, rồi ngược lên nhìn chàng. Chàng không dám ăn, cứ nghĩ phải cầm bằng hai tay miếng big Mac to tướng đưa vào mồm, hả miệng cắn, rồi nhai ngồm ngoàm, trông thô bỉ quá. Chàng nản nã bằng cách hỏi lại:

- Đoạn nào trong Bướm trắng?

- Đoạn Trương gặp Thu trên xe điện, sau khi dự đám tang về.

- Anh chàng đó mở lời khá hơn tôi!

Nàng bật cười, suýt chút nữa bị sặc vì đang ngậm ngụm cà phê loãng. Chàng tiếp luôn:

- Nhưng tôi không khách sáo. Tôi thành thật. Hình như tôi mang máng đã thấy cô ở đâu đó, lâu lắm!

Nàng trêu:

- Ở đây, từ hai tháng nay!

- Không phải thế đâu! Hình như tận hồi ở Việt Nam. Cô qua đây hồi nào?

- Từ 1975. Đây cũng là một câu mở lời quen thuộc.

Chàng hơi khó chịu vì vẻ tỉnh táo kẻ cả của cô thư ký. Khuôn mặt nàng trở nên sắc sảo hơn, chàng chú ý đến đuôi mắt hơi xệch và chóp mũi quá nhọn. Chàng cầm miếng big Mac đưa lên miệng, ăn tự nhiên. Cô thư ký cũng bắt đầu ăn. Ở góc phòng, người chồng Mỹ già nổi cơn ho một hồi. Tiếng người vợ cầu nhàu, chàng nghe thấp thoáng hình như cụ bà trách cụ ông không chịu mặc thêm áo ấm trước khi đi ăn.

Nàng quay nhìn hai vợ chồng già, một lúc, quay lại, đột nhiên đưa cho chàng mảnh giấy lau và bảo:

- Anh chùi vết bơ bên mép phải! Không! Bên kia.

Chàng lại cảm động trước cử chỉ ân cần, ngưng ăn, hỏi nàng:

- Hồi ở Việt Nam cô có ở Huế không?

- Không.

- Vậy mà tôi cứ ngỡ ngỡ đã gặp cô ở Huế.

Nàng cười nhỏ:

- Vậy là anh lầm với người khác rồi đấy.

Chàng quả quyết:

- Nhất định tôi không lầm. Bây giờ... bây giờ thì tôi nhớ rõ hơn. Huế. Khoảng cuối 1974 đầu 1975.

Phải. Huế của thời kỳ thoái thác cuối cùng. Lúc ấy tiểu đoàn của chúng tôi đóng ở đó...

Nàng ngồi thẳng người trên ghế, đặt nửa chiếc big Mac lên khay, nhìn chàng chờ đợi. Về giữu cột kẻ cả không còn nữa. Nàng hỏi, giọng hơi thẳng thốt:

- Anh ở binh chủng nào?

- Thủy quân lục chiến.

Nét mặt nàng đột ngột thất sắc. Đôi mắt như dại đi. Chàng ngỡ ngàng, nhìn nàng vò nát mảnh giấy lau, đoán biết có điều gì trong lời chàng làm nàng xúc động tột độ. Nàng mím môi cúi mặt một lúc, rồi ngược lên. Ánh mắt lấp lánh. Môi trên run run. Mãi một lúc, nàng mới hỏi:

- Anh có biết trung úy Tâm không?

Tâm, đại đội phó của chàng. Và chàng nhớ hết, hiểu hết.

Hai vợ chồng người Mỹ già đã diu nhau ra khỏi quán. Cô bé giữ việc thu ngân vắn to hơn một bài ca quen, bài Hello của Lionel Richie. Hai người ngồi lặng hồi lâu, không ai dám nhìn ai. Nàng thì thảo trước:

- Đúng là quả đất tròn!

Chàng đáp, không hiểu rõ mình nói gì:

- Tôi mong như vậy!

- Sao lúc đó nhà tôi không nói gì tới anh cả!

- Cô biết tên tôi?

- Biết chứ! Tuần nào tôi không đánh máy check lương của anh.

Chàng trách, rất thật tâm:

- Thế mà suốt hai tháng nay, chẳng bao giờ cô xuống phòng ấn loát tìm gặp đồng hương cả!

Nàng cũng thành thực đáp:

- Tôi ngại gặp đồng hương!

- Vì sao thế?

- Chẳng hiểu vì sao. Có lẽ vì hể thân quen người nào, cũng được nghe một câu chuyện buồn. Như hôm nay! Anh thấy không?

Chàng buồn rầu, dù nhận thấy trong lời nàng nói, cũng có một phần có lý. Chàng tiếp nối câu chuyện bỏ dở:

- Hồi đó, hồi chúng tôi sắp bị vây khốn trên bãi Thuận An. Tâm mới vừa được chuyển tới tiểu đoàn bốn. Chúng tôi chỉ làm việc với nhau cỡ bốn tháng, từ tháng 11 năm 74 cho đến lúc... cho đến lúc...

Cô thu ngân viên có lẽ khoái bài Hello nên quay trở lại băng cassette nghe thêm một lần nữa. Và ở âm độ to hơn. Hello. It's me you're looking for... Giọng run run của nàng bị lời ca che khuất, nghe thấp thoáng:

-... chạy xuống bến Bạch Đằng với... Guam mới có người cho tin nhà tôi...

Chàng đứng dậy, đến chỗ quầy xin cô bé Mỹ vắn nhỏ cái cassette một chút. Cô ta xin lỗi, rồi để chứng tỏ thiện chí tới đa, vui vẻ tắt hẳn cái máy thu băng. Lúc trở lại bàn, cô thư ký đã lấy lại được bình tĩnh.

Nàng hỏi rành rọt:

- Anh có ở bên cạnh, lúc nhà tôi mất?

- Vâng!

Nàng đưa mảnh giấy lau lên che miệng, ho khẽ rồi cố lấy giọng tự nhiên hỏi:

- Anh ấy có đau đớn không?

Chàng không biết đáp thế nào. Suy nghĩ một lúc, chàng đáp:

- Không!

Nàng cười buồn, thở ra, có vẻ yên lòng. Lại hỏi vu vơ:

- Có lẽ nhờ anh ấy không hề biết trước mình chết!

- Không phải thế!

Nàng ngược lên, đôi mắt dọ dẫm, e ngại không muốn biết mà cũng nao nức muốn biết. Chàng nhận thấy nếu không nói hết một lần thì chẳng còn bao giờ có dịp sống lại những giây phút ấy. Khi nét mặt cô thư ký có vẻ bình tĩnh hơn, chàng nói:

- Lúc đó tiểu đoàn chúng tôi giữ bên này sông Mỹ Chánh. Có lệnh phá sập cầu. Chúng tôi vừa làm xong thì có lệnh bằng bất cứ giá nào, với trang bị nhẹ, phải rút về Thuận An. Mỗi đứa chỉ giữ một khẩu M16, vài quả lựu đạn, 20 viên đạn và đi bộ qua Huế. Nhà máy điện đã bị pháo kích hôm trước nên Huế là thành phố chết. Không ánh sáng, vài người già cả còn lại. Một bà cụ không hiểu do đâu lạc lõng ở đoạn phố trước Phú Văn lâu, méo máo khóc nhìn chúng tôi đi qua. Đầu cầu Bạch Hổ, một chú lính địa phương quân còn đứng gác. Tôi dừng lại, quát hỏi ai ra lệnh cho chú đứng đây. Chú ta bảo lệnh của trung sĩ. Ông trung sĩ già trong trạm canh chạy ra, bảo vì không có lệnh nên vẫn thi hành nhiệm vụ giữ cầu. Tôi bảo hãy về gấp đem gia đình chạy về hướng Nam. Cầu Trường Tiền đang bị pháo kích dồn dập. Tâm bảo tôi hãy đi qua cầu Trường Tiền để có kỷ niệm cuối. Chúng tôi qua cầu sắt, không việc gì.

Chạy xuống đến bãi biển Thuận An thì được tin tàu hải quân không có ý trở vào đón chúng tôi nữa. Chúng tôi đang ở tuyệt lộ. Sau lưng là phá Tam Giang. Bên trái là cửa Thuận An, bên phải, cửa Tư Hiền. Trước mặt là biển, cả gần nghìn quân chúng tôi ở vào cảnh tuyệt lộ, nhưng cứ chạy dọc theo bãi cát Thuận An. Phải chạy sát vào mé nước để tránh cát lún, người sau chạy theo người trước. Phía trước đứng thì đứng, phía trước bắt đầu chạy thì chạy, đầu óc hoàn toàn trống rỗng. Tôi chạy giữa, bên phải là Tâm, bên trái là trung sĩ truyền tin. Tâm mạnh hơn tôi nên nhiều lúc tôi gục xuống, Tâm đứng lại, phụ với người trung sĩ xô nách tôi lên. Lại chạy về phía trước, trong khi súng du kích lâu lâu nổ hàng loạt vào đoàn chúng tôi.

Bây giờ tôi không nhớ "chuyện đó" bắt đầu xảy ra ở đâu, lúc nào, nhưng hình như chạy khỏi bãi tắm Thuận An độ một giờ, thì bắt đầu có người tách khỏi đoàn, đến ngồi bệt gần mé nước. Một lúc, thêm một người tách đoàn đến ngồi bên người trước. Rồi người thứ ba, người thứ tư. Họ ngồi quây tròn, lặng lẽ. Một tiếng lựu đạn nổ. Đoàn người khựng lại một chút, rồi tiếp tục chạy. Một lúc sau, một người khác tách đoàn, đến ngồi bên mé nước. Và vòng người kín dần, thành hình. Lại một tiếng nổ... Tâm đã vỗ vai vĩnh biệt tôi lúc gần đến cửa Tư Hiền, để làm một trong những người đầu tiên lập vòng mới!

Người đàn bà chết lặng hồi lâu, ngồi im như pho tượng, hai tay thu xuống dưới chiếc bàn ăn. Một đám thực khách mới vào quán, họ vui vẻ nói năng liên thoảng vì hầu hết là nữ sinh trung học ở khu lân cận. Không khí trong quán khác hẳn. Nàng cố gượng vui, ho khẽ một tiếng, rồi hỏi với giọng hơi khao khao:

- Anh ấy có dặn gì không?

- Không!

Hình như nàng hơi thất vọng, lại đưa giấy lên che miệng để ho. Mảnh giấy bị vo tròn, và bị vút vào giữa khay. Giọng nàng dứt khoát hơn:

- Chẳng lẽ trước đó, trước khi rút khỏi Mỹ Chánh, anh ấy không nói gì về vợ con cả!

- Có chứ. Tâm có đưa ảnh cô cho tôi xem. Cả cái ảnh cháu gái vừa làm lễ mừng thôi nôi. Bây giờ, cháu đó ra sao?

- Cháu đã lên 12. Đang học lớp sáu trường Santiago.

Chàng hỏi:

- Cháu nó chắc ngoan lắm!

Nàng cười buồn:

- Vâng, khá ngoan. Lâu lâu có nổi cơn ưa chọc ghẹo mấy đứa em, nhưng khi bị mắ'ng, có biết xin lỗi.

Chàng ngược lên, nhìn người đàn bà dăm dăm. Nàng thở dài, giọng phân bua:

- Tại nó không thích mấy đứa em lai. Nhưng biết làm sao bây giờ?

o o o

Đám nữ sinh bu đến quây, tíu tít nói gì đó với cô bé thu ngân. Giọng hát của Lionel Richie lại mở lớn:

Hello, It 's me you 're looking for!

Nguyễn Mộng Giác

Garden Grove 1.1985

# CHƯƠNG 3 - GIÈNG ƯỚC

Hiệu phở buổi sáng thứ tư vắng vẻ hơn những hôm khác. Tôi chọn cái bàn ở góc phòng, nơi có thể nhìn được qua lớp cửa kính những người khách sắp tới. Người bồi bàn bỏ quầy tính tiền đến hỏi:

- Cần thứ gì đây?

Giọng anh ta cố làm ra thân mật tự nhiên, như hai người bạn đã thân từ lâu nói chuyện với nhau. Anh ta trạc tuổi tôi, khuôn mặt trắng trẻo, để ria mép, đôi mắt biết cười. Tôi đáp:

- Tôi còn chờ một người bạn nữa. Cho tôi một tách cà phê sữa nóng trước đi!

Anh ta gật gù. Tôi không hiểu anh ta gật gù vì cái gì. Một lúc dường như không tìm được câu nói nào hợp cảnh, anh ta thân mật hỏi:

- Filtre nhé?

- Vâng, tôi còn nhiều thì giờ.

Người bồi bàn kiêm thu ngân viên (hay là thu ngân viên kiêm bồi bàn?) quay gót. Tôi có nhận xét là cách tiếp khách của những người bồi bàn ở hiệu ăn Tàu khác hẳn cách của các bồi bàn Việt. Ở tiệm Tàu, có thể người bung hủ tiếu hoành thánh ra chính là ông chủ của một dãy các hiệu ăn, tiền 100 đô đốt đi không hết. Nhưng khi làm bồi, ông ta đóng trọn vai trò một người bồi bàn. Ông ta xem thực khách là vua, khép nép nhún nhường trước khách hàng. Vâng dạ tíu tít. Cái gì cũng gật. Quả ớt ngọt? đúng lắm anh Hai! Trái cam cay? Thưa phải! Không có gì cay hơn cam, cay hơn cả chili Mê, hơn cả kim chi Đại Hàn! Cái gì cũng "hầu ló" miễn là trả tiền đủ!

Ở cái tiệm ăn Việt Nam, không hề có các điều đó. Người bung phở muốn chứng tỏ cho khách biết mình chỉ tạm thời làm công việc này như một chuyện chằng đặng dừng, trong quá khứ họ không hề động tay đến bếp núc. Và tương lai thì chắc chắn không thể hạ mình làm việc này. Thực khách là bạn, là người chịu ân, người được hân hạnh có một "bạc" một "đáng" tạm thời ấn nhãn hầu hạ. Câu hỏi đầu lưỡi để lấy "order" luôn luôn có vẻ kẻ cả, bắt cần.

Mười phút sau, người bồi bàn bung tách cà phê tới. Ở quầy thu ngân, đã có một bà trạc 30 tuổi trang điểm kỹ càng, tóc bới cao ngự ở đó rồi. Tôi nghĩ: "Anh không phải ông chủ, không phải thu ngân viên. Nhưng cũng không hề muốn người khác xem mình là bồi bàn. Thôi được! Cũng là bồi bếp một lũ như nhau, khỏi cần sắc mắc làm gì!" Tôi hỏi băng quơ làm quen:

- Sáng nay vắng khách nhỉ?

Anh bồi bàn vỗ vai tôi:

- Mười giờ sáng thứ tư. Chỉ có mấy tướng thất nghiệp như anh tới đây thôi! Tìm chưa ra việc hả?

Tôi gật. Anh ta hỏi:

- Ông bạn tới chưa?

- Bạn nào?

- Anh vừa bảo đang đợi một người bạn nữa.

Tôi trực nhớ tới Toàn:

- Ồ phải! Chắc hẳn sắp tới!

Người bồi bàn nói:

- Lại một tướng thất nghiệp khác.

- Vâng.

Bà chủ ở cuối phòng gọi lớn: "Có khách tới" với giọng lãnh lói. Người bồi bàn vội vã tiến về phía cửa hiệu đón cặp vợ chồng già vừa vào.

Tôi đợi Toàn gần một giờ. Uống hết tách cà phê sữa, đốt nửa bao thuốc Chesterfield, suýt gọi phở để ăn cho xong rồi về, thì Toàn mới lò dò đến. Toàn xin lỗi rồi rút:

- Định gọi điện thoại cho ông nhưng không đổi được tiền xu để bỏ vào máy. Chờ lâu không?

Tôi nhìn đồng hồ, hơi mĩa mai:

- Sơ sơ một giờ đồng hồ thôi!

Toản kéo ghế ngồi xuống, xoa tay nói:

- Thì giờ rộng rãi, hãy tiêu hoang như triệu phú đi. Không có tiền để tiêu thì hãy tiêu thì giờ.

- Ông uống gì?

- Cái gì cũng được.

- Cà phê ở đây tệ. Khét và nhạt.

- Từ sáng tới giờ tôi nốc ba ly cà phê rồi. Này anh (Toản ngoắc anh bồi lại). Cho tôi một tô phở đặc biệt và một chai Coors.

Người bồi bàn nghiêm mặt như ông quan tòa:

- Không được phép uống rượu tại đây!

Toản cãi:

- Bia không phải là rượu. Thôi được! Cho một ly nước chanh vậy.

- Chỉ có Seven Up chứ không có nước chanh!

- Thôi được, cho Seven Up.

Toản lắc đầu, nhìn theo người bồi bàn, hỏi tôi:

- Ông tới số hay sao mà chọn cái quán kỳ dị vậy?

Tôi cãi:

- Nhưng phở ngon. Tới đây ăn phở chứ không phải để nghe một điều "yes, sir", hai điều "yes, sir". Và lại, ông nên bớt rượu chè đi! Lo sống đàng hoàng để còn "làm lại cuộc đời!"

Toản ngờ ngàng nhìn tôi, chưa hiểu tôi nói đùa hay nói thật. Nét mặt anh đổi:

- Phải, nên "làm lại cuộc đời". Nghe thê thảm chẳng khác gì cô Kiều sau mười lăm năm lưu lạc quyết giữ sạch nợ trần. O, ông kêu gì ăn đi chứ!

Tôi gọi thêm một tô phở tái. Anh bồi cần nhần tại sao không gọi luôn một thể cho anh khỏi đi lại nhiều bận. Toản nổi cáu hỏi:

- Anh là bồi bàn hay là cha mẹ chúng tôi?

Thế là hai bên bắt đầu cãi vả nhau. Tôi và bà chủ hiệu phở can cả hai phía. Toản dần tức giận ngồi xuống bàn, lẳng lặng ăn phở rồi bỏ ra bãi đậu xe trước. Tôi ngồi lại nghe lời phân trần của cả bà chủ lẫn anh bồi, xin lỗi giùm Toản đôi lời để giữ hòa khí, rồi mới đi. Tôi trách Toản:

- Ông điên rồi!

Toản bậm môi không nói gì. Tôi hỏi:

- Bây giờ đi đâu?

- Đi đâu cũng được, miễn không còn phải thấy bản mặt của một con người nào hết! Lên núi đi!

- Năng bỏ mẹ mà đòi lên núi. Xuống biển cho gần.

- Cũng được. Ông đi xe tôi.

Tôi ái ngại:

- Xe ông không có bảo hiểm, tay lái nặng chình chịch, ớn quá!

Toản không nói năng, mở cửa xe, đề máy, rồi chồm người mở cửa phía tay phải chiếc xe cho tôi lên. Chiếc xe gầm gừ một lúc, khói tỏa mù tiếng nổ mới hết khục khặc như người suyễn. Toản lái xe ra đường, nhưng không chạy về phía biển. Tôi hỏi:

- Ông đi đâu vậy?

- Xuống biển.

- Xuống biển sao lại chạy ngược ngả này.

Toản thần nhiên đáp:

- Mùa này học trò nghỉ hè, xuống bãi biển khác nào đi dạo chợ bán da người. Tôi chờ ông tới một bãi biển hoang, chỉ có cát, nắng, và mòm đá có hào bám.

Tôi chán nản bảo:

- Điên hay sao mà tới mấy chỗ khỉ ho cò gáy ấy vào giờ này. Lớ xớ mấy ông đội xếp Mỹ tướng hai

thằng "gay" thì bỏ mẹ!

Toản không đáp lời tôi, lặng lẽ lái đúng luật tốc lực tối đa 55 dặm giờ trên xa lộ 5, chạy về hướng San Diego. Đến một khoảng đồi trọc, Toàn dừng xe lại. Tôi hỏi:

- Có trục trặc gì vậy?

- Không. Mình xuống đây.

- Xuống đây làm gì?

- Đi vào trong kia có đường mòn dẫn xuống bờ biển.

Tôi cần nhần:

- Hai thằng đực rựa mà bỏ công phu tìm khúc biển vắng thế này, không là dân "gay" cũng là những thằng trốn nhà thương điên ra. Chán ông quá!

Nói thế nhưng tôi vẫn đi theo Toàn, lòng hơi tò mò, muốn biết ông bạn định giờ trò gì nữa.

Qua khỏi một ngọn đồi thấp cỏ áy, lại phải lội một quãng lầy nước lên đến mắt cá mới tới chỗ giáp múi hai ngọn núi cây cối um tùm hơn. Ở khe núi, có một con suối cạn nằm dưới một cái thác nhỏ đã khô. Dấu vết còn lại là những mảng rêu nâu bám trên sườn đá dựng thẳng và một vũng nước trong và cạn ở ngay chân thác. Hơi nóng tỏa từ vách đá át cả hơi mát từ biển xanh thổi vào. Tôi nói:

- Vườn Địa đàng của ông đây phải không?

Toản không đáp, chạy lại chỗ vũng nước quỳ xuống cố tìm vật gì. Tôi ngăn:

- Uống nước tù nguy hiểm lắm. Ông muốn tự tử hãy tìm cách khác.

Toản ngừng lên, ngoắc tôi lại:

- Ông đến tìm giúp tôi đồng xu coi!

- Đồng xu gì?

Toản chờ tôi tới gần, trở về phía bên kia vũng nước:

- Ông tìm giùm phía bên kia. Đừng thọc tay xuống, nước bị quấy đục, khó tìm. Chỉ lấy mắt mà dò. Lâu ngày bùn và lá mục phủ lên, khó tìm, nhưng cố thử xem.

Tôi chăm chú nhìn kỹ đáy vũng nước. Vài chiếc lá mục nằm lẫn lộn giữa một lớp bùn nâu hiện rõ dưới làn nước trong, nhưng không thấy xu xiết gì cả. Tôi mỏi tay và hoa mắt vì chói nắng, bực dọc bảo:

- Thôi! Chạy theo cái trò điên của ông như thế đủ rồi. Đi về!

Đột nhiên Toàn reo lên hí hửng:

- Đây rồi!

Toản sẽ sàng nhẹ nhẹ đưa bàn tay vào vũng nước như sợ làm đau khối nước bình yên, dùng hai ngón tay nhón lên một đồng 25 xu rỉ xám vì bị ngâm nước lâu ngày. Tôi tò mò hỏi:

- Kỷ niệm cuộc tình thứ 101 của ông phải không?

Toản hớn hờ khoe:

- Vậy là có chuyện vui cho con bé Mai nhà tôi cuối tuần này rồi. Ông muốn ở lại tắm biển hay đi về?

Thấy Toàn chỉ muốn về, tôi đáp ngược:

- Đã xuống đây thì phải tắm biển. Điên sao mà về liền khi chưa nhúng chân xuống nước mặn!

Toản xịu mặt, nhưng đành phải theo tôi đi lần theo khe núi, xuống một doi cát ngắn và hẹp nằm giữa những hòn đá lởm chởm xác hàu. Biển xanh ngăn ngắt. Và hiu quạnh lạ lùng!

o o o

Chúng tôi tắm nắng trên mặt cát không có vết chân người, nhàn nhã như hai ông tỉ-tỉ-phú cỡ Aristotle Onassis nằm tắm nắng trên một hòn đảo mua riêng để mỗi năm ghé máy bay trực thăng lại phơi da một lần. Tôi bắt đầu thấy khoái mùi thơm trinh nguyên của cát ấm, gió biển và rong rêu bị sóng đẩy giạt lên bờ, nằm lim dim tận hưởng ảo giác Kha Luân Bố tìm ra Mỹ châu. Toàn thì lại có vẻ bứt rứt không yên. Thật lâu, không dần được nữa, Toàn hỏi:

- Sao ông chẳng hỏi tôi chuyện gì cả?

- Có gì đâu mà hỏi?

- Chuyện đồng xu.

Tôi cười, bây giờ mới xoay người nằm nghiêng nhìn Toàn:

- Chuyện điên điên dở dở của ông nghe chỉ thêm mệt!

Toàn tức giận:

- Sao ông biết là chuyện điên. Ông không muốn nghe thì thôi!

Tôi khích:

- Ủ, nằm yên hưởng nắng gió một chút, rồi về!

Toàn đành nằm yên một lúc nữa, độ mười phút. Cuối cùng anh ta xuống nước:

- Không kể cho ông nghe tôi chịu không được. Cứ âm ứ trong lòng.

Tôi không nỡ đùa dai thêm nữa. Chúng tôi nằm nghiêng quay mặt vào nhau. Toàn nói:

- Hồi sáng đến trễ hẹn với ông chỉ vì cãi nhau một trận trên điện thoại với thằng khốn nạn đó. Tôi không hiểu nếu mặt giáp mặt với nó, tôi có đủ can đảm phun ra chừng ấy câu độc địa hay không. Nếu nó không cúp, tôi còn nói nữa!

- Thằng nào vậy?

- Ông hỏi đùa hay thành thật không biết?

- Làm sao tôi biết hết những người ông cãi cọ với họ. Tính ông hay cáu, một ngày cãi với bao nhiêu người! Làm sao...

Toàn ngắt lời tôi:

- Nhưng không bao giờ tôi gọi những người tôi cãi cọ với họ là "thằng khốn nạn". Trừ hấn. Tôi biết ông biết rõ, hoặc cũng đã nghe bạn bè xầm xì về chuyện gia đình tôi, nên đã hiểu hấn là ai. Thôi! Hấn không đáng được nhắc tới. Mà nhà tôi, cũng không nên nhắc tới nữa. Sáng nay tôi nhắc điện thoại lên, bấm số, chỉ vì hy vọng rằng mùa này nghỉ hè, cháu Mai có ở nhà và chính cháu sẽ bốc điện thoại lên, trước khi hấn và nhà tôi chịu ngồi dậy. Nhà tôi đi làm về muộn, về nhà lại còn lo nấu nướng phục dịch cho hấn. Hấn ưa nhậu, khảnh ăn, nàng mệt thường ngủ đến 10 giờ sáng mới dậy. Hấn nhậu say, lại còn... nên tôi đoán không thể dậy sớm. Gọi lúc 8 giờ sáng chắc chắn sẽ được nói chuyện với cháu Mai. Nhưng sáng nay xui dễ sợ. Hấn trả lời điện thoại ông ạ. "Xin lỗi tôi được tiếp chuyện với vị nào đó ạ". Ông xem, nó khách sáo rởm không chịu được. Tôi mím môi đáp muốn gặp "chị Tàn". "Nhà tôi dậy muộn. Xin cho biết quý danh để tôi bảo nhà tôi gọi lại cho ông". Máu tôi sôi lên! Cái giọng "ông chủ" đáng ghét quá chừng! Nào là "nhà tôi", nào là "bảo nhà tôi". Trước kia có bao giờ tôi dám xem nàng như một vật sở hữu của mình như thế đâu! Nói hơi cãi lương một chút, ông đừng cười, tôi coi nhà tôi như một làn hương thấp thoáng lơ lửng, tôi không dám thở mạnh, không dám nặng tay. Sợ nàng tan đi. Ông nhìn cháu Mai thì biết. Cháu là một thiên thần. Cháu là hình ảnh tôi nhìn nhà tôi. Ông đừng cười mĩa! Ủ, nhà tôi bên ngoài có vẻ tháo vát, thực tiễn, mạnh khỏe, phàm tục, thứ gì cũng được. Nhưng qua mắt tôi, nhà tôi đúng y như cháu Mai. Mảnh khảnh, yếu ớt, buồn rầu, mơ mộng, lơ lảo, chói với. Những thứ đó tôi đọc được hết trong đôi mắt của cháu mỗi cuối tuần, khi tôi được phép đến đón cháu đi chơi.

Tòa cho phép nhà tôi được tiếp tục nuôi cháu. Việc ấy tôi không kêu ca gì. Trẻ con sống với mẹ vẫn hợp tình hợp lý hơn sống với cha. Chưa kể mọi sự đổ vỡ phần lớn do tôi. Trong bảy ngày mỗi tuần, tôi còn được cái ân huệ đón cháu đi chơi trọn ngày thứ bảy, sáng chủ nhật trả cháu về, như vậy công bằng. Nhưng điều khổ tâm cho tôi, là cứ áy náy thắc mắc trong sáu ngày còn lại, có thể hấn cố giờ hết mảnh khoe mua chuộc tình thương của cháu Mai. Hấn có nhiều cơ hội và thì giờ hơn tôi để làm việc đó. Tôi chưa bao giờ mặt đối mặt với hấn, nhưng qua điện thoại, tôi biết hấn nói khéo. Bạn bè tôi, trừ ông là kín đáo không nhắc tới, đều nửa đùa nửa thật bảo hấn đẹp trai hơn tôi, nhã nhặn hơn tôi. Tôi mất nàng, nhưng không thể để mất cháu Mai được.

Tôi âm thầm ganh đua với hấn để chiếm tình thương của cháu. Mỗi tuần, đến chiều thứ sáu, tôi không yên tâm làm được gì cả. Tôi bút rút đi ra đi vô, phác họa một chương trình giải trí thật vĩ đại cho cháu. Chương trình lại phải thay đổi cho cháu khỏi nhàm. Hai tuần trước, tôi dẫn cháu xuống tận đây!

- Thật à? Cháu có đòi về ngay lập tức khi tới chỗ khi ho cò gáy này không?

Giọng Toàn đầy kiêu hãnh.

- Không đời nào! Tôi vạch ra cả một "kế hoạch", chuẩn bị đầy đủ mọi thứ, cháu chán sao được. Tôi bảo cháu hai cha con mình chơi trò Kha Luân Bố tìm ra châu Mỹ. Cháu hỏi Kha Luân Bố là ai, tôi trực nhớ mới nói tới Columbus. Cháu cãi là Columbus chỉ phiêu lưu tìm đất lạ có một mình cùng với thủy thủ đoàn chứ không dẫn theo con gái. Tôi bảo sử chép sai, thế mà cháu vẫn tin ông ả! Tôi chuẩn bị mang theo cả hai bộ quần áo cũ, con dao, và mớ bông gòn, chai xăng để dùng đá nhúm lửa nướng hot dog, dùng dao chặt cây làm lều lá y như thời trước. Cháu nó thích quá, chạy nhảy, nô đùa, hò hét, tắm biển suốt cả buổi sáng. Buổi chiều, chúng tôi giả vờ làm những kẻ thám hiểm chống gậy dò từng bước tìm hiểu Mỹ châu. Tôi đi trước, cháu đi sau cười hích hích. Tôi nhắc: "Coi chừng tụi da đỏ. Đừng để cho chúng nó lột da đầu nghe Mai." Cháu cũng nhắc tôi: "Bố phải giết cho được tù trưởng Wounded Knee. Nhớ cướp cho được con ngựa thực khỏe để hai bố con mình cưỡi nghe bố!" Ông nghĩ xem, tôi bày trò đến cỡ đó thì sáu ngày còn lại kia coi như vứt đi! Một ngày cháu sống với tôi, cháu sẽ nhớ đời! Gần xế, hai bố con tôi gặp cái thác khô và ngọn suối cạn tụi mình đến lúc này. Đến đây là "phần phụ diễn" ngoài chương trình, ngoài "kế hoạch" của tôi. Chúng tôi mệt nhoài vì leo núi và cười đùa. Mặt cháu bớt hồng, hơi tái và nhễ nhãi mồ hôi. Tôi bảo cháu ngồi nghỉ một chốc bên "hồ", rồi trở về chỗ để xe, ngược xa lộ Năm lên Los Angeles ăn cơm Triều châu. Cháu nhìn vũng nước tròn như cái giếng ông với tôi đã thấy, đột nhiên hỏi tôi:

- Bố có đồng xu nào không?

Tôi ngạc nhiên hỏi:

- Chi vậy?

- Cho con 25 xu để quăng xuống cái "Wishing Well" này.

Tôi bàng hoàng cảm động ông ả! Trẻ con tinh mắt hơn mình nhiều. Phải rồi, những cái "giếng ước" xây tại các thương xá (nơi người ta quăng những đồng 1 xu, 5 xu, 10 xu, 25 xu xuống lòng nước trong róc rách chảy từ các thác giả để cầu nguyện những điều ước ao) có khác nào vũng nước cô độc này đâu. Khung cảnh ở đây lại bao la hơn, gần gũi với Đấng Tạo Hóa hơn. Nếu có một Đấng Tạo Hóa Toàn Năng ẩn mặt bên những giếng ước để lắng nghe những lời cầu xin thành khẩn, thì tại đây, bên cái giếng ước này, xa hẳn tiếng xe cộ, tiếng nhạc rock, tiếng chửi rủa, tiếng mặc cả buôn bán... Ngài phải nghe rõ những lời cầu xin hơn chứ! Tôi lục túi, còn hai đồng 1 xu, một đồng 5 xu, một đồng 10 xu, và một đồng 25 xu. Cháu chọn đồng 25 xu, và nhón đồng tiền bằng hai ngón tay như tôi làm lúc này, chồm người cô thả nhẹ vào giữa mặt giếng ước. Sau đó, cháu quì gối trên nền sỏi, chắp tay lại, lim dim thầm ước. Ông nhìn được cháu vào lúc đó phải nhận cháu đúng là thiên thần. Cháu chỉ thiếu đôi cánh trắng. Cháu quì như thế khá lâu. Lúc đã ước xong, đứng dậy, tôi hỏi cháu:

- Con ước những gì?

Cháu không đáp, chỉ hỏi lại:

- Thường thường bao lâu thì có kết quả hờ bố?

Tôi đáp liền:

- Một tuần.

Cháu có vẻ hơn hờ vui mừng. Hai bố con tôi ra về. Tối hôm đó sau khi ăn một bữa cơm Tàu thật ngon ở Anaheim, tôi hỏi cháu có thích đi xem phim không. Cháu bảo thích được về ngủ nhà bố một đêm để sáng mai còn về với mẹ.

Như mọi lần trước, tôi cứ muốn hỏi thăm cháu nếp sống ở nhà bên đó ra sao, nhưng không dám hỏi. Cháu Mai thì tíu tít nhảy từ chuyện nọ đến chuyện kia, nên tôi chỉ vô tình chộp được những mảnh rời, ghép lại chưa chắc đúng sự thật. Tôi làm ra vẻ lơ đãng khi hỏi:

- Tôi ở bên đó con ngủ với ai?

Cháu đáp:

- Con ngủ với Ngân.

Tôi chưa kịp hỏi, cháu đã giải thích:

- Ngân con của "bác" đó bỏ!

Tôi cảm thấy nóng mặt. Nhưng vẫn cố làm tỉnh hởi tiếp:

- Ngân nó có thương bố nó không?

Mai ngẫm nghĩ một lúc, rồi đáp:

- Con không biết. "Bác" không thương Ngân nhiều như bố thương con đâu.

Tôi sung sướng vội hỏi:

- Sao con biết?

Cháu trả lời đơn giản:

- Vì "bác" không bao giờ cho Ngân tiền cả! Bố này, con kể chuyện này bố đừng mắng con nhé!

- Ủ! Không bao giờ bố mắng con. Chuyện gì vậy?

- Hai đồng bố cho tuần trước, con đã cho con Ngân một đồng rồi.

- Tốt! miễn là đừng tiêu hoang.

- Nó xin, con thấy tội! "Bác" mà biết được, chắc Ngân bị đòn liền!

- Ngân tiêu phí tiền lắm à? Ăn hàng à?

- Không, Ngân nó nói với con là nếu nó để dành được 50 đồng, nó sẽ "runaway".

Tôi giật mình hỏi:

- Nó mấy tuổi rồi?

- Nó bằng tuổi con. Đêm nó khóc hoài, làm con ngủ không được! Nhưng nhiều đêm con cũng làm nó ngủ không được! Thế là hòa!

Cháu cười tự nhiên như kể một chuyện vui. Tôi vừa hãnh diện vì tìm thấy một "điểm xấu" của hân, lại vừa xót xa cho cháu. Nhiều đêm Mai của tôi cũng khóc trong giấc ngủ trẻ thơ sao? Những tối thứ bảy cháu ở lại với tôi, cháu đều vui tươi hồn nhiên. Đêm nào trong sáu ngày còn lại cháu đã khóc? Đêm chủ nhật nhớ bố? Tôi mong thế!

Phải đợi tới tối thứ bảy tuần rồi, lần đầu tôi mới tận mắt thấy cảnh cháu khóc một mình. Chương trình giải trí cuối tuần vẫn hấp dẫn như thường lệ, cháu vẫn vui đùa như mọi lần. Quá khuya, tôi chợt thức giấc vì nghe có tiếng động lạ. Cháu Mai ngồi hân dậy, và thút thít khóc giữa ánh sáng mờ ngọn đèn ngủ 5 watts. Tôi thảng thốt hỏi:

- Sao con khóc?

Cháu cố nén những cơn uất nghẹn, đáp lại:

- Đúng một tuần rồi bố ơi! Chúa có nghe lời con ước bên "Wishing Well" đâu!

- Nhưng con đã ước gì?

Cháu đáp thì thào:

- Con ước bố lại sống với mẹ.

Ông ạ, nghe cháu nói thế, tôi choáng váng cả người. Biết nói thế nào với cháu đây! Cuối cùng tôi bảo:

- Mới một tuần, còn ngắn quá con ạ! Chúa có nhiều việc phải lo, con hãy chờ thêm ít lâu nữa!

Cháu nó cứ khóc mãi. Tôi biết cháu không tin lời tôi, lần này là lần đầu!

Nguyễn Mộng Giác

Cali 12-7-86

# CHƯƠNG 4 - NHỮNG NGÀ RỀ MỘT DÒNG SÔNG

Ông Larry Scott bỏ bút xuống, ngồi dựa vào ghế nhưng êm và nhắm mắt lại để cố vượt qua cơn ngộp thở đột ngột kéo đến. Căn phòng có máy điều hòa ấm áp nhưng ông vẫn thấy lạnh run. Cái bệnh huyết áp cao thật quái dị. Da dẻ ông hồng hào, người ông mập mạp, nhưng sức khỏe của ông chẳng khác nào cây lau yếu ớt. Thời tiết trở mình một chút là máu trong người ông chạy rần rật, mặt ông nóng lên, lưỡi đơ ra, ần nói ngọng nghịu. Cái chết không biết sẽ đến với ông lúc nào, có thể lúc ông đang ngủ. Được như thế càng khỏe. Nhưng biết đâu ông sẽ bất ngờ gặp phải một cái chết thảm thương hơn. Như đang sửa soạn bước lên chiếc Limousine màu xám bạc giá gần 150.000 đô thì đứt gân máu ngã quỵ xuống lòng đường, làm cái đích hiếu kỳ cho đám đông. Hoặc có thể ông đang đứng ở bao lơn lầu hai tòa biệt thự giá 1 triệu đô để ngắm những con hươu chạy đuổi nhau trong vườn xanh mượt cỏ thì đầu óc nhộn nhạo quay cuồng, ông té xuống lầu, thân xác bầm dập đầm máu đến nỗi cô Diana, con gái cưng của ông cũng không dám mon men lại gần để đặt nụ hôn tử biệt lên trán cha.

Đã đành như một người bạn già của ông nói, "Có bệnh hoạn mới có dịp để về quê", hoặc mới có cơ để trốn dút khoát hết bao nhiêu thứ phức tạp chua cay của đời, nhưng phải bệnh cho ra bệnh kia! Đẳng này huyết áp cao đúng là bệnh mà không ai nhìn thấy ông bệnh để nâng niu chiều chuộng ông. Chẳng khác nào một thứ bệnh giả vờ. Bà vợ đã ly dị của ông bảo ông trái chứng để hành hạ bà, con gái thấy ông viết chúc thư tuy có hồi hộp mừng rỡ nhưng vẫn nhìn cha với đôi mắt bao dung thương hại, "Cha lần rồi". Ý cô nghĩ vậy. Ông biết rõ con gái nghĩ gì, nhưng không có cách nào giải thích cặn kẽ lòng ông cho Diana hiểu được.

Sáng nay, ông Larry Scott ngại mình chết bất thần mà chưa làm được điều gì ngoạn mục để đời, nên trải tám bản đồ thế giới ra bàn làm việc suy nghĩ hồi lâu. Ông phải làm gì đây? Phải làm cái gì để lỡ bất thần đứt gân máu ngã lăn ra chết, tên ông còn được ghi trong Guinness Book of World Records.

Năm 1983 ở vùng ông đã có hai cô cậu được lưu danh hậu thế nhờ hôn nhau lâu nhất thế giới. Món này thì ông chịu thua! Ông hay ngộp thở, và lấy làm tiếc là người ta không đặt ra kỷ lục hôn ngắn nhất thế giới. Năm 1984 hàng trăm lực sĩ trên khắp thế giới đạt được đủ mọi thứ kỷ lục. Ông lại chịu thua lần nữa, lòng hồi tiếc cho cái thời trẻ trung chỉ lo làm tiền chứ không lo tập tạ, phóng lao, trượt băng, bơi lội, nhảy xa, nhảy dài... Thế giới bao la trải dài trên tám bản đồ trước mặt ông, vậy mà nghĩ nát óc ông Larry Scott vẫn không tìm ra được một thứ trò ngoạn mục nào để ông đạt kỷ lục để đời.

Ông thiếu sức khỏe, dù có nhiều, rất nhiều tiền!

Đột nhiên ông tìm ra một tia sáng hy vọng. Ồ, tại sao chỉ tìm những trò hại sức trong khi sức mình có hạn? Tại sao chỉ dùng sở đoản trong khi lại không tận dụng sở trường là gia tài kếch xù của ông? Không vung tiền ra để đạt một thứ kỷ lục nào đó thì lúc nhắm mắt xuôi tay, ông có mang theo của cải, nhà cửa, các cổ phần trong công ty địa ốc, công ty xây cất, công ty sản xuất đồ sứ... được đâu! Phải dùng tiền để làm một cái gì ngoạn mục, chẳng hạn một công việc từ thiện, hoặc đóng góp vào một công trình văn hóa.

Ông thấy mình có lý. Trong cơn hứng khởi ông thấy khỏe khoắn hẳn lên. Ông cầm lại cây bút đỏ, đưa đầu bút di chuyển lên khắp năm châu để tìm một chỗ xứng đáng để ông ban ơn. Đầu bút của ông đưa về Âu châu trên tám bản đồ. Tái thiết lại nhà thờ Notre Dame ở Paris? Không ổn! Chưa chắc tay tổng trưởng văn hóa nặng đầu óc tự ái quốc gia Jack Lang chịu nhận tiền của mình. Phục hồi các di tích đền đài đồ nát ở Hy Lạp? Tay thủ tướng Papandreou thuộc đảng xã hội này cũng khó chơi y như tên tổng trưởng văn hóa Pháp. Đùng rờ vào Hy Lạp mà tiền mất tật mang! Cứu đói ở Ethiopia? Ồi dào! Hàng triệu người đói, và nhiều triệu người khác cũng sắp đói, gia tài của mình đổ vào đó như muối đổ biển, lôi kéo được sự chú ý của người đời nay đã khó huống hồ làm sáng rõ mắt của hậu thế!

Bỏ tiền chữa mắt cho những người Ấn bị mù vì tai nạn hơi độc ở Bhopal? Chuyện này hăng hóa chất Union Carbide đang lo, mình xía vào người đời chẳng khen mà còn chê là đại.

Đầu bút của ông Larry Scott di chuyển dần về Á châu. Chậm chậm. Lơ đãng... Cuối cùng, cùi chỏ ông đụng nhầm cái intercom, bắt buộc tay phải ông Larry ngưng cử động. Và may mắn làm sao, đầu bút "phiêu lưu" ấy dừng lại trên cái hình chữ S tô màu hồng nằm bên bờ Nam hải. Ông Larry Scott lẩm bẩm:

- Việt Nam! Việt Nam War! Phải rồi! Đây là nơi ta có thể làm được những điều ngoạn mục vừa với túi tiền của ta, lại gây được chú ý của thế giới.

Ông bấm intercom gọi ngay viên phụ tá giám đốc đặt trách quảng cáo lên văn phòng. Ông Robert Wilson trước hết lấy làm khâm phục sáng kiến nhân đạo của "boss", nhưng sau đó lễ phép lưu ý ông Larry rằng Việt Nam hiện nay là một nước cộng sản. Tệ hơn nữa, là một nước cộng sản hiếu chiến xâm lăng Kampuchea đang bị khắp thế giới bao vây về kinh tế lẫn ngoại giao.

Thấy ông Larry có vẻ tuyệt vọng, viên phụ tá e dè đề nghị:

- Hay ông Giám đốc nên bỏ tiền ra giúp các boatpeople Việt Nam. Cộng đồng của họ ở gần đây thôi. Tôi có một người bạn học Việt Nam rất am tường cộng đồng này. Nếu ông Giám đốc đồng ý, tôi có thể lo liệu thực hiện nghĩa cử này của ông.

Ông Larry mừng quá, vất cây bút đỏ xuống bàn, gấp tám bản đồ thế giới lại. Đầu óc ông hơi ngây ngất, không biết vì chứng huyết áp cao hay vì vui mừng tìm được tia sáng từ thiện. Muốn cho chắc ăn, ông kéo học bàn lấy thuốc trợ tim ra uống vài giọt rồi mới bảo viên phụ tá:

- Được. Anh liên lạc với họ gấp rồi cho tôi biết mình có thể giúp họ cách nào, bao nhiêu. Từ nay đây là job chính của anh.

○ ○ ○

Ông Robert Wilson hí hửng vì được giao một thứ job đặc biệt, job lãnh lương cao đàng hoàng nhưng chẳng phải là job, đi làm việc cho ông Giám đốc mà như đi vacation. Vì ông đã từng tham chiến ở Việt Nam hai năm. Ông đã đặt chân lên khắp nơi ở dải phía Nam mảnh đất hình chữ S này. Ông từng chở nhiều cô gái bán bar xinh đẹp nhỏ nhắn vào Chợ Lớn ăn ngẫu pín hấp thuốc bắc ở một khu phố Tàu chật hẹp và ồn ào y như những khu Chinatown tại San Francisco và New York. Ông từng thưởng thức mì cao lầu ở phố Hội An, bún bò Mụ Rót ở Huế, hủ tiếu Thanh Xuân ở Sài Gòn. Trở về Mỹ sau hai năm phục vụ tại Việt Nam, ông cảm thấy miếng hamburger nhạt nhẽo vô vị. Hương vị Việt Nam đọng lại thơm tho nơi đầu lưỡi của ông, cái hương vị đậm đà quyến rũ khiến ông cảm thấy xa lạ với người đồng chủng. Chuyện khó tin, nhưng "believe it or not", ông yêu Việt Nam không phải qua trí tuệ, tâm hồn, không phải qua lập trường chính trị hay quan điểm nhân sinh, cũng không phải yêu qua một hình bóng nhỏ nhắn yêu kiều. Ông yêu Việt Nam qua hương vị đặc biệt của các món ông được nếm thử trong thời tham chiến.

Cho nên còn gì thú vị hơn cho ông là được la cà giữa Little Saigon đàn đúm ăn uống với những người tị nạn Việt Nam y như "thời thơ mộng", mà hàng tuần vẫn đều đều nhận check lương để đóng bill nhà, bill xe, bill thẻ tín dụng, bill điện, bill nước...

Ngày chiều hôm đó, ông Robert Wilson lái xe đến nhà ông bạn thân người Việt thuộc hạng nhân sĩ của cộng đồng. Ông Wilson nói thẳng ngay từ đầu là ông Giám đốc muốn tài trợ vô điều kiện cho một công trình có ích cho người Việt tại đây, miễn công trình đó phải ngoạn mục và được nhiều người biết.

Là một chuyên viên quảng cáo lành nghề, nên ông Wilson hỏi ngay:

- Phải nhờ báo chí Việt ngữ làm rầm rộ thật dữ. Ở đây có tất cả bao nhiêu tờ báo tiếng Việt?

Ông Trần, nhân sĩ cộng đồng lắc đầu thú nhận:

- Tôi không nhớ hết. Nhiều lắm. À, vừa rồi tờ The Register có liệt kê các báo Việt ngữ. Để tôi tìm thử. Ông Trần lục tìm thật lâu trong đống báo cũ vứt bừa bộn ở xó nhà bếp, cuối cùng cũng tìm ra tờ báo muốn tìm. Ông trở lại chỗ ông bạn Mỹ ngồi, và bảo:

- Mười bảy tờ tất cả, chưa kể những báo bán như bán nguyệt san hoặc nguyệt san.

Ông Wilson há hốc mồm nhìn người bạn Việt, không tin. Giọng ông đầy hoài nghi:

- Mười bảy tờ?

Ông Trần cười, nói thêm:

- Chưa kể các nội san của các hội.

Ông Wilson đâm lo âu:

- Nhiều quá làm sao thuyết phục cho họ loan tin vụ này được?

Ông Trần hỏi:

- Thuê họ đăng như đăng quảng cáo được không? Giá rẻ thôi!

Ông Wilson lắc đầu:

- Không được. Tác dụng một trang quảng cáo không bằng một mẫu tin ngắn ở trang nhất. Tôi chuyên lo về quảng cáo, biết rõ điều ấy lắm. Cho nên anh thấy đây, trước khi tung một cuốn phim ra thị trường, nhiều khi ban quảng cáo phải bịa tin cô đào này bỏ chồng để theo anh kếp đóng chung cuốn phim sắp phát hành, hoặc vai chánh kia đi bắt bò lạc bị cóm vò vân vân và vân vân... Anh giúp họ tôi cách nào mười tờ báo Việt cũng loan tin trên trang nhất, thì hay biết mấy.

Ông Trần đính chính:

- Mười bảy chứ không phải mười. Tôi thấy khó lắm.

- Hay nhờ một tờ báo lớn nhất loan tin, để các báo kia thấy tin hấp dẫn sẽ đăng lại?

- Khó lắm. Họ có thể đăng lại một tin thật cũ bên Úc, bên Pháp, bên Gia nã đại, nhưng không bao giờ đăng lại một tin địa phương báo khác đã loan.

Hai người ngồi im lặng hồi lâu. Đột nhiên ông Trần vỗ trán vui mừng, bảo người bạn Mỹ:

- À, tôi tìm ra giải pháp rồi. Cách tốt hơn hết, hữu hiệu hơn hết là ta gửi tin cho ông C.B.A. ở Hoa Thịnh Đốn. Ông ấy sẽ cho vào bản tin thủ đô và gửi ngược về đây. Làm như vậy thì báo nào cũng loan, vì lâu nay báo nào cũng chờ bản tin Hoa Thịnh Đốn hàng tuần để đăng đồng loạt.

o o o

Sáng kiến ngoạn mục của ông Larry Scott quả nhiên gây chấn động trong cộng đồng người Việt khắp tiểu bang Cali, sau khi gần hai mươi tờ báo Việt ngữ đều có đăng tin nhà tư bản hảo tâm này muốn tặng cho cộng đồng người Việt một món tiền lớn để làm việc công ích.

Gần một trăm hội đoàn đề nghị dự án để dùng món tiền đó, và đề nghị nào cũng rất hợp lý. Có đề nghị nên giúp đỡ cho những người già hiện lạc lõng giữa một nếp sống mà họ không thể nào thích nghi được, xem tivi không hiểu, lái xe trên xa lộ không quen, con cái trong nhà đi làm suốt ngày ngồi một mình trong những căn nhà tiện nghi mà không có bạn bè để chuyện trò hay trẻ con để săn sóc, lâm bệnh tâm trí vì nhớ tiếc một tiếng chó sủa, một tiếng bồ câu gù, một tiếng vồng đưa, một tiếng rao hột vịt lộn hay chè đậu xanh nước dừa đường cát...

Có đề nghị nên đem tất cả số tiền đó đóng góp vào quỹ yểm trợ kháng chiến, vì chỉ lúc nào giải phóng trọn vẹn được quê hương thân yêu thì những căn bệnh lưu vong mới thực sự được trị tuyệt gốc, không còn những người bất đắc chí ngày đi "cày", đêm về uống rượu như hũ chìm rồi đập vợ mắng con, không còn cảnh con cháu nói chuyện với ông bà phải có cha mẹ làm thông ngôn...

Có đề nghị nên gửi ngay số tiền đó để cứu trợ cấp thời cho những người tị nạn vượt biên đường bộ hiện bị mắc kẹt ở các trại gần biên giới Kampuchea-Thái lan, ở Khao I Dang, ở Dongruk, hoặc những người vượt biển nhưng sóng khắc khoải trong các trại kín ở Hồng Kông.

Có đề nghị nên chú tâm giúp đỡ các trẻ em tị nạn không thân nhân. Có đề nghị nên tài trợ cho việc tìm kiếm các thiếu nữ bị hải tặc Thái lan bắt cóc...

Đề nghị nào cũng chính đáng cả, nhưng cuộc tranh luận về thứ tự ưu tiên của các dự án ngày càng sôi nổi, từ sôi nổi trở thành ồn ào, từ ồn ào biến thành âm ỉ. Báo chí nhảy vào, bên này bên kia chống, lời lẽ ban đầu còn từ tốn ôn hòa, về sau có báo viết thẳng "mày tao" lên giấy trắng mực đen. May mắn là cuối cùng có một tờ báo đề nghị nên dùng số tiền đó vào một dự án ít gây tranh luận nhất, là xây một Đền Quốc Tổ cho cộng đồng người Việt hải ngoại.

Thật là một đề nghị thần diệu! "Cứu trợ" những người đã chết rõ ràng hợp lý hơn cứu trợ những người còn sống, vì đã đem món tiền lớn định giúp người sống thì những người còn sống này tất phải có

miệng để đòi, có tay để chộp, có vai để chen, có chân để đạp. Phiền lắm! Ai cũng tranh nhau quyền ưu tiên, nên sinh chuyện cãi vã, đôi co, chộp mũ, bới móc, xía xói nhau. Còn gì hợp lý hơn là lập một Đền Quốc Tổ để các cụ già cô đơn có một chỗ xưng họa thơ văn, những thanh niên yêu nước có chỗ để thề nguyện hy sinh, các trẻ em nói tiếng Việt u ơ có một Mái Thiêng Liêng để mà quay về, và biết đâu, giữa cuộc sống xô bồ chạy theo tốc lực và chạy đi kiếm job, Đền Quốc Tổ không phải là nơi những cặp trai gái chọn làm chỗ hò hẹn tình yêu.

Sau nửa tháng chạy long tóc gáy đến liên lạc khắp các hội đoàn, đoàn thể chính trị, các tòa báo, các trung tâm thanh niên... ông Robert Wilson mang về được cho ông boss dự án xây dựng Đền Quốc Tổ cho cộng đồng người Việt hải ngoại.

Ông Larry Scott mang kính lão vào, đọc bản dịch toàn bộ dự án. Ông hơi thất vọng, vì dự án này hiền lành quá, trùu tượng quá. Ông đã từng tặng cho các hội từ thiện, tôn giáo biết bao tiền để giảm bớt số thuế phải đóng hằng năm, nhưng có gây được chút tiếng tăm nào đâu! Chẳng lẽ ông bỏ tiền ra lập đền thờ cho một đảng thần linh lạ hoắc, trong khi ông lại không chỉ cho việc xây cất các nhà thờ thờ phượng Đảng Sáng Thế quen thuộc của ông? Viên phụ tá của ông phải dài dòng giảng giải thuyết phục một hồi ông mới bắt đầu dĩ chấp nhận. Bệnh huyết áp của ông không cho phép ông chân chờ thêm nữa.

Giai đoạn khó khăn nhất đã qua. Vạn sự khởi đầu nan. Cái đầu là dự án đã dứt khoát lựa chọn xong, thì tất nhiên cái đuôi còn lại phải trót lọt. Nhưng cái đuôi quá dài cựa quậy vùng vẫy mãi vẫn không trườn lên lọt qua cửa hẹp khó khăn, khiến dự án cứ dậm chân tại chỗ. Cuộc cãi cọ tranh luận cũ đã qua, để rồi bùng lên nhiều cuộc cãi cọ tranh luận mới.

Ai là người có đủ tư cách đại diện hợp pháp của cộng đồng, kiêm thêm tư cách đạo đức, tinh thần dân tộc, xứng đáng đứng ra chủ trì việc xây Đền Quốc Tổ? Một hội đoàn vừa áp ứng, e dè mở lời đề nghị vị hội trưởng của mình, là ngay vài hôm sau, cuối tuần đi chợ nhật báo về xem, thiên hạ đã đọc thấy những lời tố cáo xa gần ông hội trưởng ấy mắt toét, mồm thối, què mùa, dốt nát, không xứng đáng để gánh vác việc thiêng liêng.. Một ông tướng được báo này nhắc tên là tuần sau báo kia đã đăng thư độc giả kể vanh vách lý lịch ba đời của ông ta.

Rồi xây Đền Quốc Tổ ở đâu? Báo chí Nam Cali cho rằng quận Cam qui tụ được đông đảo người Việt tị nạn nhất, hầu hết tướng tá, nghị sĩ, dân biểu, chánh án, biện lý, nhạc sĩ, ca sĩ, văn sĩ, thi sĩ, võ sĩ, đạo sĩ... tiếng tăm lẫy lừng một thời ở Sài gòn trước 1975 đều dồn về đây.

Đi vào một tiệm phở nhỏ ở đường Bolsa vẫn may mắn hân hạnh diện kiến một ông cựu thủ tướng hay một ông cựu bộ trưởng. Đi đánh tứ sắc cho đỡ nhớ ở một căn chung cư xoàng xĩnh rẻ tiền nào đó chịu nhận housing, vẫn hy vọng ngồi cạnh một bà cựu tổng giám đốc. Rồi tưởng tượng thêm chút nữa đi! Được ăn bún ốc với ông cựu thứ trưởng, được coi phim X với ông cựu cục trưởng, được xếp hàng đi chợ với bà cựu chánh án... Còn chỗ nào để rước Quốc Tổ về xứng đáng hơn quận Cam Nam Cali?

Câu hỏi đó không làm vui lòng đồng bào ở Bắc Cali, nhưng có một điều dường như cả hải ngoại mặc nhiên công nhận, là quận Cam Nam Cali đã trở thành một thứ thủ đô của người Việt lưu vong, một chỗ để nghỉ vacalion là về thăm, một chỗ để các nơi nhìn về mà hy vọng hay thất vọng.

Tuy nhiên, vì tìm ra chỗ để xây đền thờ Quốc Tổ, tìm ra tiền để xây cất đền thờ Quốc Tổ, nhưng không thể nào tìm ra được "người xứng đáng" để đứng ra đại diện cộng đồng thực hiện dự án thiêng liêng đó, nên hai tháng trôi qua mà ông Robert Wilson không mang thêm được tin vui nào cho ông Larry Scott.

Ông Wilson vẫn lãnh check lương hàng tuần. Còn ông chủ Larry Scott vì bận đối phó với vụ kiện đòi chia gia tài của bà vợ đã ly dị từ mười năm trước, nên quên bẵng mất không theo dõi kết quả công việc viên phụ tá đặc trách quảng cáo.

Đến khi ông thắng kiện, Larry Scott mới trục nhớ vụ xây đền. Ông bấm intercom gọi cô thư ký hỏi hồ sơ công việc của ông Wilson đâu. Cô thư ký lục tìm mãi, cuối cùng tìm ra một xấp bìa mỏng màu đen, bên trong vồn vện chỉ có một tờ giấy trắng.

Ông Wilson đã xin nghỉ việc, vì biết trước thế nào mình cũng bị ông Larry Scott cho đi vacation dài

hạn.

Nghe nói về sau ông thành người lắm cảm, thường lân la ở các chỗ có đông người Việt, và gặp ai ông cũng dùng cái đèn pin soi vào mặt họ, ánh nhìn láo liêng tìm kiếm. Tội nghiệp thân ông!

Nguyễn Mộng Giác

Orange County 9/3/1985

# CHƯƠNG 5 - THƯ SÔNG ĐÀ

Chị,

Em viết bức thư này cho chị, một đêm trăng mờ trên sông Đà. Em phải kê giấy trên ván thuyền để viết, mà viết trong lúc cảm động, nếu chữ khó đọc, xin chị cũng tha lỗi cho.

Chị có nhớ không, hai câu đầu trong lá thư Dũng viết cho bà giáo Thảo ở phần kết cuốn Đoạn Tuyệt? Hồi đó hai đứa mình quá thích hai câu này, và cả hai đều không hiểu vì sao mình thích. Chị thì bảo tại cái ánh trăng sông Đà. Em thì bảo tại hình ảnh kê giấy lên ván thuyền để viết lá thư về sau khiến Loan "đi trong mưa gió mà quên cảm mưa ướt gió lạnh". Có điều cả chị lẫn em đều biết mà không dám nói ra, là hai cô bé thời bấy giờ đều âm thầm mơ ước một "chàng Dũng" cho mình, của mình.

Em không hiểu khi bằng lòng lấy anh Vĩnh, chị có tìm được nét giống giống nào giữa "ba sắp nhỏ" với nhân vật nam của Nhất Linh hay không. Em nhớ một dạo sau ngày cưới, chị viết cho em lá thư ngắn bảo "Anh ấy thật tuyệt vời". Một lá thư khác chị khoe anh Vĩnh biết tần tiện, lo xa, cái áo mai-dô rách như xơ mướp nhưng nhất định không cho chị mua cái áo lót khác để thay thế. Một lá nữa chị viết khi vừa sinh cháu thứ hai ( em quên mất tên, hình như cháu Vi thì phải ), chị than độ này hơi mất sức vì cháu nhỏ hay khóc đêm mà thấy anh đi làm mệt quá, nhiều đêm muốn nhờ anh canh con cho một chút để ngủ bù, nhưng ngại. Sau đó, chị không thèm viết thư cho em nữa. Em cũng vậy, tuy lâu lâu nghĩ đến hai câu đầu lá thư của Dũng, em vẫn muốn viết cho chị một lá thư thật dài để nhắc lại những mơ mộng thời trẻ.

Bây giờ thì cơ hội đó đến rồi đây! Chị viết thư chia buồn với em, lo em gặp rắc rối khi cả báo Việt lẫn báo Mỹ trên đó đều có đăng về cái chết của nhà em. Nhận được thư chị đã lâu, nhưng tâm trí em rối như tơ vò, làm sao phúc đáp cho chị được. Bây giờ em mới thoải mái được đôi chút, gần như sắp bước vào một cuộc đời mới.

Em sắp dọn nhà. Em vừa kiểm kê lại tất cả cuộc đời mình, tất cả đồ đạc, tất cả thư từ, xem thứ gì cần giữ lại thứ gì cần vứt đi. Căn phòng em sắp "share" với gia đình người bạn gái cùng làm chung sở nhỏ hẹp quá, em có muốn ôm đồm giữ lại tất cả quá khứ cũng không được. Phải dứt khoát bỏ bớt, chỉ giữ lại những gì cần thiết.

Chính vì vậy mà em tìm giữ được lá thư phân ưu của chị hồi tháng Tám, và cuốn Đoạn Tuyệt không biết nhà em mua từ lúc nào.

Thư chị viết: "Nghe tin em qua, vợ chồng đoàn tụ, chị mừng quá. Chưa kịp xuống thăm thì đọc báo thấy em gặp chuyện không may. Nhiều tờ báo Việt trên này thêm thắt nhiều chuyện mà chị biết chắc là không thêco thật. Miệng đời thật độc địa. Chị biết trong hoàn cảnh ấy, nếu có viết cũng không làm gì được cho em, nên chờ. Bây giờ thì mọi sự đã ngã ngũ. Xin chia buồn và chia mừng với em (thật mâu thuẫn, nhưng đó là sự thật). Riêng "Ba sắp nhỏ" thì tò mò muốn biết thật rõ cái gì đã xảy ra. Em kể cho chị nghe được không?"

Đây, phần đầu lá thư của chị. Hồi mới nhận thư, em hơi buồn, thầm trách chị nhiều lắm. Em nghĩ chị chẳng còn là người bạn lớn hồi học Nữ Trung Học nữa. Chị viết thư thăm hỏi không vì lòng tốt, chỉ vì tò mò.

Nhưng bây giờ em nghĩ khác. Có lẽ chị lo lắng cho em thực sự. Em có lỗi với chị nhiều khi không trả lời ngay cho chị yên tâm, khiến chị gửi tiếp lá thư thứ hai. Cho nên chị rán đọc lá thư dài này ( em dán 88 xu tem vì không muốn chị phải nộp phạt ). Và nếu Dũng viết chữ khó đọc vì phải kê giấy lên ván thuyền viết thư cho bà giáo Thảo, thì chữ viết của em cũng không thua gì. Em đang kê giấy lên cái thùng carton đựng đủ thứ song chảo bát đĩa linh kinh để viết thư cho chị đây. Chị hỏi "trước đó" vợ chồng em có hay cãi cọ xích mích nhau như bài tường thuật của báo chí dưới này hay không? Có cảnh xô bàn đập ghế như các bà hàng xóm khu chung cư khai với cảnh sát hay không? Không đâu chị ơi! Làm gì có chuyện đó. Chị quá biết tính em. Còn anh ấy thì ít nói, khi giận ai thì lười lười lại. Tội em có

xích mích nhau nhưng cái cộ to tiếng hoặc làm náo loạn khu chung cư thì nhất định không. Chắc chị lại hỏi: Vợ chồng xa nhau bảy tám năm trời mới may mắn đoàn tụ, sao lại xích mích nhau? Câu hỏi ấy, em đã phải trả lời với các nhà báo, trả lời với ông toà, trả lời với chính em. Em không biết câu trả lời nào mới chính xác. Câu trả lời cho chị trong lá thư dài này chăng? Em hy vọng như vậy, mặc dù cũng giống y như tâm trạng của Dũng khi viết thư dưới ánh trăng mờ sông Đà, tâm trí em lúc này vẫn chưa hết bàng hoàng xúc động, không biết rõ mình đã làm gì, mình ở đâu, và sẽ phải ra sao. Tốt hơn hết là em cứ kể hết những gì thoát đến trong trí nhớ, như em vừa làm cuộc kiểm kê tất cả những gì còn lại trong nhà để di chuyển đến chỗ ở khác. Chị rán đọc, chị nhé!

Như anh chị đã biết, em qua đây hồi tháng Tư. Suốt tám năm xa cách, vợ chồng em viết thư đều đặn cho nhau nên gần như trước khi bước chân lên phi cơ Air France, em đã biết trước những gì đang đợi mình. Nhiều người ở Việt Nam khen em may mắn. Em cũng nghĩ như vậy. Xa nhau hàng vạn dặm suốt bao nhiêu năm mà anh ấy vẫn ở vậy chờ em qua. Lại có nghề nghiệp chắc chắn, lương cao. Nhà cửa đã mua sẵn. Bàn ghế đồ đạc máy móc đã sắm đủ. "Không thiếu thứ gì, chỉ thiếu em". Nguyên văn thư anh ấy viết về như vậy. Lời thư ngắn, nhưng những lá thư có câu kết này đã khiến em cảm động đến rung rung nước mắt, và cũng giống như Loan, nhiều buổi chiều Sài Gòn trời mưa tầm tã, em đi dưới mưa thầm đọc lại câu ấy mà quên cả cảnh phố xá ủ rũ lạnh lẽo.

Chắc chị lại đoán em mơ tưởng nhiều nên vỡ mộng lúc chạm mặt với thực tế. Không đâu. Chiếc phi cơ hàng không PAN AM đáp xuống phi trường Los Angeles lúc 11 giờ tối. Trên em, cả bầu trời đầy sao. Dưới em, cả một khoảng không gian mênh mông nhấp nháy ánh đèn rực rỡ. Trong lòng em (xin lỗi chị, em hơi cải lương một chút) là hội hoa đăng. Chúng em ôm chầm lấy nhau, em vừa gạt nước mắt vừa cố nhìn xem anh ấy có thay đổi nhiều lắm không. Anh ấy vẫn vậy. Có mập hơn chút xíu, chút xíu thôi. Đáng đi, cử chỉ có vẻ đĩnh đạc hơn, đó là nhận xét đầu tiên của em, khi bước theo sau ngắm nghía anh ấy xách hai cái va li nặng của em ra đường trước phi cảng.

Chúng em về tới nhà lúc 1 giờ khuya. Anh ấy lắng xằng lo lắng cho em từng chút, dẫn em đi khoe hết thứ này đến thứ khác. Tấm rèm anh mua ở Broadway này! Tấm thảm anh lựa ở Sears này! Bộ salon anh đặt hàng mãi 4 tháng mới có này! Giàn âm thanh nghe nhạc có những nút xanh đỏ nhấp nháy ở phòng khách. Tủ kính đựng hàng hàng lớp lớp băng video...Mắt em ráo hoảnh vì vẫn còn quen với giờ giấc ở Việt Nam, nhưng ít lâu sau em nhận ra anh ấy có vẻ mệt. Em ép anh ấy đi ngủ, còn em thì xuống bếp xem qua cách bố trí của một nhà bếp kiểu Mỹ. Phải nhận là tiện lợi và đầy đủ quá, lối xếp đặt chỗ nấu nướng của một căn nhà Mỹ!

Em cứ sống trong trạng thái lơ lửng như vậy cả tuần lễ, chân như đi trên mây, không phân biệt được thực với mộng, Việt Nam và đất khách. Anh ấy giải thích là ai mới qua cũng như vậy cả, lý do chính là chưa điều chỉnh được cơ thể cho phù hợp với giờ ngủ giờ thức ở đây. Em cũng nghiệm đúng như vậy. Qua được tuần đầu, em thấy dễ chịu hơn, tỉnh táo hơn. Em bắt đầu nhớ Việt Nam, nhất là những ngày ngồi một mình ở nhà xem tivi hết đài này tới đài khác, chờ anh ấy đi làm về. Nói xem tivi cho nó oai, chứ tiếng Anh em nghe chẳng được gì cả, chỉ biết nhìn hình nhìn cảnh để chiêm ngưỡng cái giàu có lộng lẫy của đời sống Mỹ. Có hôm buồn em đòi anh ấy dẫn qua giới thiệu với các gia đình Việt Nam trong khu chung cư để làm quen. Anh ấy lắc đầu thương hại, bảo em: "Rồi em sẽ thấy, ở đây không ai có thì giờ tiếp em đâu. Qua gặp chỉ làm phiền họ thôi."

Ban đầu em không tin, nghĩ anh ấy không thích cảnh các bà các cô ngồi lê đôi mách. Nhưng về sau, chỉ cần nhìn cuộc sống hối hả tất bật của anh ấy rồi suy ra cuộc sống ở các gia đình khác, em hiểu. Phải thú nhận là em lạc lõng giữa cuộc sống mới vì anh ấy bận bịu quá. Đi làm từ 6 giờ sáng, 4 giờ chiều ra khỏi sở nhưng vì thường xuyên bị kẹt xe trên xa lộ nên đến 6 giờ chiều anh ấy mới về tới nhà. Lo tắm rửa, xem tivi một chốc, lơ là giờ qua vài trang báo, rồi anh ấy lại lo đi ngủ lấy sức "ngày mai đi cày". đều đặn như vậy cả tuần, thứ bảy chủ nhật đôi khi còn đi làm thêm giờ phụ trội. Em không dám ngăn anh ấy bớt làm việc, chỉ nói khéo là nên giữ sức khoẻ. Anh ấy đưa em xem đồng bill hàng tháng phải trả cho ngân hàng: nợ xe, nợ nhà, nợ bảo hiểm, nợ tín dụng, nợ vay tiền đi học...Em thương quá, nhưng

biết làm sao được! Càng thương hơn khi biết anh ấy lo "cày" trả nợ chỉ vì muốn chuẩn bị đầy đủ tiện nghi để hành diện mà đón em.

Em muốn tìm việc làm để chia bớt gánh nặng cho anh ấy, nhưng trình độ Anh ngữ em còn yếu quá, xin việc gì được! Anh ấy khuyên nên rán nghe tivi cho quen. Lại có lý do chính đáng để ôm cái tivi cả ngày, đến nỗi tuy không hiểu, em vẫn nhớ vanh vách từng điệu nhạc dạo cho từng cái quảng cáo thuốc gọi đầu, đồ chơi con nít, bảo hiểm nhân thọ, bình xịt gián...

Chính thời gian này là thời gian em viết thư và gọi điện thoại cho chị nhiều nhất, chị nhớ không?

Em buồn quá, Càng buồn càng sắc mắc theo dõi mọi việc, mọi sự quanh mình. Em nhận ra anh ấy có già đi. Cái dáng đỉnh đặc em chú ý hôm xuống phi trường càng về sau em càng thấy có nhiều chi tiết tỉ mỉ hơn. Chẳng hạn lọ thuốc nhuộm tóc hiệu Bigen trong phòng tắm giúp em chú ý tìm ra những sợi tóc bạc chưa nhuộm hết ở sau gáy anh ấy. Một lần thấy nét mặt anh ấy trầm ngâm, như đang suy nghĩ điều gì, em đem chuyện Việt Nam ra kể cho anh ấy nghe. Anh ấy gật gù ra vẻ thú vị. Em có hứng, kể lại chuyện đi lãnh quà trên Tân Sơn nhất về muộn bị cướp giật trên đường Trương Minh Giảng. Anh ấy lại gật gù thú vị. Em kể chuyện cô bạn dạy cùng trường mặc quần lụa đen bị bọn lưu manh chặn trong đường hẻm bắt cởi quần đưa cho chúng đem bán ở chợ trời...Anh ấy gật gù không cười, rồi đột nhiên choàng dậy hỏi: "Hả? Em nói cái gì?".

Hoá ra từ đầu đến giờ anh ấy dùng headphone để nghe nhạc. Em chưng hửng, vừa thẹn vừa giận, không nén lòng được trách móc to tiếng:

- Biết qua đây mà anh đối xử với em như thế này, thà em ở lại bên đó cho xong.

Anh ấy ngơ ngác hỏi lại:

- Em nói cái gì?

Em bật khóc, kể hết mọi bức dọc lâu nay không nói được với ai. Khi em trách tại sao thư anh ấy gửi về đầy cả lời lẽ yêu thương mà khi đoàn tụ, anh ấy không nói với em những lời như thế, anh ấy chỉ bảo:

- Em quên là tụi mình đâu còn trẻ nữa!

Em tức tưởi đáp:

- Chuyện đó đâu ăn nhập gì! Em cứ muốn nghe anh nhắc đi nhắc lại hoài câu "Anh yêu em", "Anh yêu em"...Từ hôm qua đây, em chờ đợi mãi câu ấy. Anh có thêm nói gì đâu!

Nét mặt anh ấy kinh ngạc tột độ, gần như không tin tai mình. Anh ấy định nói gì đó, do dự, rồi sa sầm nét mặt, nói như cái máy:

- Thôi được. Anh yêu em. Đủ chưa?

Em uất quá, dọn chăn gối qua ngủ ở phòng khác. Đêm đó, em thao thức chờ anh ấy qua năn nỉ xin lỗi. Nhưng không thấy gì. Sáng sớm hôm sau, em dậy sớm, dẫn tự ái qua gõ cửa phòng anh ấy, thì anh ấy đã đi làm rồi.

Anh ấy có viết vài dòng trên tập bloc-note xin lỗi em. Em thoả mãn tự ái đôi chút. Nhưng, chị biết không, chính mấy dòng chữ ghi vội này lại khiến em thắc mắc. Nét chữ anh ấy khác hẳn nét chữ anh viết thư về nhà. Loại chữ ngang ngay sỗ thẳng giản dị viết theo lối chữ hoa, hơi giống giống lối chữ trên màn ảnh quảng cáo gắn ở trụ sở hoả xa chợ Bến Thành trước kia.

Em quên nói với chị là suốt một tháng ròng từ sau hôm đó, tụi em vẫn ngủ riêng hai phòng khác nhau. Không phải em cố chấp. Anh ấy đã viết giấy xin lỗi, em cho như vậy đã khá đủ. Nhưng ít ra anh ấy phải nói điều gì để em ôm chăn gối trở lại chứ. Anh ấy không chịu nói câu em chờ đợi, cũng không hề nhắc tới câu xin lỗi đã viết ra giấy. Ở hoàn cảnh chị, chị có dẹp tự ái để làm hoà hay không?

Có lẽ đó là cái mốc thời gian bắt đầu từ đây cuộc sống hai đứa em ngày càng xa cách, lạ lẫm. Không có cơ cứu vãn được nữa. Một bữa em cố dẹp tự ái, mở lời giải hoà bằng cách than vì không có trẻ thơ nên cảnh nhà lạnh lẽo quá. Anh ấy cau có đáp:

- Em tưởng ở Mỹ sinh con dễ lắm sao! Tiền bệnh viện hộ sinh đến 4, 5 nghìn bạc. Nếu sinh khó, lại càng đắt hơn nữa. Nhưng cái phiền là chuyện trông nom đứa bé. Và lại...

Biết anh ấy sắp nhắc đến bệnh hiểm muộn của em, em bảo:

- Hôm nào anh thử đưa em đi khám ở bác sĩ phụ khoa xem sao.

Rồi bậm môi lấy hết cố gắng, em nói:

- Em muốn có con.

Anh ấy đáp cụt lủn:

- Ừ, để coi.

Rồi thôi. Em chán, thấy không còn có gì để cố gắng thêm nữa. Tụi em như hai cái bóng ma của nhau, có đó mà không có đó. Anh ấy đi, về, như một người khách trọ lạng lẽ, kín đáo. Tiếng chìa khoá tra vào ổ khoá cửa trước...Tiếng kẹt cửa...Tiếng bước chân đều đặn ở cầu thang...Tiếng mở cửa phòng...Tiếng bật công tắc...Tiếng cánh cửa tủ lạnh đóng ập vào...Tiếng nhạc rock...Tiếng la hét đấm đá trong băng video...Chị thử tưởng tượng cuộc sống của em trong thời gian ấy, cuộc sống vô công rồi nghề nằm lắng nghe từng tiếng động rì rạc vô nghĩa như vậy, trong lúc tâm trí không thôi nhớ thương tiếng chim bồ câu gù ở hiên sau, tiếng lá dừa xào xạc cọ vào mái ngói, tiếng Honda thồ nổ mỗi sáng tinh sương bên nhà bác Tư, tiếng rao hột vịt lộn...

Cũng may lâu lâu lại có cơ hội để em tỏ thiện chí làm hoà với anh ấy. Một lần thấy dáng đi của anh ấy hơi lạ, lưng thẳng, chân bước chậm, đầu gối cứng đờ, em lo âu hỏi anh ấy có sao không. Anh ấy than hơi đau lưng. Em hỏi "Chân anh sao vậy?" Anh ấy đáp chẳng hiểu sao đầu gối bị tê. Em giục anh ấy xin nghỉ để đi khám bệnh. Anh ấy bảo chờ cuối tuần hãy hay, vì nghỉ bất ngờ phiền lắm, trong sở chỉ chờ có cơ để sa thải bớt nhân công. Em thương anh ấy quá, lấy dầu nóng xoa bóp cho anh ấy. Săn sóc xong, em hí hửng chờ anh ấy nói bất cứ câu nói dịu dàng nào để sà vào lòng anh ấy mà khóc.

Nhưng lại chẳng có gì!

Em lại bị chạm tự ái. Nghĩ không cứu gỡ được nữa! Một lần khác em gặp anh ấy ở đầu cầu thang vào ngày cuối tuần, nên hỏi:

- Bữa nay anh có định đi đâu không?

Anh ấy đáp:

- Chờ em đi chợ, rồi về.

Em hỏi:

- Anh không đi thăm bạn bè hay hội họp gì à? Em đọc báo Việt thấy người ta lập hết hội ái hữu này đến hội ái hữu khác. Sao anh không gia nhập cho vui?

Anh ấy cười buồn, rồi đáp: - Họ trước kia làm tướng làm tá, lập hội để còn được cấp dưới trình bảm chào kính y như hồi xưa. Anh chuẩn úy quèn, đến để người ta sai vặt à?

Em hết còn gì để nói nữa. Nhưng đúng lúc đó, em nhận ra giọng nói hơi lạ của anh ấy. Em thành thực lo lắng khi hỏi:

- Anh bị đau cổ họng à?

Anh ấy đáp:

- Có sao đâu! Anh vẫn thường.

- Sao giọng nói của anh khao khao vậy?

Anh ấy muốn cắt đứt câu chuyện, nên nói vội:

- Chắc tại trời lạnh!

Nói xong, anh ấy vào phòng đóng cửa lại. Em giận, gần như dấm vào cửa phòng anh ấy. Anh ấy mở cửa, mắt ngơ ngác. Tai đeo headphone. Em hét lên những gì bây giờ không nhớ hết. Có lẽ đó là lần duy nhất vợ chồng em đã làm phiền hàng xóm, có cố cho họ khai với cảnh sát rằng tụi em hay cãi vả xô bàn đập ghế với nhau. Chị hiểu cho em, làm sao em không nổi giận cho được, khi khám phá ra rằng em có nói gì anh ấy vẫn thản nhiên. Vì anh ấy có chịu bỏ bộ headphone ra đâu!

Lần cuối chúng em xô xát nhau cũng do hoàn cảnh tương tự. Em tự tiện xô cửa phòng anh ấy, để báo cho anh ấy biết là em không chịu đựng thêm được nữa. Em phải tìm việc làm. Em phải có đời sống riêng của em. Anh ấy đang xem video, một cuốn phim X Hong Kong. Em nói, anh ấy nhướn mắt lên

ngơ ngác. Trả lời nhất gừng. Em chạy đến chỗ cái tivi tắt máy. Anh ấy thản nhiên đến bật lại cái công tắc. Em giật bộ headphone ra khỏi tai anh ấy, rồi hét lên:

- Tôi chán quá rồi. Anh phải nghe tôi nói.

Anh ấy trân trân nhìn em, đôi mắt lơ lảo như người dại. Em bắt đầu sợ. Anh ấy bước về phía em, bước đi cứng nhắc, chậm chạp, chân lê trên sàn nhà như tê dại. Em sợ quá, lùi về phía cửa phòng. Anh ấy tiến về phía em. ( hay tiến về phía bộ headphone em vừa vắt ở cửa ra vào, em không rõ). Trong một phút kinh hoàng cực độ, em lấy hết sức xô anh ấy ra. Anh ấy ngã xuống thảm. Và đúng lúc đó, chị ơi, em khám phá ra rằng ngoài cái dây nối liền bộ headphone gắn vào máy video cassette, còn có một sợi dây khác nối liền anh ấy với ổ cắm điện.

Trong lúc xô xát, em vô tình làm rời nút cắm điện ra khỏi nguồn năng lực từng giúp anh ấy cử động, nói năng... Anh ấy chết! Có phải do lỗi của em không hở chị? Em mong thư phúc đáp của chị, y như ngày xưa Dũng mong được thư bà giáo Thảo, sau khi gửi đi lá thư viết dưới ánh trăng mờ trên sông Đà.

Nguyễn Mộng Giác

Cali 16-1-84

# CHƯƠNG 6 - CHỦ NHẬT BUỒN

Sáng chủ nhật, Kim thức dậy thấy mẹ không còn trong phòng ngủ nữa. Có lẽ mẹ vội đi đâu đấy, vì thường ngày, dù phải đi làm rất sớm, mẹ vẫn có thì giờ xếp gọn gối chăn ngay ngắn ở đầu giường. Kim xếp giùm chăn cho mẹ, lúc giữ cái chăn mỏng cho thẳng nếp gấp, cô bé thấy có vài sợi tóc dài màu ngả xám rơi xuống đệm. Kim chợt buồn. Cái bệnh rụng tóc từng khiến mẹ hoảng hốt gần một năm nay vẫn chưa dứt. Lúc nhặt nhúm tóc rụng quay lại định bỏ vào bao giấy đặt dưới cái bàn gỗ thấp, cô bé mới tìm ra thêm mảnh giấy nhỏ mẹ viết: "Mẹ có việc phải đến nhà bà bạn dưới Irvine. Con ở nhà đừng đi chơi đâu. Nhớ khóa cửa cẩn thận, ai gọi cũng đừng mở. Thức ăn mẹ đã làm sẵn để ở tủ lạnh. Cưng!"

Vậy là thêm một chủ nhật buồn! Mẹ dặn không được mở cửa cho bất cứ ai vào nhà thì không thể điện thoại rủ lũ bạn gái hàng xóm sang chơi búp bê được. Kim ngồi nụm mặt bên cái điện thoại, nửa muốn nhấc điện thoại lên tán gẫu với con bạn Lucy, nửa e ngại lười biếng vì biết trước thế nào con Lucy cũng giành nói một mình, kể sa đà về chuyện mấy chú mèo nhà nó.

Đang lơ mơ bất định thì chuông điện thoại reo.

- A lô!

- Có phải Kim đấy không?

Cô bé đâm ngại vì bên kia đầu dây, giọng đàn ông là lạ. Sau một lúc suy nghĩ, Kim đáp nhát gừng:

- Dạ, nhưng... "mom" không có nhà. Mom dặn Kim...

Tiếng nói trong điện thoại có vẻ mừng rỡ:

- Thế hả? Mẹ đi đâu lâu không?

Kim ngờ ngợ, nhận ra giọng nói quen quen, nhưng câu hỏi và cái giọng mừng rỡ khiến cô bé đâm ngại. Cô bé âm ừ không dám nói tiếp điều gì. Bên kia đầu dây, giọng nói có vẻ hấp tấp mừng rỡ hơn, gần như lười người nói chuyện lúi lúi vì niềm vui bất chợt, không che giấu được xúc động:

- Mẹ xuống tận Irvine à? Ba đến thăm con ngay bây giờ. Chờ ba độ 15 phút thôi nhé!

Kim mừng quá, định nói với ba rằng Kim đang buồn, đang lo phải thấp thỏm giam mình suốt ngày chủ nhật không được ra khỏi cửa, đang sắp sửa bật tivi để lơ đãng xem hết chương trình này đến chương trình khác, thì ba hẹn đến. Đúng ba là cứu tinh của Kim. Nhưng tiếng tích tích đều đặn trong điện thoại cho cô bé biết bên kia đầu dây, ba đã gác máy.

Suốt 15 phút chờ đợi, Kim đã vội vã làm đủ thứ việc: rửa mặt súc miệng để khoe với ba hàm răng mới chà dưới phòng nha khoa tuần trước, chải tóc thật kỹ cho ba thấy cái tài uốn tóc của mẹ, xếp dọn tất cả quần áo lót, giấy vụn, đồ trang điểm mẹ vất bừa bãi ở phòng khách trong lúc vội vã ra đi, giả vờ lơ đãng đặt cuốn vở học có nhiều lời phê tốt của cô giáo lên bàn khách để khoe với ba mình học giỏi... Còn nhiều thứ linh tinh nữa cô bé phải làm để đón ba. Nhiều, quá nhiều việc phải xếp đặt, nên khi có tiếng gõ cửa, Kim chưa kịp thay bộ quần áo mới mẹ mua cho tuần trước để đón ba. Bộ quần áo ngủ Kim đang mặc trông nhàu nhò đến thảm hại, nhìn vào gương, Kim thấy mình chẳng khác gì con bé đầu đường xó chợ. Lại có tiếng gõ cửa. Không thể trùng trình được nữa, cô bé vội chạy ra, run run tháo cái dây xích trên ổ khóa, và mở tung cánh cửa gỗ nâu.

Ba đã đứng sẵn ở đó! Và đang cười âu yếm nhìn Kim! Hai cha con ôm chầm lấy nhau. Kim mau nước mắt vừa tốt vừa bảo giọng hờn dỗi:

- Lâu thật lâu dad không đến thăm Kim!

- Ô! Ba không đến được nhưng chủ nhật nào cũng gọi điện thoại.

- Chủ nhật trước dad có gọi điện thoại đâu!

- Có, nhưng lúc ấy cung của ba còn ngủ khì. Mẹ... mẹ con nhắc máy, nhận ra giọng ba, cúp điện thoại liền.

Giọng Kim buồn:

- Chủ nhật rồi mom ở nhà với con cả ngày. Phải, nhưng sao dad không chờ đến trưa gọi lại cho con?

- Kim này.
- Gì hử dad?
- Ba thích con gọi ba là "ba" hơn gọi "dad".
- Dạ con nhớ rồi, dad ạ!
- Lại dad!

Kim che miệng cười rúc rúc một lúc, rồi ngừng mặt lên nhìn ba, nói thật chậm:

- Dạ thưa...ba, con nhớ rồi!

Hai cha con lại ôm chầm lấy nhau. Người cha đặt con gái xuống, e dè một chút, rồi bắt đầu mạnh dạn tiến về phía bộ ghế nệm màu vàng nhạt ở phòng khách. Ông nhìn quanh phòng, như muốn tìm thứ gì.

Kim hỏi:

- Dad có thấy khác với hồi dad còn ở đây không?

- Lại dad!

- Ô! con xin lỗi dad! Xin lỗi ba!

- Không sao. Ba thấy căn phòng mình lạ hử đi, đồ đạc bàn ghế thì vẫn vậy. Bộ salon này, cái đèn có chụp thêu ren này, cái tivi Sony này...

Giọng Kim riều cọt:

- Nhưng không còn cái gạt tàn thuốc to tướng như hồi trước nữa!

- À phải! Mẹ vẫn cầu nhau ba hoài vì cái tật đốt hết điều này đến điều khác. Ủa, mấy khung ảnh chỗ kia đâu rồi?

- Hôm sinh nhật con, mom lấy xuống để lau bụi bám trên tường. Chắc mom quên treo lại. À, sao hôm đó ba không đến?

Người đàn ông có khuôn mặt xương xương tóc muối tiêu khựng lại, do dự một chút rồi nói dối:

- Hôm đó ba bận việc ở sở, đã điện thoại xin lỗi mẹ và con, mẹ không nói lại cho con biết ư? Con có thích quà sinh nhật của ba không?

- Có. Mom cũng thích nữa. Ban đầu mom thích quá, reo lên. Nhưng không hiểu sau đó mom nghĩ sao, mom bảo con cất đi...

Kim quên cả e ngại hỏi liền:

- Sao ba với mom lại giận nhau hử ba?

Người đàn ông không biết trả lời thế nào, lúng túng đưa ngón tay lên quệt đầu mũi rồi nói lảng sang chuyện khác:

- Ô, chuyện người lớn rắc rối lắm! Con đi chơi với ba hôm nay được không?

Kim mừng quá quên phắt lời dặn của mẹ.

- Được chứ ba!

- Đi suốt ngày nhé?

Mặt Kim xịu lại, nhớ lời mẹ dặn:

- Không. Phải về trước khi mom về cơ!

- Kim này!

- Ba thích con gọi...

Người đàn ông định bảo con đừng dùng tiếng Mỹ để gọi mẹ nữa, hãy gọi "mẹ" thay vì gọi "mom". Nhưng nghĩ thoáng một lúc, lòng thất lại, ông kịp ngưng không nói tiếp. Cô bé thắc mắc hỏi:

- Ba muốn con điện thoại xin phép mom hả? Nhưng mom xuống nhà bà bạn dưới Irvine, con có biết số điện thoại của người ta đâu.

Thấy con không nhận ra ý nghĩ thầm kín của mình, người đàn ông mừng rỡ, hấp tấp bảo con:

- Thôi được. Ba chở con đi chơi một vòng, kiếm cái gì ăn, tìm cái gì xem, rồi về.

- Đi đâu hử ba?

- Xem xi nê nhé!

- What? Ba nói gì con không hiểu!

- Xem movie nhé!

- Chán lắm ba! Con xem tivi hoài, đến thuộc lâu!

- Đi ăn kem nhé!

Kim lắc đầu, môi hơi bĩu không nói gì. Người cha đề nghị:

- Hay ta đi biển?

Cô bé đứng bật dậy:

- Phải rồi. Con vẫn thích đi biển mà mom không chịu cho con đi, bảo biển ở đây xấu lắm không đẹp bằng biển Việt Nam. Ba có đem đồ tắm theo không, mom mua cho con bộ đồ tắm màu đỏ để tắm pool, ba muốn xem không?

Như vậy là họ đã có một chương trình chủ nhật hào hứng! Cô bé nhét bộ áo tắm, khăn mặt, khăn tắm, lược chải đầu vào túi vải, định giở tủ lạnh đem thức ăn mẹ nấu sẵn theo ăn trưa thì người cha ngăn lại:

- Khỏi cần. Đồ ăn Việt Nam không gọn. Con đem theo nhiều khi đồ cả ra xe. Mình ghé Liquor mua hai cái sandwich và nước ngọt tiện hơn!

Hai cha con vội vã ra xe, vội vã chạy đến tiệm thực phẩm gần nhà nhất để mua các thức ăn nguội. Kim nói chuyện huyên thiên cho đến lúc chiếc Pinto già của ba ho khục khặc rung mình đến nhiều lần, cố bò được một đoạn, lại ho khục khặc rồi nằm lì ở vệ đường đổ nắng. Người cha thở dài, nói một mình:

- Lại làm mình làm mầy rồi!

- What?

- Ý ba muốn nói chiếc xe lại trở chứng rồi.

Cô bé không hiểu riêng hai chữ "trở chứng" là gì, nhưng đoán đại ý câu than vãn của ba. Kim thắc mắc hỏi:

- Sao ba không mua chiếc xe mới như cái Volvo của mom?

- Tiền đâu mà ba mua?

Vừa đáp, người đàn ông vừa cố đẩy cánh cửa xe sau khi kéo cần mở nắp ca-bô. Cửa xe kêu cọt két đến chói tai. Kim cũng muốn ra khỏi xe để tránh hơi nóng hâm hấp, nhưng không tài nào mở nổi cánh cửa phía tay phải. Người cha mở hộ cho con, sẵn dịp với tay lấy hộp đồ nghề giấu dưới ghế nệm. Trong lúc ba loay hoay tìm hiểu căn bệnh chiếc xe già, Kim hỏi:

- Ba mua chiếc xe này bao nhiêu vậy?

- Ba trăm.

- Ba trăm? Funny! Xe mua ba trăm làm sao chạy được!

- Được chứ! Bằng chứng là ba vẫn chạy đi làm hơn một năm qua. Với lại tuy xe cũ, nhưng ba có biết nghề máy, nên hư đâu ba sửa đó, không ngại. Con đưa cho ba cái khăn bần ba nhét dưới đệm lót chân. Không phải bên đó, bên này này. Cảm ơn con. Không hiểu sao nhót ra nhiều thế này!

- Hôm trước chú Kỳ lại thăm, đi chiếc xe Toyota khá mới. Chú ấy nói chỉ mua 2000 thôi. Chú chở con với mom đi thử, thấy chạy êm lắm!

- Chú Kỳ là ai vậy?

- Con cũng chẳng biết. Nghe mom nói chú ấy làm cùng sở với mom.

- Con tìm xem trong cái hộp gỗ phía thùng xe có cái... cái... nói làm sao cho con hiểu đây (người đàn ông cố diễn tả bằng cách vẽ lên không nhưng không làm được). Chật! Ba lại quên mất tiếng Anh gọi cái đó là cái gì. A phải rồi, con tìm cho ba cái monkey wrench.

Kim cười thấy ba mình tội nghiệp như người lạc vào xứ lạ, làm theo lời ba sai. Người cha hì hục sửa một lúc, không nói gì. Nắng bắt đầu gắt, mà khoảng đường này lại không có lấy một bóng cây. Kim thấy áo ba đầm mồ hôi, ngại ngừng hỏi:

- Ba có mệt không ba?

- Không. Sắp xong rồi.

- Sao ba không vay tiền mua xe mới như mẹ vậy?

- Ba mới qua, nghề nghiệp không vững, ai cho vay.

- Sao ba không mượn tiền của mom?

Người đàn ông ngừng phất lên, nhìn con đăm đăm rồi hỏi:

- Nếu ba hỏi mượn, mẹ có cho không?

Kim suy nghĩ một lúc, rồi thú nhận:

- Con không biết.

Người cha cười, rồi nói:

- Ba hỏi đùa cho vui, chứ mẹ con không có tiền cho ba mượn đâu. Mẹ nợ đủ thứ, tiền mua nhà này, tiền mua xe này, tiền nợ credit này... Chiếc Volvo của mẹ con mới thật, nhưng mẹ con chỉ mới làm chủ được có một cái bánh xe. Còn là của ngân hàng.

Cô bé bật cười vì ý ba quá ngộ nghĩnh, Kim hỏi:

- Thế căn nhà con với mom ở, mom làm chủ được thứ gì?

Tự nhiên người đàn ông tức giận vu vơ. Ông nói, giọng chua chát:

- Mới được cái restroom.

Kim nhú mày, kêu lên:

- Ba nói kỳ!

- Chú Kỳ có thường lại nhà mình không?

- Ba hỏi gì ạ?

Người đàn ông ngập ngừng, không muốn nhắc lại câu hỏi. Ông đã sửa xong xe, nên đóng mạnh ca bô lại thay cho câu trả lời con gái. Ông bảo con:

- Kim lên xe trước ba đóng cửa xe cho. Sức con không kéo ập vào được đâu. Coi chừng chéo vạt áo!

Họ lại khởi hành. Thấy con lẩy tờ báo quạt quạt cho hơi nóng tan bớt, người cha hỏi đùa:

- Chiếc Volvo của mẹ làm gì có máy sưởi tốt bằng cái Pinto của ba, phải không?

Kim cười thích chí vì câu pha trò:

- Ba funny quá!

- Đồi còn nhiều chuyện funny lắm. Con lớn lên, sẽ biết hết.

Cô bé không hiểu rõ ba mình nói gì, chỉ đoán qua nét mặt ba khi ba nói câu ấy, có cái gì buồn buồn, có cái gì nhăn nhúc, có cái gì cay đắng. Rồi cũng chẳng hiểu do đâu, Kim hỏi ba:

- Hồi mới sang Mỹ, ba có thấy con giống tấm hình mom gửi về Việt Nam cho ba không?

- Giống thế nào được. Những tấm hình mẹ gửi sau đều thất lạc cả. Bà nội chỉ nhận được tấm hình mẹ chụp với con lúc con lên bốn. Tội nghiệp, nội đi thăm nuôi ba tận ngoài Bắc, mang xách linh kinh đủ thứ vậy mà không quên mang theo tấm hình của con cho ba nhìn mặt đứa con đầu lòng. Nhờ tấm hình đó ba chịu đựng được cho tới ngày về.

- Sao hồi đó ba không qua đây một lượt với mom?

- Mẹ đi với gia đình ngoại. Lúc ấy ba bận hành quân tận vùng 4, không về kịp.

- Hành quân? What means?

- Ô, ba quên mất. Lúc đó ba đang đánh nhau với cộng sản ở vùng Cần Thơ, gần chỗ gia đình nội hiện nay đó.

- Đánh nhau hả? Có funny như M-A-S-H trên tivi không?

Người cha gặp câu hỏi bất ngờ, ngờ ra một lúc, cuối cùng đành đáp cho qua:

- Ô, cũng funny như vậy.

Kim không hiểu, hỏi tiếp:

- Đánh nhau vui thế, sao họ bỏ tù ba lâu thế?

- Tại họ funny, thế thôi!

Lối giải thích của ba không vừa lòng tò mò của Kim, nhưng thấy nét mặt ba không vui, nên cô bé ngồi yên không hỏi nữa.

Người đàn ông tưởng con phật ý, hỏi câu gì đó cho không khí bớt căng thẳng.

- Nãy giờ mãi nói chuyện quên mất việc ghé mua sandwich, con thích sandwich hay là hot dog?

- Con thích hot dog hơn.

- Con có biết gần đây có tiệm Liquor nào không?

- Hình như chỗ kia kìa, ba. Ở gần góc đường trước mặt phía tay trái. Ba sang lane đi.

Người cha làm theo lời con, nhưng đến ngã tư mới thấy đoạn này có bảng cấm không cho quẹo chữ U, mà tiệm thực phẩm lại nằm hơi xa ngã tư. Kim bảo:

- Minh rẽ trái, ba há! Rồi mình tìm cách quay lại chỗ tiệm Liquor mua cái gì uống, con khát quá!

- Ba cũng khát!

Họ tìm chỗ đậu xe, rồi vào hiệu thực phẩm. Cô bé tí toáy với cái cần chơi game trong khi người cha tìm mua các thứ cần thiết.

Khi ba Kim ôm bọc giấy đến chỗ cô bé đứng, ông đưa cho cô bé hai thỏi kẹo chocolate đậu phụng. Kim nhăn mày, đầu ngún nguẩy:

- Oh my God! Ba không biết là con chán kẹo lắm sao!

Người đàn ông ngớ ra, bất ngờ nhận thấy mình lạc loài. Nhận thấy mình vẫn còn suy nghĩ, hành động như hồi còn ở Việt Nam, thời mà đêm đêm những giấc mơ đẹp nhất không phải là những nàng tiên hiền, không phải là những cuộc tình có hậu, không phải là những cảnh thái bình thịnh trị ra đường không ai thềm nhật của rơi và đời trải chiếu hoa cho người thánh thiện, mà là mơ một buổi đẹp trời nào đó người tù được nhai thật chậm một miếng thịt mỡ lớn bằng ngón tay cái, hoặc nguyên một tán đường mía. Ông vụng về lúng túng không biết phải làm gì với hai thỏi kẹo bị chối từ. Ông cố vớt vát:

- Con không thích kẹo. Thế thích thứ gì, ba mua cho, kem nhé?

- Con cũng ngán cả kem.

- Potatoes chips nhé?

-Không.

Giọng người cha bắt đầu bức:

- Thế con thích thứ gì?

Giọng cô bé đột nhiên nghiêm trọng, thì thào chậm chạp như giọng cầu nguyện.

- Con thích được thấy ba cười.

Người đàn ông chống chế:

- Ba vẫn cười đấy chứ, xem này!

- Không phải. Ba cười mà như mếu.

Kim bỏ hẳn cần chơi game, quay lại ngược nhìn thẳng vào mặt ba, e dè nói:

- Ba này!

- Cái gì?

- Tại sao ba dọn đi, không ở với mom và con?

Người đàn ông đổi sắc mặt, bảo con:

- Thôi ta đi kéo trẻ.

Cô bé cưỡng lại không chịu theo người cha, giọng nói như sắp khóc:

- Không. Con không đi biển nữa đâu. Bây giờ đã 2 giờ chiều, mom sắp về. Con muốn... con muốn ba đáp câu con hỏi.

Người đàn ông liếc nhìn về phía người đàn bà Mỹ ở quầy thu ngân, yên tâm không ai hiểu tiếng Việt, nên mới cố dẫn xúc động bảo con:

- Chuyện người lớn rắc rối phức tạp, con hiểu được không? Ba y như người đi bắt bóng. Ở trong trại cải tạo đêm ngày chỉ mơ ngày về. Được về rồi thì mơ ngày được thoát khỏi cái trại tù mệnh mông què hương, được có ngày ôm mẹ với con vào lòng. Ba đã toại nguyện. Nhưng đến khi giấc mơ thành sự thật, ba lại thấy người ba ôm trong tay không còn là mẹ nữa, liệu con có hiểu được chuyện đó không?

Kim thú thực:

- Con chỉ hiểu lờ mờ là chuyện ba nói không có gì funny hết. Vì thế ba ít cười.

Từ đó đến khi trở về lại căn nhà ở chân đồi, hai cha con không nói gì với nhau nữa. Tiếng máy xe

Pinto già nua vì thế nõ lớn hơn. Nghe rõ đến cả tiếng lục cục bắt trắc và hơi thở hỏn hên rán quá sức.  
Nguyễn Mộng Giác  
Cali 6.1984

# CHƯƠNG 7 - NGỌN CỎ KHÔ TRÊN THUNG LŨNG MÙA XUÂN

Nhà người bạn chàng ở khu ngoại ô có cái tên thật thơ mộng: Thung Lũng Mùa Xuân. Nhưng chàng đến thành phố đại học này vào cuối mùa đông, hai hôm trước đó lại có một trận bão tuyết làm đổ nhiều cây cối và cột điện, đường sá trơn trượt dơ bẩn vì nắng sớm mùa xuân bắt đầu làm những tảng băng hai bên vệ đường tan đi, khu thung lũng còn giữ nguyên vẻ héo úa tang tóc. Những cây phong còn trơ cành khẳng khiu. Các ngôi nhà cổ xây dọc theo sườn đồi có tường gạch nâu trông ảm đạm hơn dưới ánh sáng vàng vọt của một thứ mặt trời lác lõng.

Người bạn dắt chàng vào nhà theo lối sau, vừa đi vừa nhắc:

- Anh cẩn thận kéo ngã. Cửa trước băng còn đóng đầy nên khó mở lắm. Anh coi chừng, đừng bước lên chỗ băng chưa tan.

Rồi như sợ phật lòng người khách xa, bạn chàng biện hộ giùm cho thời tiết:

- Chẳng hiểu sao năm nay kỳ cục vậy. Đáng lý mọi năm đến độ này thì rừng phong phải bắt đầu nhú lá. Đã vậy lại thêm trận bão tuyết bất ngờ. Báo hại điện bị cúp suốt hai hôm nay, không biết trong nhà đã có điện chưa. Anh vịn lên thanh gỗ mà đi cho chắc. Đã rồi không biết bao nhiêu là muối mới được như thế đấy!

Trong nhà, chưa có điện. Chàng bắt đầu run cầm cập. Anh bạn đem cái xách nhỏ của chàng cất vào góc phòng khách, rồi hỏi:

- Tôi đun tí nước sôi pha cà phê uống cho ấm nhé!

Chàng không muốn bạn thấy mình yếu đuối, nên cố dằn cơn run đáp:

- Vâng, tùy ý anh.

- Lúc xuống phi trường, anh tìm ra xe về đây dễ không?

- Nhờ anh dặn kỹ nên tôi chỉ việc đến chỗ giao hành lý và hỏi cô thư ký hãng xe chở khách về New Haven.

- Đêm qua anh ngủ được chứ?

- Vâng, được. Ban đầu còn rần xem xi-nê, nhưng sau ngủ thiếp lúc nào không biết. Lúc tai lưng búng và có tiếng lao xao bảo chỗ kia là tượng Nữ Thần Tự Do, tôi mới choàng thức dậy. Hóa ra đã đến phi trường New York rồi.

Người bạn bật mãi mà diêm ẩm không chịu cháy để thắp cái bếp gaz. Mảng tóc ướt phủ cả lên trán, cái gương cận gọng nhựa nâu tụt xuống tận chóp mũi. Chàng bắt đầu áy náy đã làm phiền người bạn, nên hỏi:

- Chắc chị và các cháu đi làm cả!

- Vâng. Hai cháu gái đầu đi học xa, còn cháu trai út thì học luật tại đây. Nó nội trú, thứ bảy, chủ nhật mới về. Nhà tôi thì làm chỗ thư viện anh sắp xuống.

Đáp xong, người bạn tiếp tục bật cái diêm quẹt thứ năm, lần này lửa cháy. Bạn chàng vừa thắp cái lò gaz vừa pha trà:

- Tội mình già hết rồi. "Lửa lòng đã tắt duyên trần dứt", nên bật mãi không ra chút tia nóng để pha tách cà phê. Đáng về vườn hết!

- Không đâu! Trông cái cảnh anh đơn thương độc mã mà làm được tờ tạp chí nghiên cứu như vậy, đủ biết lòng anh còn hồi hồi bốc lửa.

- Ôi, chỉ là thứ loé sáng trước khi tắt lịm đấy thôi. Anh nói tôi thêm thẹn!

Tuy khiêm nhượng như vậy nhưng lúc uống cà phê bạn chàng lại say mê nói về nội dung số báo sắp ra. Bao nhiêu người đã gửi bài, bài nào đã dịch xong qua Anh văn, họa sĩ nào đã tự động gửi tranh tới để làm phụ bản. Bạn chàng còn lên tận phòng ngủ lục tám check một độc giả bên Âu châu vừa gửi qua để đặt mua báo năm.

Rồi phải tới lúc người bạn thấy phải dừng lại để dành chỗ cho khách. Bạn chàng hỏi công việc chàng định làm ở đây.

Chàng hỏi lại:

- Tôi nghe đại học này vừa mua lại được trọn tủ sách gia đình của bác sĩ Huard, phải không?  
- Đúng đây! Khá nhiều sách hay. Hầu hết đều là sách về văn hóa Việt Nam. Tôi lu bu cho tờ báo, nên chưa qua bên thư viện để xem cho hết được! Anh uống cà phê kéo nguội mát. Chưa đủ ngọt thì lấy thêm đường ở cái lọ kia. Bên này tụi tôi uống không đường đã quen, nên quên bằng thói quen uống cà phê có đường hồi ở Việt Nam.

- Anh chị qua đây từ năm nào?

- Tôi, năm 1949. Nhà tôi năm 1953. Anh có thấy tôi nói tiếng Việt ngập ngừng quá không?

- Trời! Anh mà quên tiếng Việt thì làm sao dịch được truyện Kiều hay như vậy!

Chàng thấy ánh mắt bạn chàng sáng lên ánh vui, khuôn mặt trở nên trẻ trung hẳn đi. Bạn chàng định nói gì đó nhưng cuối cùng lại thôi. Về buổi rồi thật hồn nhiên nơi một người đàn ông sống tha hương trên ba mươi năm, trời qua nhiều thăng trầm và cô độc, đối với chàng, giống y như hình ảnh "một đóa hoa hạnh nở ngoài tường" trong bài tổng luận truyện Kiều của Chu Mạnh Trinh. Bạn chàng nhìn quanh quất tìm kiếm thứ gì, rồi hỏi chàng:

- Anh định ngủ cho lại sức, hay xuống phố chơi với tôi?

Chàng do dự chưa biết trả lời thế nào. Xuống phố, chàng thích lắm, vì đây là lần đầu tiên chàng đến một thành phố miền Đông nước Mỹ. Nhưng lúc đón chàng ở bến xe, bạn chàng có xuýt xoa xin lỗi đến trễ vì công việc ở sở quá nhiều, xếp đặt xong chạy ra bên xe buýt thì đã trễ mất chuyến thứ ba, phải chờ nửa giờ sau mới có chuyến tiếp. Chàng thành thực đáp:

- Tôi không thấy buồn ngủ. Còn dạo phố thì làm sao anh giải quyết công việc ở sở. Thư viện có gần chỗ anh làm không?

- Gần thôi. Nhưng anh hỏi làm gì?

- Vì tôi muốn xem thư viện ở đây trước. Buổi chiều tan sở, anh ghé lại thư viện đón tôi, rồi đi lăng quăng cũng không muộn.

Bạn chàng thấy tiện lợi, nên đồng ý không chút khách sáo. Nhưng bạn chàng bảo trước:

- Anh lạ, phải có tôi giới thiệu làm thẻ tạm họ mới cho phép lên kho lục sách. Được, bây giờ tôi dẫn anh xuống thư viện.

Rồi bạn chàng lên phòng khách mang xuống một lô tiền đồng 25 xu và 10 xu, đưa cho chàng, ân cần bảo:

- Anh thủ sẵn nắm tiền này, để cần photocopy thứ gì. Buổi trưa đói có thể ăn ngay trong căn-tin thư viện, ở tầng dưới.

o o o

Khác với cách kiến trúc tân thời theo hình kỷ hà của các công ốc miền Nam Cali, thư viện đại học này là một tòa nhà cổ thoát trông giống giống như một ngôi nhà thờ. Cửa vào xây bằng đá, thấp và hẹp. Tiền sảnh dài hun hút vòm cung theo kiểu gothic giống y tòa giảng của thánh đường. Bác người Mỹ già ngồi ở bàn tiếp tân vui vẻ chào bạn chàng rồi tiếp tục kiểm soát sổ sách sinh viên đem trả. Thủ tục phải làm để được lên tận kho tìm tài liệu, đối với những người không phải là sinh viên hoặc giáo sư dạy trong trường như chàng, là phải điền một mẫu đơn, có chữ ký và địa chỉ người bảo lãnh, rồi đứng trước một máy ảnh tự động để nhân viên thư viện chụp hình lưu hồ sơ. Bạn chàng chỉ chỗ thang máy và phòng lưu trữ thư mục sách báo Đông Nam Á ở tầng 3, phòng số 307. Muốn vào tận kho thì rẽ hành lang phía tay trái, leo lên một cái thang gỗ nhỏ để đến tầng kho thứ nhì.

Chàng phải ghi hết lên tám giấy nhỏ cho bạn chàng yên lòng ra về, ghi cả bản đồ đường đi từ thư viện đến sở bạn chàng, hoặc từ thư viện ra bến xe buýt gần nhất, "để phòng trường hợp hai người tìm nhau mà không gặp nhau". Thấy chàng cười, bạn chàng nói:

- Biết đâu đây! Tuy thế nào tôi cũng đến đón anh đúng 5 giờ rưỡi chiều, nhưng phải liệu trước trường

hợp bất khả kháng. Ở đời thiếu gì trường hợp tìm nhau mãi mà không thể gặp được nhau! Chàng gật gù cho bạn vui lòng, nhưng không tin như vậy. Chàng tin rằng hề tìm là phải gặp. Chỉ sợ ta bỏ cuộc nửa chừng vì nỗi ngờ mình ngờ người, còn nếu quyết tâm đi cho đến tận cùng phải có ngày ta gặp được cái ta tìm.

Nhiều người bạn đã từng mỉm cười thương hại, tuy không nói thẳng ra, nhưng chàng hiểu họ nghĩ chàng lắm cảm. Họ nghĩ cái đích cho bao nhiêu lo lắng, khổ nhọc của chàng thật chẳng giống ai, không hợp lý mà cũng không hợp tình. Cuộc sống trước mắt thì sống động phong phú, biến cố này chập chùng biến cố nọ, muốn sống cho trọn đã không đủ thì giờ thì công đâu đi lục đồ sớ cũ để so bản A với bản B, tìm xem chữ này khác chữ kia ở bộ thảo đầu là có nghĩa gì, ý người xưa muốn nói sao! Bay ngang qua lục địa mệnh mông của nước Mỹ để tìm cho ra cách đọc hai chữ nôm bí hiểm. Trời đất hỡi, nếu không chút lòng bao dung thương hại có lẽ người bạn già của chàng đã không sót sáng đến như vậy!

Chàng theo đúng chỉ dẫn của bạn, lên phòng số 307. Trong phòng, chỉ có một người Á Đông và căn cứ theo cuốn tạp chí tiếng Anh bà đang cầm cúi chăm chú đọc, lâu lâu dừng lại ghi chép, chàng đoán bà ta người Phi Luật Tân.

Chàng gật đầu chào, nhưng người đàn bà dường như bị cận thị nặng, hoặc đang chìm đắm trong suy tưởng, không mỉm cười chào lại. Lại thêm một bạn đồng hành trên con đường đi tìm.

Chàng nghĩ vậy, nên lòng thấy vui. Trên quầy tạp chí tiếng Việt đặt gần cửa sổ, những tờ báo đến từ mọi hướng: Pháp, Tây Đức, Canada, trại tỵ nạn Nhật, Hà Nội, một số các trường đại học trong vùng, vài tờ báo biếu ở miền Nam Cali. Nằm riêng một chỗ trang trọng ngay tầm mắt là hai cuốn tạp chí nghiên cứu Việt học của bạn chàng. Chàng đoán sớ dĩ hai cuốn tạp chí đó nằm được ở chỗ "đắc địa" nhất, không phải do lòng ưu ái của cô nhân viên thư viện, mà do chính bàn tay của bạn chàng.

Bao nhiêu người đã chạm tay đến hai cuốn tạp chí này? Chàng là người thứ mấy?

Có thể là người thứ nhì (sau bạn chàng), vì khi lên tận kho để lục lại sổ sách quý của bác sĩ Huard, chàng thấy phiếu mượn sách dán ở bìa sau mọi cuốn vẫn còn trắng tinh.

Chàng lục tìm những sách viết về chữ nôm. Bộ An Nam Dịch Ngữ chàng muốn kiểm để kiểm chứng lại lời giải thích táo bạo của giáo sư Nguyễn Ngọc Bích, không thấy có ở đây! Có lẽ ở nơi khác, trong tầng kho mệnh mông chứa không biết bao nhiêu sách vở quý giá của khắp các nước Đông Nam Á. Chàng tìm những cuốn khảo cứu chữ nôm khác. Một cuốn của Đào Duy Anh. Bộ Nguyễn Trãi Toàn Tập. Cuốn phiên âm và chú giải của Trần Văn Giáp và Phạm Trọng Diễm về Quốc Âm Thi Tập... Một bài báo của Đoàn Khách... Chàng lật xem qua một lượt, cuối cùng rút cuốn Chữ Nôm, Nguồn Gốc Cấu Tạo và Diễn Biến của Đào Duy Anh ra khỏi kệ, đến gần cái bàn gỗ gần cầu thang để xem kỹ hơn. Chàng hy vọng chính chàng là người đầu tiên đến đây để mở cuốn sách này từ khi phu nhân bác sĩ Huard thuận bán tủ sách quý giá của người chồng quá cố cho đại học Yale.

Chàng đã làm! Trên tấm phiếu mượn, đã có tên một người đến trước. Dòng viết bic ngược ngoặc trên tấm phiếu: March 12/84, Jacqueline Nguyen.

○ ○ ○

Bạn chàng vô vậ hỏi:

- Thế nào? Có tìm được gì không?

Chàng hỏi lại:

- Hình như ở đại học này ngoài anh ra, còn có một người nữa hết sức chăm chú đến Việt học.

Bạn chàng trở mắt nhìn chàng, không tin ở tai mình. Giọng trả lời của bạn chàng pha lẫn hãnh diện và chua chát:

- Anh nói đùa! Nếu có một người thứ hai, tôi đã không vất vả với tờ tạp chí như anh đã thấy. Ông giáo sư trưởng ban nghiên cứu Đông Nam á rất ủng hộ việc tôi làm, nhưng ông ấy là giáo sư sử học, lại chuyên về Mã Lai. Một số người khác chú ý về Việt Nam, nhưng chú ý về cái phần đất nước chúng ta liên quan đến Mỹ, tức là chiến tranh Việt Nam. Một số nhỏ phản chiến võ mộng xem Việt Nam là một

kỷ niệm buồn, không thêm lưu ý tới nữa. Tôi như người "vớt hương dưới đất, hái hoa cuối mùa", cô độc một mình, anh không biết sao?

Chàng ngần ngừ một lúc mới hỏi:

- Vậy anh có biết có cô sinh viên Việt Nam nào đang nghiên cứu văn chương Việt Nam tại đây không?

Bạn chàng quả quyết:

- Chắc chắn là không. Nếu có, ông Scott đã biết.

Xe buýt đã đến. Bạn chàng nhường cho chàng bước lên trước, sau khi cẩn thận dúi vào tay chàng mấy đồng xu tiền xe để bỏ vào hộp. Hầu hết người đi xe buýt là phụ nữ, người nào cũng quần phu-la kín cổ và khuôn mặt hơi tái vì lạnh. Khi đã tìm được chỗ ngồi gần cuối xe, chàng mới hỏi bạn:

- Tôi đọc trên phiếu mượn sách nghiên cứu chữ nôm của cụ Đào, có tên Jacqueline Nguyễn. Ngày mượn là 12/ 3. Cách đây không đầy một tuần. Anh không biết cô ấy ư?

Bạn chàng láu lỉnh nhìn chàng hỏi:

- Anh quen cô này à?

- Không.

- Thế sao anh biết Jacqueline Nguyễn là cô?

- Cứ tưởng tượng người ta chưa chồng cho nó vui. Bà ta có chồng rồi sao?

Bạn chàng phá lên cười, làm cho những người đi xe buýt quay lại ngạc nhiên. Bạn chàng vỗ vai chàng đáp:

- Tôi có biết người đó là ai đâu! Chắc là dân mới đến đây chơi như anh. Vì nếu ở đây lâu, thế nào tôi cũng biết. Nếu tôi không biết, nhà tôi phải biết. Người Việt ở đây chỉ một nhóm, chúng tôi lại là dân kỳ cựu nhất, nên không muôn cũng hóa thành "thổ công".

Về tới nhà, chờ cho chàng hỏi hết những câu xã giao cần thiết để làm vui lòng bà chủ nhà, bạn chàng mới hỏi vợ:

- Em làm ở thư viện, có biết cô nào tên Jacqueline Nguyễn không?

Vợ chàng đáp:

- Không. Có lẽ cô ấy ở Pháp qua tìm tài liệu cũng chưa biết chừng.

- Sao em biết?

- Thì cứ nhìn cái tên Jacqueline cũng đủ rõ.

Bạn chàng vỗ trán bảo vợ:

- Ôi nhĩ! Nhưng ở Pháp thiếu gì tài liệu văn hóa Việt Nam mà phải lặn lội qua tận đây?

- Sao anh biết cô ấy qua đây tìm tài liệu văn hóa Việt Nam? Biết đâu cô ấy đang học sử, và viết luận án về thời kỳ 1955-1975.

Bạn chàng đành ngồi im, ánh mắt hấp háy thật ngây thơ sau đôi kính cận dày. Vợ bạn chàng thật nhạy, mới nghe qua câu chuyện đã nắm bắt được nhiều điều rất có lý. Có lẽ "cô" ấy chỉ là khách lạ ở New Haven, có thể người khách lạ đầu tiên cặm cụi lục tìm tài liệu ở khu rừng sách báo nguyên sơ ở tầng lầu ba thư viện Yale như chàng.

Đêm đầu tiên ngủ ở nhà người bạn già, ở một thành phố cổ kính miền Đông, chàng có niềm hy vọng nho nhỏ, thật vu vơ hy vọng cái cô Jacqueline nào đó còn nấn ná ở lại đây, và còn đủ kiên nhẫn trèo lên tầng thứ ba thư viện Yale một lần nữa, cho chàng được biết mặt. Nhờ niềm nờ nức bất ngờ ấy, mặc dù sở điện lực New Haven chưa kịp nối lại đường dây điện dẫn vào nhà bạn chàng, máy sưởi không chạy được khiến căn phòng ngủ lạnh ngắt, chàng vẫn không cảm thấy nhớ tiếc cái nắng ấm của California.

○ ○ ○

Chàng không dám thú thực với hai vợ chồng bạn rằng sự siêng năng đến thư viện của chàng không đáng gì tới những thứ dao to búa lớn đại khái như "lòng đam mê chân lý", "trách nhiệm bảo tồn và phát huy văn hóa dân tộc. " Không! Chàng thích chữ nôm từ hồi còn đi dạy, ban đầu thích như người khác thích nhậu, thích đánh cờ, thích lâu lâu ghé xóm chị em ta để tìm món mới, thích thịt chó, thích

nhỏ lông mũi... Thích rất khời khời, không mục đích gì!  
Thế rồi đến lúc nào không biết, chàng trở thành một thứ chuyên viên "có thẩm quyền" về chữ nôm. Ồ, có dán thêm tí nhãn hiệu "có thẩm quyền" để lâu lâu được những vị khoa bảng hạ cố đến hỏi cái này, cái nọ, cũng không sao! Chàng cứ làm một thứ chuyên viên tài tử như vậy cả đời, giống y như kiểu các ông họa sĩ ngày chủ nhật ở Âu châu, giống y như Ganguin thời còn ngoan ngoãn làm anh thư ký kế toán sáu ngày trong tuần để thỏa thuê với hội họa một ngày còn lại.

Chàng bay qua tận đây để giải quyết cho được cách đọc hai chữ nôm 双 田 1, đối với người ngoài, cũng lẫm liệt chẳng khác gì Gauguin bỏ vợ bỏ job sống chết với màu sắc man dã. Nhưng với chàng, thật chân thành với mình, chàng biết công việc ấy vẫn chỉ là cái thú của ngày chủ nhật.

Chàng đến tầng ba của thư viện đúng giờ, về đúng giờ, và giữ được như vậy suốt ba ngày. Đến ngày thứ tư, chàng bắt đầu nản, nên buổi trưa thay vì xuống căn-tin nhét 4 đồng 25 xu vào máy, lấy cái hot dog, chàng lang thang ra phố tìm một quán ăn có đồ nóng. Một tiệm pizza. Ăn xong lại phát phơ một lúc ở vài khu phố cổ, ghé mua một tờ báo. Trờ về thư viện, chàng đến học thẻ đề mục, rút phần Việt Nam tìm xem thử có bao nhiêu sách trên thế giới nói về đất nước mình. Ba giờ chiều, chàng trở lên tầng ba. Giở những sách của bác sĩ Huard liên quan đến chữ nôm, chàng rung động cả người vì hồi tiếc: đằng sau tập photocopy bài nghiên cứu của Emile Gaspardone đăng trong Journal Asiatique năm 1953, trên tấm phiếu trắng tinh của thư viện đại học Yale, lại có tên người mượn Jacqueline Nguyễn. Ngày mượn đọc tại chỗ là 22-3-84. Đúng ngày hôm đó!

Chàng bỏ cả đồng sách đang tra cứu, chạy vội xuống chỗ thang máy. Chờ khá lâu, chưa thấy thang máy đến, chàng định xuống tầng dưới bằng cầu thang thường. Cửa thang máy mở. Chàng lại chạy ngược về. Cô sinh viên Mỹ từ tầng 5 xuống hốt hoảng hỏi chàng: "What happens?" Chạy xuống tới tiền sảnh, chàng dáo dác nhìn quanh để tìm cho ra người phụ nữ Á Đông có tên Jacqueline Nguyễn.

Đứng gần máy photocopy góc trái là một người đàn bà Á Đông có khuôn mặt đẹp phúc hậu quý phái, nhưng tuổi tác phải trên 50. Không thể là "nàng". Để cho khỏi hồi tiếc về sau, chàng đến gần để xem thử bà ta đang photocopy thứ gì. Một cuốn sách dày đặc thứ chữ ngoằn ngoèo, hình như là Mã Lai hay Thái Lan, hay gì gì đấy. Chỗ học phiếu, một phụ nữ Á Đông khác, có đôi mắt nhô và xéch. Mắt nhô và xéch thì không thể mang họ Nguyễn. Ngoài ra, tìm khắp mọi nơi trong thư viện, chỉ toàn người da trắng.

Chàng thất vọng. Nhìn đồng hồ đã 5 giờ 15. Sinh viên Mỹ đã bắt đầu ra về, đứng xếp hàng chỗ cái quầy gỗ để trả sách. Chàng nán nà chờ ở cửa ra vào cho đến lúc bác gác cửa đẩy ập cánh cửa nặng bằng gỗ sồi. Thế là hết!

Chàng buồn bã ra đường, rẽ phía tay trái để đến chỗ hẹn với bạn chàng. Lúc băng qua đường, chàng nghe có tiếng ai gọi ới ới sau lưng. Bác gác cửa thư viện! Lạ hơn nữa, hình như ông lão vẫy tay bảo chàng chờ.

Chàng nghĩ có thể mình quên trả tấm thẻ tạm nên đưa tay lên túi áo tìm kiếm. Bác gác cửa đến gần, hỏi chàng:

- Ông là người Việt Nam?
- Thưa vâng.
- Ông tên Tran? T.R.A.N.
- Dạ đúng. Xin lỗi tôi quên trả tấm thẻ.
- Không, lúc này, có một phụ nữ á Đông nhờ tôi nếu có người tên Tran (đến đây bác gác cửa lại đánh vần chữ TRAN theo giọng Mỹ) đến trả thẻ mượn sách thì trao lại giùm cô ấy tấm giấy này.

Chàng run run đưa tay cầm lấy tờ giấy trắng gấp tư, quên cả cảm ơn. Không thể dẫn được tờ mò chàng đứng sang góc đường để nhường bước cho đám sinh viên trẻ đang đi tới, giở tờ giấy ra đọc. "Người lạ" viết:

Thầy,  
Em qua đây tìm tài liệu để làm cho xong cái luận án sử, không ngờ trưa nay thấy thầy đang bước qua

cửa thư viện ra đường. Em chạy theo đến góc phố thì không thấy thầy đâu nữa. Trở lại chỗ mượn sách hỏi mới biết đích xác là thầy, khổ nỗi em phải về Pháp ngay chiều nay. Thật tiếc. Mấy hôm trước lên kho sách Đông Nam Á tìm tài liệu, qua kệ sách khảo cứu chữ nôm, em lặng người. Bao nhiêu chuyện cũ lại về! Tự nhiên em nghĩ: Mình cứ thử ghi tên vào đây, biết đâu có ngày thầy tìm tới Yale, và nhất định thầy sẽ nhận ra nét chữ cô học trò giỏi Việt văn ngày trước. Câu hỏi em không dám biết lời đáp là: "Thầy có nhận ra nét chữ em không?"

Bên dưới lá thư, không có tên tiếng Việt đầy đủ của người viết, ngoài hai chữ tắt J.N.

○ ○ ○

Chàng xúc động hân hoan đến ngộp thở, tuy... tuy chịu thua không thể nhận ra nét chữ ấy là của cô học trò cũ nào, ở đâu. Nội chuyện đó không thôi cũng đủ chứng tỏ tuổi già của chàng đã đến rồi!

Làm sao được! Mặt trời đỏ ối của đông muộn sắp lặn phía sau mái ngói phủ đầy rêu của khu thư viện.

Cỏ mùa đông còn héo khô, dù chàng ở trọ tại vùng có cái tên mỹ miều là Thung Lũng Mùa Xuân.

Nguyễn Mộng Giác

New Haven, 3 năm 1984

# CHƯƠNG 8 - THƯ QUÊ HƯƠNG

Thư quê hương như tên hề ồm nặng  
Hồn tang thương sau mặt nạ tươi cười.  
(Thơ Cao Tần)

Con thân mến,

Từ lúc giá tem thư tăng lên mỗi cái mỏng nhất đến 160 đồng, mẹ ít viết thư cho con hơn trước. Mẹ biết con của mẹ trông thư nhà như thời nhỏ trông mẹ về chợ, nhưng biết làm sao hơn! Thư con từ Mỹ viết về thì đến chậm hằng bốn năm tháng, thư mẹ viết cho con hằng tuần thì không có tiền gửi. Biển rộng ngăn mẹ với con, nhưng nay thì mẹ thấy lòng người ngăn cách mẹ con ta còn hơn cả biển rộng nữa.

Mẹ cứ giữ những tờ thư không gửi được đọc đi đọc lại, mỗi lần đọc là mỗi lần khóc. Lá thư tháng 4 con viết cho mẹ: "Giá con có cánh con sẽ bay về với mẹ liền", mẹ cũng nhiều lần thầm nghĩ: "Đừng đại dốt con ạ, giá mẹ có đôi cánh khỏe, chính mẹ phải cố lấy hết sức mà bay qua gặp con, ôm hôn đưa con gái thân yêu của mẹ!"

Chao ơi! Mẹ khao khát được ôm con trong vòng tay biết bao nhiêu! Chắc lúc đó con khóc, mà mẹ cũng khóc. Chính lúc này, mẹ cũng rơm rớm nước mắt vì xúc động, phải dừng lại, không viết tiếp được nữa!"

Bà cụ dừng bút ngồi ngẩn ngơ giữa đêm khuya, bắt đầu thút thít khóc. Căn nhà âm u. Ngoài ngọn đèn dầu hỏa leo lét đặt trên cái bàn gỗ tạp, chỉ có một ngọn đèn thờ tim đèn nhỏ xíu, ánh sáng chỉ đủ soi mờ tấm ảnh một người đàn ông mặc quân phục đeo lon cấp thiếu tá.

Bà cụ lấy ống tay áo chấm nước mắt, ngồi im lặng hồi lâu. Một tiếng muỗi vo ve chỗ góc tối. Phía sau bếp, chợt có tiếng kim khí rơi. Bà cụ lẩm bầm:

- Lại lũ chuột. Có còn gì đâu mà lục lạo cái soong cơm!

Sau một lúc ngẩn ngơ, bà cụ bỏ bút đứng dậy, cầm đèn đi xuống bếp.

Một lúc sau, bà cụ trở lên căn nhà trên, ngồi xuống viết tiếp:

Mẹ dành dụm hai tháng nay được 300 đồng để quyết viết cho con lần này một lá thư thật dài. Vì mẹ có nhiều chuyện để kể cho con quá!

Con biết không? Dượng con đã mất rồi!

Và cụ lại ngừng bút, quay lại nhìn chiếc ảnh trên bàn thờ, thờ dài. Bà cụ nói với người đã khuất, giọng run run:

- Tôi viết thư cho con Dung đây mình! Trước sau gì cũng phải cho biết tin, để con biết ngày giỗ mình.

Dường như những lời tâm sự với người quá cố đã làm vơi đôi chút nỗi khổ đau chất chứa lâu nay, nên bà cụ ngồi ngay ngắn trở lại, cầm bút viết tiếp:

Mất ngày 12-4-85, tính đến nay vừa đúng 3 tháng. Mẹ không dám chắc có phải dượng mất ngày đó không, ban quản giáo họ bảo sao thì nghe vậy thôi. Ông Bằng "học tập" chung trại với dượng con mới được thả về hôm qua, có đến thăm mẹ, bảo dượng chết ngày 10 chứ không phải ngày 12. Mẹ không biết tin ai. Lên phường làm giấy khai tử để xin công an phường chuyển hộ khẩu nhà mình từ loại B (có thân nhân đi học tập cải tạo) sang loại A cho dễ xin giấy tờ, mẹ đưa giấy chứng nhận của ban quản giáo, nên họ cũng theo giấy tờ mà ghi ngày 12-4. Điều đó làm cho mẹ khó nghĩ quá. Phải chọn ngày nào làm ngày giỗ dượng đây? Bên này thì mẹ chọn ngày 10-4. Mẹ nghe nói ngày tháng bên Mỹ chậm hơn bên mình một ngày. Vậy con nên làm giỗ cho dượng vào ngày 11.

Con biết không, dượng con mất mà mẹ có biết gì đâu! Mẹ cứ tưởng được giấy phép đi thăm nuôi dượng như mấy lần trước, nên chạy lên dì Sáu mượn tiền mua cho dượng một ít thuốc Vitamin, thuốc xúc ghê, thuốc sốt rét, mì ăn liền, làm cho dượng hai lon Guigoz ruốt kho... Mẹ chạy đi lùng mua lon Guigoz muốn đứt hơi mới tìm được ba cái vừa ý. Hai lon dượng đem về hồi ở tù lần thứ nhất được thả về, hồi con còn ở nhà đó, bị thùng mấy lỗ bằng đầu cây tăm không dùng được nữa. Loại lon này đựng

thứ gì cũng được, nhưng đừng đồ mẫn là bị mục liên. Lâu nay mẹ đâu có biết chuyện đó. Vì vậy, lần này mẹ cẩn thận gói ruột kho trong hai ba lớp bao ni lông rồi mới cho vào lon. Rồi chạy lên chú Tám nhờ mua vé chợ đen... Rồi lên ga Bình Triệu chiều chực để chen cho được lên tàu... để rồi, con ơi, ra tới nơi họ mới cho mẹ biết dưỡng mất từ hơn một tháng trước!

Mẹ khóc òa! Cái cậu ôm gối ngồi ở chòi tiếp tân quát mẹ, bảo không được khóc. Lúc đó mẹ không còn biết sợ là gì nữa. Mẹ bù lu bù loa phân bua với mọi người: "Chồng tôi chết mà còn cấm tôi khóc thì trời còn có mắt nữa hay không, bà con. "

Mẹ làm dữ quá, anh ta phải xuống giọng, dẫn riêng mẹ vào dãy lán sâu phía bên trong hàng rào. Anh ta bảo mẹ ngồi ở đó, bảo hiện thủ trưởng bận công tác, chờ khi nào thủ trưởng về sẽ cho mẹ vào gặp để cho biết rõ dưỡng mất như thế nào, chôn cất ở đâu. Trước khi bỏ đi, anh ta còn dọa:

"Muốn đi thăm mộ thì phải ăn nói sao cho có văn hóa". Mẹ lại tức tràn hông, nhưng phải nhịn con ạ! Mẹ chờ suốt buổi sáng, rồi buổi trưa qua, không ai ngó ngang tới. Gần xế chiều mới có người tới hỏi ai là thân nhân của Trần văn Bản. Mẹ được dẫn vào gặp ông thủ trưởng. Ông này ăn nói nhã nhặn hơn, bảo dưỡng "học tập tốt" "lao động tốt" nên được ban quản giáo đặc biệt chú ý chuẩn bị đề nghị cho về với gia đình, nhưng vì sức yếu đã chết trước khi được "tạm tha". Ông ta còn hỏi mẹ có muốn nhận lại những đồ đạc dưỡng để lại không. Ban đầu mẹ định xin lại mấy cái lon Guigoz để còn đi thăm nuôi anh con, nhưng kịp nghĩ là nhìn lại những kỷ vật dưỡng con để lại chỉ thêm đau lòng. Mẹ chỉ xin được đi thăm mộ.

Ông ta gật đầu, gọi một cậu công an vào bảo dẫn mẹ ra thăm mộ can phạm Trần văn Bản. Con ơi, nghe đến hai chữ "can phạm", mẹ lại khóc òa! Dưỡng con có tội có lỗi gì đâu mà ở tù 6 năm ra, về nhà chưa được mấy tháng lại đi ở tù tiếp. Ông ta ngơ ngác không hiểu sao mẹ bật khóc, không biết thành thật hay chỉ giả vờ, vội vã đến gần mẹ an ủi:

- Thôi cụ ạ! chết thế mà yên thân! Sống chỉ khổ!

Mẹ chùi nước mắt ngược lên nhìn ông ta, nước mắt làm nhòe mọi vật, mẹ không thấy rõ ông ta đang làm ra vẻ âu sầu để phân ưu hay đang cười nói tự nhiên.

Nhưng thôi! Việc đó đâu có cần phải dài dòng. Giá tem thư quá cao, mỗi chữ mẹ viết cho con cũng cao giá theo, chỉ nên thuật những điều đáng thuật lại.

Cậu công an dẫn mẹ đi khá xa, phía chân ngọn đồi trọc cách trại tù gần một cây số. Cậu ta cắm cúi đi trước, không nói với mẹ câu nào. Mẹ cũng không còn hồn đâu mà tìm lời gạ chuyện với cậu ta nữa.

Đến bãi tha ma, cậu ta dừng lại chờ mẹ. Hình như cậu ta có điều gì khó nghĩ khó nói. Cậu ta ngập ngừng liếc nhìn mẹ. Mẹ ngạc nhiên quá, hỏi:

- Mộ chồng tôi ở chỗ nào, hờ cậu?

Cậu ta lí nhí một lúc, mới đáp:

- Ở đây nhiều mộ quá, phải có bản đồ mới dễ tìm. Tôi lại bỏ quên bản đồ ở cơ quan. Nhưng thôi, được rồi! Mình đi thẳng vào lối giữa, đến cây cọc kia thì rẽ trái, gặp cái khe con tháo nước, tới lô C. Mộ nằm ở hàng thứ bảy, cái thứ sáu.

Mẹ vội đi trước. Cậu công an cũng vội theo mẹ. Đến chỗ cái khe tháo nước, mẹ dừng lại, hỏi:

- Lô C là lô nào?

Cậu công an bảo:

- Lô trước mặt, bên trái.

Mẹ bước thêm vài bước, phân vân, vì các ngôi mộ mới chưa xanh cỏ quanh đây không nằm ngay hàng thẳng lối chút nào. Mẹ hỏi:

- Hàng thứ bảy ở đâu hờ cậu?

Cậu công an tự nhiên ngập ngừng:

- Không biết có phải hàng thứ bảy không? Trần văn Bản... Trần văn Bản. Có lẽ đúng hàng thứ bảy.

Mẹ bức quá, gất gồng:

- Sao lại có lẽ.

Cậu ta nổi bướng, giọng xác quyết như đinh đóng cột:

- Chắc chắn hàng thứ bảy, mộ thứ sáu. Tôi nhớ mà. Hai ngày gần cuối tuần thứ Bảy thứ Sáu, quên sao được. Hàng thứ bảy là hàng bắt đầu bằng cái mộ có cắm cọc kia!

Mẹ chạy đến nơi có ngôi mộ cắm cọc. Lại chạy đến ngôi mộ thứ sáu, và, con biết không, tự dung trời đất tối xầm trước mắt mẹ. Đôi chân mẹ bủn rủn, mẹ khụy xuống. Mẹ ôm nắm đất đỏ khóc như mưa như gió. Mẹ kể kể từ lúc mẹ ôm con vào Sài gòn ăn nhờ ở đậu nhà bà con bị hắt hủi thế nào, gặp dựng ra sao, kể lúc chia tay mẹ con mình để đi "học tập" dựng dẫn những gì, kể cảnh ngộ dựng được thả về ra sao! Mẹ đang khóc kể thì đột nhiên cậu công an đến gần bảo:

- Lầm rồi cụ ơi. Xin lỗi cụ nhé. Hàng thứ sáu ngôi mộ thứ bảy chứ không phải hàng thứ bảy ngôi mộ thứ sáu. Tôi nhớ lầm!

Phải một lúc thật lâu mẹ mới hiểu cậu ta nói gì! Trời đất! Hóa ra từ này tới giờ mẹ khóc một người dung. Lòng mẹ tự nhiên chai đá lại. Mẹ xẵng giọng hỏi:

- Có chắc không?

Cậu công an có lẽ thấy mẹ dữ quả, đâm rụt rè. Cậu ta đưa tay sờ lên túi áo, rồi lại lục lọi hai túi quần, giọng phân bua:

- Cháu nhớ có cầm tấm bản đồ theo, không biết lúc đi rút bao thuốc lá ra hút rơi mất đằng nào rồi. Có lẽ đúng là hàng thứ sáu cái thứ bảy. Thứ sáu, thứ bảy, có lẽ thế!

Mẹ giận dữ bảo:

- Cậu dẫn tôi trở về trại đi!

Cậu ta biết lỗi, không nói gì, lẳng lặng đi trước. Về đến trại giam thì trời tối hẳn. Ông thủ trưởng bảo mẹ chờ sáng hôm sau sẽ đích thân dẫn mẹ đi thăm mộ dựng, nhưng con ơi, chẳng hiểu sao lúc đó mẹ lắc đầu. Mẹ bảo thôi khỏi cần, vì mẹ đã biết đích xác dựng được chôn ở nơi nào rồi. Ông ta không hiểu mẹ nói gì, có lẽ thấy mẹ hung dữ quá, vả lại chắc cũng thấy cấp dưới có lỗi, nên sau khi dặn cậu công an xếp đặt nơi mẹ ngủ qua đêm, vội vã bỏ đi. Bây giờ mẹ mới hối đã không kiên nhẫn tìm được cho đích xác nơi dựng gửi nắm xương tàn. Cũng như mẹ không biết được đích xác ngày dựng con mất.

Nhưng mẹ tự an ủi: Thì thôi! Cần gì phải tìm cho được đích xác. Dựng đã chết đi ngay từ hồi họ vào, và nơi dựng nằm xuống là cả một dải đất chữ S từ Nam Quan đến mũi Cà Mau.

Ý nghĩ đó giúp mẹ thôi ân hận. Phải nghĩ thế cho đời bớt thấy khổ! Cho mẹ còn đủ sức đi thăm nuôi anh con, và nhớ thương con thân gái lưu lạc ở bên kia biển rộng. Thương con vô vàn, con biết không, Dung cứng của mẹ!

○ ○ ○

Bà cụ úp mặt xuống mấy tờ thư, khóc vui một hồi. Nước mắt làm hoen những dòng chữ ở trang thư cuối. Khi nhận được thư mẹ, Dung lại làm hoen thêm một số trang giấy hăm gửi từ quê hương!

Nguyễn Mộng Giác

Cali 26.9.1985

# CHƯƠNG 9 - HƯƠNG ĐÊM

Chàng do dự ở chân cầu thang khi thấy phòng nàng kín cửa. Tuy nhiên bên trong vẫn le lói ánh đèn. Chàng ngập ngừng chưa biết phải làm gì, thì cửa lớn phòng nàng xịch mở. Giọng nàng gọi xuống hơi run và nghẹn, như đã biến đổi vì một nỗi xúc động hoặc cố gắng lớn lao:

- Anh đợi em một chút. Em sẽ xuống ngay!

Như một phép lạ, tất cả cửa sổ hai bên barrack đều mở. Ánh đèn thủy ngân nơi đầu dốc giúp cho chàng thấy nhiều đôi mắt xoi mói nhìn về phía chàng. Thời gian chờ đợi như dằng dặc. Cuối cùng, nàng mở cửa, cẩn thận vịn hai thanh gỗ cầu thang chậm chạp bước xuống. Chàng ngạc nhiên vì nàng dám mặc chiếc áo hồng quá trẻ trung so với khuôn mặt sầu muộn nhăn nhuc và cuộc sống khép kín lâu nay. Từ các tầng gác hai bên barrack nhiều tiếng người khúc khích.

Chàng khó chịu, giục:

- Chúng ta đi đi!

Nàng đáp nhỏ "dạ", rồi vội vàng bước nhanh cho kịp chàng. Tiếng xuyết xoa chòng ghẹo không để cho họ yên suốt quãng đường ngắn từ phòng nàng lên tới đầu dốc, chỗ có ngã rẽ đi xuống đường nhựa chính. Nàng cố đi xích gần chàng hơn, nói trong hơi thở:

- Anh! Hãy quàng lấy vai em!

Chàng ngỡ ngàng ngược nhìn nàng, không hiểu. Đôi mắt van lơn cầu khẩn ướm sáng dưới ánh đèn thủy ngân. Chàng đưa tay ôm chiếc vai nhỏ, cảm thấy nàng đang run và dưới làn vải hồng mịn màng là một đôi vai ồm. Chàng bóp nhẹ vai nàng, lòng phân vân giữa thương xót và ngỡ ngàng. Khi xuống đến đường nhựa và không còn nghe những lời đùa cợt độc ác nữa, nàng đưa tay gỡ nhẹ tay chàng, liếc nhìn lên như sợ chàng giận, rồi cúi xuống đi xa ra một chút. Chàng lại thấy nàng giữ thái độ dè dặt xa cách như những lần trước. Chàng định hỏi cho ra lẽ, nhưng nàng đã hỏi trước:

- Anh đã đi ký giấy nợ chưa?

Chàng đáp gọn:

- Rồi.

- Còn những nợ nần khác?

Nàng cố lấy giọng đùa nghịch tự nhiên, hỏi tiếp:

- Nhất là nợ nần vương vấn với các cô, thì dây dưa lắm. Dứt không hết đâu!

Chàng im lặng không nói gì, trí mãi suy nghĩ đến thái độ khác thường của nàng đêm nay. Chàng chỉ nghe nàng hỏi loáng thoáng:

-...hay có xe chở ra đến tận cầu tàu?... còn thân nhân thì phải đi bộ thôi. Chao ơi! Xa thế làm sao đi bộ được!

Chàng hơi giận, hỏi hơi xẵng tiếng:

- Sao đêm nay em khác thường vậy?

Nàng cắn môi bước, không đáp. Chàng cũng không biết hỏi gì thêm. Họ lặng lẽ đi qua quán cà phê bên đường.

Giọng hát Thái Thanh vô tình lấp đầy khoảng trống ngại ngùng:

"Nghìn trùng xa cách, gửi đến cho người. Còn gì đâu nữa mà khóc với cười. Mời người lên xe, về miền quá khứ. Vĩnh biệt thương yêu..." Lòng hai người chùng lại. Lời hát ngày càng xa nhưng âm thanh tha thiết chói với hòa với sương đêm và ánh đèn thủy ngân xanh xao, thấm lên từng làn da thối thịt họ. Chàng đi gần nàng hơn, và nàng bạo dạn nắm lấy tay chàng, bóp nhẹ. Hai bên đường, sương đêm nạm kim cương lên khắp vùng cỏ ướt. Nàng cúi xuống ngắt một cành hoa dại màu tím nở muộn ngay dưới chân đèn đường. Chàng kiên nhẫn dừng lại chờ. Nàng xinh xắn, linh hoạt khác thường trong bộ áo hồng, tinh nghịch xoay xoay cành hoa trên tay phải, mỉm cười bảo chàng:

- Ít lâu nữa, có thể là một hai tuần, hoặc một hai tháng ở Cali, có ai hỏi anh: "Này, cậu có biết Trần

Châu, cái cô từ Thái Lan chuyên qua Galang một lượt với cậu đó, cậu nhớ không?", anh sẽ đứng đỉnh đáp: "Trân Châu nào hề? Chưa từng bao giờ quen!"

Dường như để nói được câu khôi hài ấy, nàng đã dùng hết sức cố gắng, đã dốc hết can đảm để nói lên nỗi bất hạnh ô nhục, nên nói xong, Trân Châu cảm thấy rã rời. Nàng sợ ánh đèn thủy ngân quá sáng có thể soi rõ dấu vết ô nhục còn sót lại trên thân thể mình, sợ cả ánh nhìn thương xót quen thuộc của Đức, nên vội bước về đoạn đường có bóng tối phía trước. Đức bối rối không biết phải nói gì trước nỗi đau khổ quá lớn lao, chỉ trách nhẹ:

- Sao em chưa chat với anh quá vậy?

Trân Châu thì thào:

- Em chỉ nói sự thực.

- Không. Em đừng nên vợ dứa cả năm.

Nàng đột ngột dừng bước. Họ đã đến chỗ chiếc cầu nhỏ bắc ngang qua con suối cạn, nước chảy róc rách. Bóng cổ thụ che bớt ánh đèn đường chói chang trên Main Street, dành cho họ một khoảng tối âm u vừa đủ cho những lời tâm sự chân thành. Trân Châu đề nghị:

- Mình dừng lại ở đây đi anh!

Chàng nhìn lên phía dốc cạnh siêu thị, e ngại nói:

- Ngay giữa nơi xe cộ, anh sợ ồn.

Nàng sợ phút can đảm qua đi, vội nói:

- Không đâu. Xe cộ hết chạy vào giờ này rồi. Anh, cho em dựa vào thành cầu.

Đức nhường chỗ cho nàng, nhận xét:

- Độ này em không được khỏe! Anh đi rồi, em nhớ lo ăn uống điều hòa hơn, nhất là rau tươi và sữa.

Giọng Trân Châu hơi run run vì cảm động:

- Không. Chưa bao giờ em thấy khỏe bằng lúc này. Có khỏe mới dám đương đầu với sự thực. Anh thấy không, hôm nay em dám bỏ cái áo tím than cũ kỹ, và dám quàng vai anh đi điều trước thiên hạ.

Đức bắt đầu hiểu thái độ khác thường của Trân Châu lúc này. Chàng ái ngại nhìn nàng, thấy đôi mắt Trân Châu lóe lên ánh giận dữ thách thức. Chàng tìm cách nói để nàng bình tĩnh lại:

- Em giận họ làm gì! Họ chỉ hiếu kỳ.

Trân Châu vội ngừng phất lên, định nói gì đó. Cái gì độc địa, dữ dội. Cái gì chua chát tàn nhẫn. Nhưng nghĩ sao, nàng thôi không nói. Bàn tay phải nàng run run vì không được bầu chặt vào thanh sắt lan can cầu như bàn tay trái, nên để che giấu xúc động. Trân Châu xoay tít cảnh hoa dại. Một lúc sau, nàng nói nhỏ, như một lời than van:

- Cả anh nữa, anh thấy không, đối với em, anh cũng là một người hiếu kỳ.

Đức định phản đối, nhưng Trân Châu đã vội vã nói tiếp:

- Anh cho em nói hết đã. Em muốn nói nhiều, nói cho đến tận cạn, để ngày mai anh thanh thoi ra đi, không còn cảm thấy bị ràng buộc vướng víu vì em. Em không muốn là cục nợ, là gánh nặng cho bất cứ ai. Em đã chuẩn bị ròng rã mấy ngày nay để được nói hết với anh đêm nay. Anh, nói thực với em lần cuối đi, vì sao anh thương em?

Đức bị hỏi bất ngờ, nên chưa biết phải đáp thế nào. Trân Châu cười nhẹ, giọng nói hơi vỡ:

- Đây, anh xem, anh có trả lời được đâu!

Đức vội nói:

- Không. Em đừng hiểu lầm. Vì không còn là lúc để khách sáo đầu môi chót lưỡi nữa, nên anh thành thật nhận rằng đáp câu em hỏi khó lắm. Đúng, ban đầu, khi em được khiêng bằng băng ca lên trại, anh tìm xem mặt em vì tò mò. Em biết đấy, trước một kẻ tuần nạn, chỉ có cha mẹ hoặc vợ chồng, con cái kẻ đó là đau đớn thực sự. Những kẻ khác thì thương hại và mừng rỡ. Không tàn nhẫn đâu. Họ mừng rỡ vì tai họa trước mắt đã có kẻ gánh chịu chưa đến lượt mình, hoặc vì nạn nhân đã gánh hết tai họa rồi, không còn phần rủi nào dành cho họ nữa.

- Rồi sau đó...

- Sau đó anh nghe được những gì người cùng ghe với em kể lại. Anh tự thấy xấu hổ vì đã tò mò chen lẫn chạy đi xem mặt em hôm đầu tiên. Anh cảm...

Nàng ngắt lời chàng, hỏi dồn:

- Họ đã kể gì với anh?

- Mỗi người một cách, đôi khi mâu thuẫn với nhau. Nhưng anh đủ trí phán đoán để bỏ đi những phần thêm thắt không thể có thực. Chẳng hạn họ kể ban đầu bọn cướp biển có vẻ tử tế.

- Anh, họ nói đúng đấy. Không bịa đặt đâu.

Chàng ngơ ngàng không tin tai mình, hỏi lại:

- Em điên rồi sao? Chúng tử tế mà lại...

- Không. Chúng chỉ tử tế lúc đầu. Lúc đó ghe em vì hết dầu nên trôi giạt hai ngày đêm rồi. Gặp được ghe lạ, dù có sợ hãi tặc, nhưng vẫn mừng vì còn hy vọng tìm cái gì nổi để bám. Đến gần càng mừng hơn, vì ghe lạ không che bằng số trước mũi. Khi biết mình cần dầu Chúng mới nổi lòng tham, đòi đủ mười lượng vàng.

- Anh cũng có nghe kể chuyện này. Đúng là bọn cướp biển không chuyên nghiệp. Nhưng ông chủ ghe kể là ông nói hết cả nước miếng, mà hành khách không ai chịu đóng góp cả.

- Ông ấy giấu, không nói hết. Hành khách không chịu góp vì biết rõ gia đình ông ấy có mang theo nhiều vàng, trong khi họ chỉ giấu ở gấu quần, thắt lưng, mỗi người một chỉ để hộ thân mà thôi. Họ phân bì, nên cho số một lượng vàng chủ ghe bỏ ra là quá ít. Vì thế chỉ được tổng cộng có một lượng rưỡi. Bọn Thái Lan tức giận, không tin cả ghe chỉ có bấy nhiêu. Vì thế chúng thành bọn cướp. Chúng áp lại gần, bắt đàn ông con trai cởi hết quần áo rồi phải nhảy xuống nước, chỉ được phép bấu tay vào mạn ghe. Đàn bà con nít được ở lại, nhưng bị lục soát rồi nắn không thiếu chỗ nào.

- Rồi có tìm ra đủ số chưa?

- Không. Chỉ có em đại đột đem nộp cái nhẫn một chỉ ngay từ đầu, còn ai cũng tìm cách giấu được. Nhất là gia đình chủ ghe, hình như lão đã giấu dưới lớp hắc ín trám ghe. Tụi cướp đe ba cụ già lấy thêm được bốn chỉ nữa, cộng với cái nhẫn của em là năm chỉ. Chúng giận, đập phá tứ tung, nhưng vẫn chưa làm quá. Chúng hẹn trong vòng một giờ, nếu không nộp đủ năm lượng vàng, sẽ bỏ mặc cho trôi giạt chứ không bán dầu.

- Sau đó nghe nói chỉ được ba lượng. Ai chịu góp thêm một lượng nữa thế?

- Không có ai cả! Lão chủ ghe lấy của mình, nhưng giả vờ như nhặt được của hành khách nào đó giấu dưới găm ván lót. Như vậy vẫn còn thiếu hai.

Chàng do dự một lúc, mới lấy đủ bạo, e dè hỏi:

- Rồi... do đâu chúng ra thêm điều kiện...

Nàng im lặng, không trả lời ngay. Đức cảm thấy hơi hận, định nói qua chuyện khác thì Trân Châu đã đáp:

- Chúng trở về ghe bàn luận lâu lắm, có lẽ do dự. Nửa muốn tàn sát cả ghe, nửa muốn bỏ đi, thật lâu, mới thấy một tên qua đưa điều kiện mới.

Chàng không muốn đi xa thêm, vội hỏi:

- Lúc đó, cả ghe đã biết âm mưu lừa gạt của chúng chưa?

Trân Châu định trả lời, nhưng ánh đèn pha một chiếc xe hơi từ đầu dốc chiếu thẳng vào hai người. Nàng lúng túng đưa tay lên che mặt. Chiếc xe chạy chậm lại để qua cầu, và đám thanh niên đứng trên xe đập mạnh vào thùng xe để chọc ghẹo họ. Ai đó la lớn:

- Coi chừng nghe em! Nó xạo lắm, đừng đại tin!

Đức nhăn mày tức giận, nhìn theo dấu xe chạy khuất.

Trân Châu cười tự nhiên, tay phải lại xoay cành hoa tím. Nàng nhìn Đức nói:

- Họ làm rồi. Đáng lý họ phải bảo anh đừng vội tin lời em. Anh không nghe thiên hạ bảo em học được của bọn hải tặc phép làm thuốc lú để mê hoặc anh hay sao?

Đức không ngờ Trân Châu dám nhắc lại những lời gièm pha độc ác đau lòng như vậy. Chàng tức giận,

nói giữa cơn kích động tột độ:

- Thật vô ơn bội bạc! Họ không biết em đã đem thân làm vật hy sinh để cứu mạng sống của họ hay sao! Họ quên đã van lơn, khóc lóc cầu khẩn em như thế nào. Nếu bọn hải tặc lừa gạt, quăng trả em về rồi chạy luôn chứ không đưa dầu, thì đó không phải là lỗi của em. Có dầu hay không, em vẫn là cứu tinh của họ.

Nàng cười chua chát, không đáp ngay. Chàng giận đến nghẹn lời, tự thấy tốt hơn hết là nên im lặng để khỏi nói lấp bắp khó hiểu. Đêm thật mênh mông. Nước dưới chân cầu chảy róc rách, lâu lâu có tiếng một loài chim đêm kêu chirp chirp nhip hai. Lâu lắm về sau, Trân Châu mới nói thật nhỏ, gần như một lời thì thào:

- Chắc anh đã nghe không thiếu những lời người cùng ghe trách móc em. Không có dầu, tiếp tục chịu đói khát, trôi giạt trên biển cả trước khi được tàu Mỹ cứu, họ không oán bọn hải tặc mà lại đổ oán cho em. Họ bảo em dùng dằng mãi mới chịu qua, làm bọn cướp giận. Thậm chí họ còn bảo em không chịu khó chiều ý chúng. Cũng may lúc được quăng trả về, em ngất đi, không phải nghe những câu nói ấy. Anh hiểu giúp em, suốt cuộc hành trình, em nhận được gì đâu, để sẵn sàng làm người tuân tiết! Gia đình "anh ấy" báo tin gấp quá, em chỉ kịp đem theo một bộ quần áo và cái khăn mặt. Em sắp bước lên cyclo mẹ em mới chạy theo dúi thêm chiếc nhẫn. Suốt mấy ngày đói khát, có ai sẵn sàng chia cho em nửa ngụm nước, một muống cháo? Người ta dẫm lên em mà đi. Xin lỗi anh, họ đá ia cả lên người em mà không thấy cần phải xin lỗi. Họ tự nhận khôn ngoan đã giấu được vàng, và chê em dại dột. Em đem thân hy sinh cho họ ư? Nhất định không!

Đức lấy làm lạ hỏi:

- Thế vì sao cuối cùng em lại nhận?

- Vì nét mặt sợ hãi meo meo của một em bé. Nó dễ thương quá. Má đỏ hồng, nói bi bô cả ngày. Tự nhiên em thấy mình không đáng gì, so với em bé. Cứu tinh của cả ghe (mà thật ra đã được là cứu tinh đâu) không phải là em. Anh lầm rồi, không phải em, không phải em! Đó là sự thực. Anh đừng chịu khó trả nợ cho ai cả. Đừng nhọc nhằn áy náy vì thương hại em. Hãy yên tâm mà đi, anh Đức ạ.

Giọng Trân Châu càng ngày càng nhỏ, run run. Cuối cùng nàng bật khóc. Đức đưa tay ôm lấy nàng, thân thể nhỏ nhắn vẫn không thôi run rẩy vì khóc thổn thức, nhưng qua cách dựa. ngoan ngoãn vào thân chàng, Đức biết Trân Châu vẫn giữ được lòng tin cậy và tình thương yêu đối với chàng. Đức im lặng để cho nàng khóc thỏa thuê. Chàng biết những giọt nước mắt cũng cần thiết cho cuộc phục sinh chẳng khác nào máu thịt của đời sống. Tuy nhiên lòng chàng lợn cợn những điều khó chịu.

Cho đến lúc nàng bình tĩnh trở lại, Đức hỏi lơ lửng:

- Em thì chắc sắp qua Colorado rồi chứ gì?

Trân Châu giật mình ngược lên hỏi:

- Anh nói gì ạ?

Đức ngập ngừng nói:

- Em... em sắp qua với "anh ấy"!

Nàng thờ dãi, rồi nói:

- Chắc... chắc còn lâu lắm. Hoặc chẳng bao giờ nữa!

- Sao thế?

Trân Châu do dự thật lâu, mới chậm rãi đáp:

- Từ mấy tháng nay, anh ấy không thư từ gì cả.

- Nhưng hình như em có nhận được đầy đủ giấy tờ bảo lãnh rồi cơ mà! Hôm trước JVA gọi em lên có việc gì thế?

Trân Châu buồn rầu đáp:

- Họ cho biết anh ấy đã đổi ý.

Đức kinh ngạc xoay người Trân Châu lại để nhìn thẳng vào mắt nàng. Tâm trạng chàng phức tạp, pha lẫn tức giận và hy vọng mơ hồ. Chàng cố dằn xúc động hỏi:

- Nhưng... nhưng em có hiều vì sao không? Chẳng lẽ vì chuyện ấy?

Trân Châu gật đầu. Đức vội vã hỏi:

- Nhưng anh ấy đã biết, trước khi làm giấy bảo lãnh kia mà.

Nàng lúng túng chưa biết phải trả lời thế nào. Đức đã bỏ tay khỏi vai Trân Châu. Nàng dần xúc động bằng cách xoay xoay cành hoa dại, một lúc lâu, mới ngược lên nhìn thẳng vào mắt chàng, cố nói thật chậm:

- Vì có người viết thư qua mách anh ấy rằng khi em... khi em bị nạn, có thấy... có thấy... em đưa tay ôm lấy lưng tên hải tặc. Đó, sự thật ghê tởm của đời em đó, anh tin không?

Sức cố gắng của nàng chỉ được đến đó. Nàng rũ xuống như một bông hoa héo. Đức kịp ôm lấy nàng, hôn thật nhiều lên khuôn mặt trắng nhợt đầm nước mắt. Chàng nói cho nàng nghe, mà cũng để nói cho mình:

- Cảm ơn em, cảm ơn nỗi ô nhục và thử thách em chịu đựng lâu nay. Cảm ơn tình yêu của anh, kẻ tuần nạn thay cho anh. Sự chịu đựng của em làm anh ngợp. Trân Châu! Trân Châu! Có nghe anh nói không?

Nàng khẽ gật đầu tuy vẫn chưa thôi khóc. Ánh đèn thủy ngân ở đầu dốc chiếu lên khóe mắt nàng: những giọt lệ lóng lánh. Có tiếng xe sắp chạy qua cầu. Nàng gỡ tay chàng đứng thẳng dậy, nói khẽ:

- Có lẽ em phải về thôi. Chắc ngày mai...ngày mai em không tiễn anh ra cầu tàu được.

Chờ cho chiếc xe Jeep hiệu Toyota qua khỏi, Đức mới đề nghị:

- Để anh đưa em về barrack.

Trân Châu vội gạt:

- Thôi! Khỏi cần phải trêu chọc họ nữa.

- Nhưng ít ra cũng cho anh đưa em đi một đoạn.

Nàng vẫn cứng cỏi:

- Thôi, anh Đức ạ. Em muốn mình chia tay ở đây, trên chiếc cầu nhỏ này.

Thấy chàng có vẻ thất vọng, Trân Châu đưa cành hoa tím dại nàng vẫn cầm từ đầu đến giờ về phía Đức, cố lấy giọng tình nghich nói:

- Em làm chuyện ngược đời, là tặng hoa cho anh. Anh thấy không, nãy giờ em xoay xoay hoài, hai cái hoa nhỏ xíu bé bỏng vẫn không rụng. Màu tím đẹp dễ sợ, chỉ tiếc không thơm. Tên hoa gì vậy anh?

- Anh cũng chẳng biết. Nó mọc đầy hai bên đường rừng.

- Em đặt quàng cho nó cái tên Forget-me-not. Anh cầm lấy. Mai anh đi bình yên. Chúc anh vui!

Không chờ Đức nói, Trân Châu vội vã quay về phía dốc. Đức thần thờ nhìn theo, nhìn cái dáng nhỏ nhắn, cô độc của người con gái dưới ánh đèn đường. Chàng nhìn lên cánh hoa "Forget-me-not" hồi lâu, rồi thử đưa lên mũi. Chàng kinh ngạc tìm thấy một mùi thơm thanh khiết như hương hoa quỳnh, phảng phất thoang thoảng trong sương khuya.

Nguyễn Mộng Giác

Galang, tháng 11, 1982

# CHƯƠNG 10 - NGÀY VỀ KHÔNG NÀNG

Cơm nước xong, không khí trong nhà đột nhiên căng thẳng khác thường. Mọi người đều thấy bút rút, tuy ai ai cũng cố gắng chứng tỏ mình bình tĩnh, hơn thế nữa, thản nhiên, bất cần. Bà mẹ ngồi bệt trên mặt nền đã bóc mất lớp gạch hoa, bồm bồm nhai trầu như mọi bữa. Cô em gái rửa chén ở dưới bếp mãi suy nghĩ làm vỡ mất cái đĩa sứ độc nhất còn lại. Đứa cháu lên ra sân trước chơi không ngủ trưa mà không bị bà nội la rầy. Còn chàng thì dụi hết điều thuốc này đến điều thuốc khác, cổ khô, uống liên tiếp nhiều ngụm nước trà vẫn không dần được cơn ho. Mẹ chàng lo lắng hỏi:

- Con không bị đau phổi đấy chứ? Có mỗi ở hai bả vai không?

Chàng vội đáp:

- Không đâu, mẹ yên tâm. Thuốc điều bây giờ tệ quá. Hút đặng cả cô.

Mẹ chàng trách móc:

- Biết thế mà còn hút. Mẹ nghe nói toàn là lá đu đủ.

Rồi sợ không còn cơ hội nào để xóa tan nỗi lo canh cánh, mẹ chàng hỏi đột ngột:

- Con đã viết sẵn đơn xin tạm trú chưa?

Chàng liếc nhìn mẹ. Mẹ chàng chăm chú tẽm trầu, làm như chưa bao giờ đặt câu hỏi, hoặc nếu có, thì cũng hỏi qua loa cho có chuyện vậy thôi, một câu hỏi không đáng quan tâm.

Chàng cố làm ra vẻ ơ hờ, đáp:

- Con đã viết rồi. Gớm, mọi bữa có nóng như hôm nay không hả mẹ? Bữa nay ăn cơm muộn. Chắc hơn một giờ chiều rồi!

Mẹ chàng nói:

- Ồ, khoảng đó.

Hai mẹ con im lặng. Chàng vừa ho vừa hút thuốc. Mẹ chàng nhìn quanh như định tìm cái lon nhỏ bã trầu, rồi se sẽ bước ra sân. Chàng đoán thằng bé bỏ ngủ trưa sắp bị bà nội mắng cho một trận. Nhưng chờ mãi chàng không nghe thấy gì. Đứa con chàng mở cửa ngõ chạy đi đâu mất. Một lúc sau, có tiếng thằng bé nói lớn:

- Chưa tới hai giờ, bà nội.

Chàng giật mình hồi hộp. Theo thói quen từ hơn sáu năm về trước, chàng ngược lên nhìn chiếc đồng hồ Odo. Ở chỗ vách vẫn treo chiếc đồng hồ quả lắc có chuông báo giờ chỉ còn dấu vết một khoảng vôi mới hình tròn chập trên hình chữ nhật đứng. Chàng chợt hiểu vì sao con chàng phải chạy đi hỏi giờ hàng xóm. Hơi thuốc lá đắng chát trong cô chàng. Cơn ho lại kéo đến, lần này dữ dội hơn lúc nãy. Nhưng mẹ chàng không vào trách móc con. Ngược lại, đằng sau bếp, dường như có tiếng trách mắng và tiếng phân bua. Lắng tai chăm chú hơn, chàng nghe em gái đang nói:

-...mẹ dặn nên con bỏ thư bảo đảm. Trong thành phố, nhất định phải tới tay rồi. Thư thường hai ngày. Thư bảo đảm có chậm cũng không thể quá một tuần. Không. Con nhớ rõ địa chỉ. Vả lại...

Em gái chàng phân bua đến đó rồi im. Chàng nghe mẹ chàng thảng thốt hỏi:

- Vả lại thế nào? Hay mày có viết thêm cái gì trong thư, nó giận không tới?

Em gái chàng đáp, giọng pha chút bực bội:

- Thì con đã đọc lại thư cho mẹ nghe trước khi ra bưu điện, mẹ không nhớ sao? Vả lại... vả lại... hôm qua con gặp chị ấy, con có nhắc...

Chàng đứng bật dậy lúc nào không hay. Có lẽ mẹ chàng cũng kinh ngạc như chàng. Mẹ chàng hỏi vội:

- Mày gặp nó ở đâu?

- Dạ ở trường thẳng Vinh.

- Mày gây chuyện với nó phải không? Nó đến đó làm gì?

- Lúc con đến đón cháu thì đã thấy chị ấy đến trước rồi. Chị ấy bỗng thẳng Vinh từ trong sân trường đi ra. Con định đến nạt bảo thẳng Vinh bước xuống đi, nhưng... nhưng thấy mắt chị ấy đỏ hoe, con không

nói gì. Con chỉ nhắc buổi hẹn chiều nay.

Mẹ chàng hạ thấp giọng rất khó nghe, gần như thì thào:

- Nó... nó đến một mình hay với...với...

Em gái chàng đáp nhỏ:

- Không đi một mình. Cái thằng cô hồn lắm! Người với ngợm! Mặt mày dăm dăm. Chị ấy vừa ghé ngồi lên yên sau nó đã rú ga phóng đi, làm chị ấy suýt té. Thằng Vinh sợ quá kêu Má! Má!.

Chàng không thể chịu đựng thêm nữa. Chàng ngồi xuống ghế, đưa hai tay bịt tai lại. Tiếng lòng bùng âm u cùng với sức ép lên thái dương phần nào lấn át nỗi đau của chàng. Lúc tỉnh tâm trở lại, chàng nếm thấy vị nước mắt mặn mặn ở đầu lưỡi, và thằng Vinh con chàng đang kêu khóc: "Của Má cho Vinh mà! Trả lại đây. Trả lại đây!".

Em gái chàng quát lớn:

- Từ đây về sau, cấm không được nhận gì của nó nghe chưa! Nó không xứng là má mày nữa! Không được kêu Má.

Con chàng nín khóc. Có lẽ nét mặt cô nó dữ dằn quá, thằng bé đâm sợ hãi. Lại một điều là mẹ chàng không nói gì để an ủi cháu. Sau bữa hoàn toàn im lặng. Chàng lắng tai chờ. Chờ. Chờ. Chàng giật thót cả người khi có tiếng xe Honda ngừng nổ ngay trước cổng.

o o o

Đôi mắt mờ yếu sau sáu năm học tập cải tạo, cộng với nắng loá bên ngoài khiến chàng hoang mang không nhận ra ai. Nhíu mày nhìn kỹ hơn, chàng yên lòng, nhờ bám vào hai điều: thứ nhất, khách mới đến không phải đàn bà, và dù khuôn mặt khách có nhoè đi, chàng vẫn ghi nhận được vệt trắng của một hàm răng cười. Chàng nghĩ nhanh: "Nhất định không phải thằng đó rồi! Nó không dám cười với mình". Chàng nghe tiếng cười rộn ràng thật đặc biệt, mang máng nhớ giọng cười của một người bạn thân. Cùng lúc đó, khách hỏi lớn:

- Quên cả bạn bè sao cậu?

Chàng không làm được nữa. Đúng là Vui bạn chàng. Chàng mừng rỡ hơn cả nỗi mừng được gặp một người bạn cũ. Như vừa thoát khỏi một tai nạn chết người vào phút chót. Vui, bạn chàng cười hô hô, nhắc:

- Thì mở cửa cho người ta vào! Có phải công an khu vực đâu mà sợ!

Chàng rộn rã cả lòng, lật bật mở cánh cửa sắt mãi không được. Khi đứng qua một bên nhường chỗ cho bạn dắt xe vào sân, chàng hớn hờ nói:

- Nghe giọng cười của cậu từ xa một cây số đã nhận ra cậu rồi. Nghe tin mình về hồi nào? Ai cho biết? Cứ để đó, không cần khoá đâu!

Vui vẫn tiếp tục khoá xe bằng cái xích loại lớn, ngừng lên nói:

- Cậu chỉ cần nói một câu đó thôi, công an cũng đủ biết cậu là dân mới nhập cư trái phép. Ở đây lúc nào cũng phải kè kè theo bên mình một cái khoá. Bài học đầu tiên đấy!

Chàng mỉm cười không nói gì, quá quen thuộc với lối phóng đại khôi hài của người bạn cũ. Vui khoá xe xong, hỏi liền:

- Bà xã đâu rồi?

Chàng giật mình, nhìn bạn ngờ vực. Chàng chuẩn bị để thủ thế. Nhưng hình như Vui chỉ hỏi để mà hỏi, nên không chờ chàng trả lời, bước trước một cách tự nhiên vào phòng khách. Gặp mẹ chàng, Vui liền thoáng ngay:

- Chào bác ạ! Chắc bác không nhớ cháu! Cháu là Vui, bạn học cùng lớp với Tịnh hồi còn ở Chu văn An. Một lần cháu có đến xin phép bác cho Tịnh đi học thêm toán, thực ra hai đứa hẹn ra nhà thờ Đức Bà ngắm các cô đi lễ. Bác thấy cháu hiền hậu ít nói, bác tin ngay. Bác còn nhớ không?

Mẹ chàng biết ông khách chỉ muốn tếu cho vui, nên cười dễ dãi, đáp lại:

- Vâng, tôi nhớ.

Chàng vẫn khâm phục đức tính lạc quan và khả năng có thể biến mọi chỗ mình đến thành nơi ấm cúng,

thân mật, cởi mở, ngay từ lúc ban đầu ngõ ngang của Vui. Ngồi chưa ấm ghế, Vui lại hỏi:

- Bà xã đâu? Đem trình diện coi. Mày thật tẻ. Cưới vợ mà không thèm gửi cho tao lấy tấm cạt báo hỉ.

Hồi 74 tao ở Tổng tham mưu, mày hay về Sài gòn họp chẳng lẽ không nghe ai nhắc đến tên tao?

Một lần nữa, chàng bỏ thế thủ. Lôi chuyện sang xưng hô mày tao chứng tỏ vui hời thành thực, không có hậu ý. Chàng liếc nhìn mẹ trước khi đáp:

- Bà xã mình vừa đi đâu đó. Chắc ra chợ.

Vui cười lớn, hỏi liền:

- Lại chợ trời chứ gì? Đúng là cái nghề thời đại. Hay nói theo cách bây giờ, cái nghề mang tính quần chúng. A ha! Đàn bà lẩn lóc ở chợ trời, còn đàn ông thì lui cui nội trợ.

Mẹ chàng thấy vui, chen vào hỏi:

- Cậu có phải đi học tập không?

- Thưa có chứ ạ.

- Về lúc nào?

- Cháu may mắn hơn Tịnh. Về từ 78.

- Thế từ đó đến nay làm gì? Có chỗ nào kiếm đủ tiền mua gạo, cậu rủ thằng Tịnh theo với!

Vui đáp liền:

- Thưa cũng có đấy. Chỉ sợ bác không thích thôi!

Mẹ chàng vui mừng hỏi:

- Nghề gì vậy?

- Nghề chà đồ nhôm, bác ạ.

- Ồ! Nghe nói hiện nay ngành làm đồ nhôm khá lắm. Cháu làm ở tổ hợp hay xí nghiệp quốc doanh?

Vui cười lớn:

- Xin lỗi bác, cháu chỉ đùa thôi. "Chà đồ nhôm" là "chôm đồ nhà". Nghề của cháu là mỗi sáng chờ vợ đi làm xong, đi ra đi vô tính lui tính tới xem nên lên vợ lấy thứ đồ đặc nào bán được giá, mau mắn, mà vợ không dễ nhận ra. Phải có tí tiền còm hút thuốc và uống tách cà phê dòm chứ bác!

Cả nhà cùng cười. Mẹ chàng yên tâm, bỏ đi ra phía sau. Có lẽ bà nhận thấy khỏi cần phải ở lại để giúp chàng đương đầu với những nỗi khó khăn. Chỉ còn hai người trên phòng khách. Vui thôi đùa cợt, nhìn quanh phòng nói:

- Căn phòng này cũng mang tính thời đại. Trống trơn, đúng là chỗ dành cho những khách qua đường. Nơi tạm trú!

Chàng thấy đau nhói ở tim. Chàng trầm ngâm một lúc, rồi hỏi bạn:

- Hồi cậu về, việc xin giấy tờ có rắc rối như bây giờ không?

- Giấy tờ gì?

- Chắc vẫn bấy nhiêu giấy. Như đơn xin tạm trú.

- Tạm trú ở đâu? Hồi 78, tụi này có được về Sài gòn đâu!

- Thế cậu về chỗ nào?

- Đi thẳng khu kinh tế mới.

- Cậu có đi không?

- Cậu hỏi gì kỳ! Người ta lũ lượt kéo nhau về nằm đầy trên sân ga, vỉa hè, mình điên hay sao mà lên.

- Cậu dám ở lì ở Sài gòn à?

- Còn cách nào khác đâu! Mình tự cấp giấy phép. Thuộc loại thường trú? Không. Thuộc loại tạm trú? Không. Mình thuộc loại đặc biệt: Loại tự trú. Bây giờ hình như khá hơn thì phải.

- Hình như thế. Đầu tiên cho tạm trú ba tháng để tìm việc làm ở ngoài thành phố. Phải làm đơn xin, nộp cho "cơ quan quản lý người đi học tập cải tạo về" ở đường Phan Thanh Giản. Đơn phải có chữ ký chấp thuận của chủ hộ. Thật oái oăm! Phải xin tạm trú ngay trong căn nhà của mình!

- Thế ai đứng tên chủ hộ?

Chàng do dự trước khi đáp:

- Vợ mình!

Vui tưởng chàng giả vờ do dự để khôi hài, phá lên cười:

- Vậy là phải xin phép bà xã cho tạm trú. Phái nữ lên chân quá lắm! Chuyến cậu có ai quen được về cùng không?

- Tất cả 78 người, ở rải rác từ Huế trở vào. Đến ga Bình Triệu chỉ còn 9 mạng. Toàn lạ cả. Có thằng Sửu không biết cậu có quen không?

- Sửu nào?

- Chắc cậu không biết đâu! Bên hải quân. Chính nó hôm 2 tháng 5 còn lái tàu từ Singapore đem về nộp cho nhà nước. Tiếp đón linh đình lắm, sau đó...

Vui chợt nhớ, cắt lời chàng:

- À, nghe nói thằng Hiền Gà Tồ cùng học một chỗ với cậu, đã về chưa?

Chàng ngừng lên nhìn bạn, hơi ngờ vực. "Vui chưa biết tin sao?". Chàng e dè trước khi hỏi:

- Cậu không biết gì à?

- Chuyện gì thế?

- Nó chết rồi!

- Thật sao? Không nghe gia đình nó nói gì cả. Hôm kia còn gặp con em gái nó ra chợ Tân Định mua cốm dẹp, mì khô, thuốc Lào... để gửi đồ thăm nuôi...

Chàng xác nhận ngay cho Vui khỏi dài dòng:

- Nó ở cùng chỗ với mình. Treo cổ tự vận cách đây một tháng. Vui kinh ngạc kêu lên:

- Việc gì phải thế?

- Bạn bè cũng nghĩ vậy. Nhưng về sau thấy nó biến đổi khác thường. Nói xuống tinh thần thì không đúng hẳn, hình như đột nhiên nó tìm ra được một chân lý nào đó. Nó ăn, ngủ, nói, cười bình thường, tinh ý lắm mới thấy nó hay bàn về cách chết. Nó chê cách ngậm nòng súng lấy chân đạp cò của Hemingway là yếu. Nó cũng chê cách đứng lên chống sách đưa đầu vào thòng lọng của Tam Ích là quá "sách vở". Cả hai còn yếu đuối, sợ sệt, phải tự đặt mình trước sự đã rồi. Đạp vào cò súng hay đu người đẩy ngã chống sách, chỉ cần tí xiu can đảm trong cái tích tắc. Anh em chán, chê nó lập dị. Không ngờ nó đang dự tính cách chết mạnh mẽ cho mình.

Vui hấp tấp hỏi:

- Nó chết cách nào?

Chàng cố dần xúc động bằng cách kể thật chậm:

- Nó chọn cách thắt cổ. Nó lén xé quần đùi bên thành dây thòng lọng. Cậu biết đấy, mái lán trại thấp lắm. Nó lại phải tự vận ở ngoài lán, nên cột được dây vào đầu kèo, nút thòng lọng thấp đến ngực là cùng. Thế mà nó vẫn tự vận được. Cậu thử tưởng tượng, muốn chết, nó phải dùng bao nhiêu sức mạnh ý chí để co hai chân lên! Và làm sao sức mạnh ấy, ở chỗ giáp ranh sống chết, có thể thắng được phản xạ tự nhiên của bản năng sinh tồn.

Vui lặng người bản thân, một lúc lâu mới hỏi:

- Chắc họ chửi bới tùm lum?

- Có, nhưng không nặng nề như các vụ đào thoát. Sau khi chôn Hiền, cả trại nặng trĩu như một nhà mồ. Không khí đột nhiên thê lương u ám hẳn, tuy khoảng đó trời rất đẹp. Ban giám thị cũng nhận ra điều khác thường, nên tập trung toàn trại thuyết cho một hồi. Vẫn bấy nhiêu. Hèn nhất. Trốn trách nhiệm. Kỳ cục nhất là cái tội "tự vẫn để trốn học tập cải tạo"!

- Thật thế à? Rồi tội mình phản ứng ra sao?

- Nghe đến câu "hèn nhất tự vẫn để trốn học tập cải tạo", anh em cười ồ. Rừng dội tiếng cười vang xa, giữa đêm tối. Thật vừa bi tráng vừa khôi hài!

Vui lắc đầu, như không muốn dây dưa đến chuyện đau lòng.

Bạn chàng hỏi:

- Sao giọng cậu kể chán chường như của một người cùng cảnh ngộ? Cậu có chuyện gì không vui? Ban

đầu mới về, ai cũng thế. Ở trong đó, mình yên tâm hơn, thế mới ngược đời. Biết gia đình khổ, nhưng chữ KHỔ chung chung, trừu tượng. Về nhà, chữ KHỔ hiện ra cụ thể, chi li, ngay trong mắt vợ con, anh em... Mình cảm thấy hụt hẫng, hơi tiêng tiếc. Cảm thấy hoang mang không biết làm gì với cái tự do mình chờ đợi bao nhiêu năm. Có phải cậu đang ở trong tâm trạng đó không?

Chàng cảm động, biết Vui có thiện chí an ủi chàng, đem những kinh nghiệm của ba năm được tự do trước chàng ra đề ngừa giúp bạn những thất vọng, những tiếc nuối... Đi xa hơn, Vui còn muốn tìm cách hướng câu chuyện sang phía có tiếng cười. Vui nhìn quanh, tìm đề tài. Bắt gặp hình đôi chim vành khuyên rĩa lông cho nhau trên tấm sáo trúc ở cửa ngăn, Vui hớn hờ nói:

- Hơn nữa vợ chồng có nhau thì mọi sự êm đẹp hết. Lấy kinh nghiệm vợ chồng mình, mình biết. Có thể nói là ba năm nay, tụi này rất hạnh phúc. Luật bù trừ chẳng? Có thể lắm! Cậu còn có... nhưng ơ kìa, sao lâu quá bà xã cậu chưa về? Đây, hình như cậu có khách thì phải! Hồi mình mới về cũng thế, khách khứa lu bù. Hình như bà ta muốn hỏi thăm gì đấy, vì lúc này thấy lấp ló một lúc, ngập ngừng định gõ cửa, rồi lại bỏ đi. Bây giờ bà ta trở lại. Thôi, cho mình về.

Chàng hốt hoảng kéo áo Vui:

- Không, cậu cứ ngồi chơi.

Chàng đoán không sai! Vợ chàng đã đến.

○ ○ ○

Chàng vét hết sức mạnh của ý chí, thu được có thể không thua sức mạnh co đôi chân lên ở biên giới sống chết của Hiền, để trấn tĩnh. Giờ phút nghiêm trọng đã đến! Chàng nấn ná, không dám ra mở cửa. Em gái chàng, nặng nề, chặm rãi đi từ sau bếp ra cổng trước để mở cửa cho chị dâu.

Vợ chàng vào sân xong, em gái chàng đập thật mạnh cánh cổng sắt. Hình như vợ chàng có nói cảm ơn, nhưng chỉ có tiếng chân bước thình thịch của Bích ở hẻm phụ đáp lại. Không thể trốn tránh được nữa, chàng đứng dậy. Tiếng guốc ngập ngừng, rồi dừng lại ở cửa lớn. Chàng tiến thêm hai bước. Vợ chàng gầy ốm hơn chàng tưởng. Đôi vai so trong chiếc áo dài màu hoa cà có in hoa trắng trang nhã, quà chàng tặng vợ sau một chuyến đi xa. Da mặt nàng tái xanh, hai bên má phơn phớt hồng. Vợ chàng có thói quen dùng sáp môi xoa một lớp mỏng lên hai bên má thay cho phấn, và ngay từ ban đầu, chàng nhận thấy nàng vẫn còn giữ thói quen cũ.

Có lẽ trước khi đến gặp chàng, nàng điểm trang vội nên một vệt son còn rõ ở má phía trái. Chàng chú ý nhất đến đôi mắt vợ. Đôi mắt hốt hải, ngượng ngùng, chới với, giống y đôi mắt Sonia trong tranh bìa cuốn tiểu thuyết Crime et Chatiment của nhà xuất bản Marabout nàng mua tặng chàng hồi còn học ở Văn khoa. Chàng cảm thấy thương hại, chứ không thù hận nàng, như chàng đã chuẩn bị để thù hận từ buổi sáng.

Vợ chàng dừng lại ở chỗ ngạch cửa, chờ chàng tiến đến. Chàng bước thêm hai bước nữa, chỉ còn cách nàng không đầy một thước. Nàng liếc nhanh nhìn chàng, rồi cúi xuống nhìn chiếc guốc phải đang di di trên nền xi măng loang lổ, nói nhỏ trong hơi thở:

- Em xin đến thăm con!

Chàng xúc động đến ngộp thở. Bắt gặp cái nhìn đầy ngỡ ngàng tra hỏi của Vui, chàng vội nói:

- Em vào chào anh Vui đi! Bạn cũ của anh hồi cùng học ở Chu văn An. Nhà tôi đấy, Vui ạ!

Vui reo lên mừng rỡ:

- Thế à! Té ra chị. Bây giờ tôi cứ tưởng một cô dâu mới về nhà chồng. Chị tưởng tôi là công an khu vực đến "làm việc" với thằng Tịnh hay sao mà đi thẳng một lúc mới quay lại? Giá cả chợ búa hôm nay ra sao hở chị?

Vợ chàng ngơ đi một lúc, nhưng ngay sau đó, hiểu rằng người bạn chưa biết cảnh ngộ éo le của hai người. Có thể trước lúc nàng đến, Tịnh đã phải nói dối nhiều điều về mình. Câu chuyện bịa đặt có liên quan đến chợ búa, giá cả. Nhanh trí, nàng lấy giọng tự nhiên đáp:

- Chán lắm, anh ạ. Giá cả cứ lên vùn vụt. Một nải chuối tuần trước 50 đồng, nay lên 80. Nghe nói xăng dầu khan hiếm không có xe chở về. Trên Long Khánh chuối để chín ổi mà dưới này đắt như vàng.

Vui tự nhiên như chủ nhà, lên tiếng mời:

- Chị ngồi xuống đây đã. Không. Ngồi bên thằng Tịnh cho đỡ những ngày xa cách. Gần hơn nữa. Đây đây. Được rồi! Chị có thấy nó được "cách mạng" chừng chịu quá đáng không? Chỉ lo ăn rồi học tập, nó chậm hiểu, học mãi hơn sáu năm mới thuộc bài! Tệ quá!

Nàng bật cười, quên cả ngại ngùng. Mẹ chàng, có lẽ kinh ngạc vì sự vui nhộn không hợp cảnh, vén tấm áo nhìn ra phòng khách. Vui không bỏ lỡ cơ hội, nói ngay:

- Cháu vừa bảo Tịnh học bài lâu thuộc quá, một bài ngắn học những hơn sáu năm. Về đây bù khú vợ con, sợ lại quên. Công an khu vực, công an quận, công an sở sẽ đến khảo bài đều đều. Phải thế không bác?

Thêm một người nữa bị buộc phải đóng kịch! Mẹ chàng cười, hỏi nàng dâu:

- Con mua thứ đó có được không?

Nàng lễ phép đáp:

- Thưa mẹ, họ đòi giá cao quá. Con hẹn chiều mới trả lời mình có lấy hay không.

Mẹ chàng trề môi:

- Hàng ôi hàng thôi mà cũng làm giá! Đã ngã giá rồi, hẹn hai giờ chiều tới lấy, bây giờ còn nói hàng hai.

Vừa lúc đó, con chàng chạy về. Nó tro mắt nhìn mẹ, rồi phóng đến ôm chầm lấy nàng. Giọng thằng bé thảng thốt:

- Má, má! Má về luôn hờ má?

Mẹ chàng mắng át:

- Vinh, nhà có khách không được hỗn. Đã vòng tay thưa bác chưa?

Thằng bé tuân theo lời bà nội như cái máy, rồi lại sà vào lòng mẹ. Nó hỏi dồn:

- Má ở với con luôn nha má! Cô Bích lấy mất con khi nhựa má cho con rồi. Đòi lại cho con nha má!

Vui vuốt má con chàng, nhận xét:

- Cháu nó làm nũng với má quá nhỉ. Gớm, má mới đi một chút đã suốt mướt thế kia.

Chàng liếc nhìn mẹ, e ngại. Vợ chàng tận dụng cơ hội, ôm lấy con hôn lấy hôn để. Vừa hôn, nàng vừa khóc:

- Con tôi hư quá. Để mũi chảy thò lò thế này! Khăn của con đâu? Mất rồi à? Má sẽ mua cho con cái khác. Nhưng con phải nhớ lấy kim băng ghim vào ngực áo nghe chưa. Ừ, làm như lũ bạn con đó. Lúc cần, đưa lên lau mũi như thế này, tiện biết mấy. Chiều về đưa cho má, à quên, đưa cho nội hay cô Bích giặt giùm cho. Nào, hỉ mạnh đi, mạnh nữa. Đây, được rồi, chùi nhẹ thôi, mạnh quá đỏ cả mũi.

Giọng mẹ chàng nghiêm khắc, dứt khoát hơn:

- Vinh, đứng dậy ra sau bếp rửa mặt mũi cho sạch đi. Đã bảo đứng dậy. Không được mếu! Con thả tay cho nó đi, chừng riết nó hư lắm. Nghe nội nói đây: Con rửa mặt sạch sẽ, rồi nói cô Bích đưa tiền qua bà Tám mua cho nội gói thuốc Hoa Mai. Nhớ thưa gửi đàng hoàng. Thưa bà Tám nhà con có khách, bà Tám bán cho nội con một bao Hoa Mai thứ thiệt.

Con chàng líu ríu vâng lời. Thằng bé đi rồi, vợ chàng chơi với không biết phải làm gì, như vừa mất chỗ tựa cuối cùng khiến cuộc đời trở nên chênh vênh. Vui lại nhận xét:

- Trông chị khổ sở quá!

Mẹ chàng vội nói:

- Trời ơi, thật vô ý vô tứ quá chừng! Khách đến từ lâu mà thằng Tịnh không bảo đi pha nước.

Vui can:

- Bác cứ để cháu tự nhiên. Cháu không khát đâu.

Mẹ chàng không trả lời Vui, nghiêm mặt bảo vợ chàng:

- Con xuống xem nước đã sôi chưa. Lấy trà Tam Thai ở trong cái hộp thiếc vuông ấy.

Nàng hiểu ý mẹ chồng, đứng dậy đi xuống bếp. Tấm áo kêu lách cách một lúc rồi im.

Vui bắt đầu cảm thấy có cái gì không được tự nhiên xảy ra trong gia đình này. Trong cách liếc dò

chừng của Tịnh, cách sẵn đón thái quá hay cứng rắn thái quá của bà nội che giấu một điều bất thường. Vui cảm thấy thừa thãi. Bàn chàng đưa tay nhìn đồng hồ. Ba giờ kém năm. Đoán được ý Vui, chàng khản khoản:

- Hầy nán lại ít lâu nữa. Chờ uống nước đã.

Thấy bạn vẫn chưa lấy lại được vẻ thoải mái ban đầu, chàng cố tìm cách phân bua:

- Thăng bé được má nuông chiều, đâm ra yếu đuối. Kể cũng tội. Lúc mình đi trình diện, nó còn nằm trong bụng mẹ. Hôm mình về, nó không cho bồng. Nội đẩy mãi, ép phải hôn ba. Nó sợ hãi, mất hơi hải như mình là ông kẹ không bằng. Nội khuyến khích "Ba con đấy. Hôn ba đi. Ngoan lên, ngoan nào!". Nó tiến vài bước, lại dừng. Mình phải tiến gần hơn, ngồi xuống, giơ sẵn má để chờ. Cậu biết không, nó đến sát mình, run lẩy bẩy thật tội nghiệp. Và vào lúc bất ngờ nhất, nó tát cho mình một cái, rồi khóc oà. Dĩ thế nào cũng không nín, kêu mãi "Má ơi, má ơi!".

Chàng bị chính lời chàng kể cuốn hút. Chàng xúc động, cảm thấy vừa thương hại mình, vừa ghen tức vợ. Khi nàng bùng khay nước trà bốc khói lên mời Vui:

- Anh xơi nước ạ.

rồi bùng tách nước thứ hai đến đưa cho chàng, chàng không đưa tay nhận.

Nàng yên lặng, kiên nhẫn chờ. Chàng ngược lên, và lần đầu tiên, thấy trong cách nàng mỉm cười, trong ánh nhìn mời mọc âu yếm, có cái gì đã thỏa tráo trở. Lòng chàng sôi lên hận thù. Phải, nàng đã nhìn hằn hẳng trăm lần, hẳng nghìn lần một cách mơn trớn vuốt ve như thế, có thể còn mơn trớn vuốt ve hơn lúc này nữa. Bây giờ, chàng thấy lối trang điểm vội vàng qua loa là dấu hiệu sự chảnh mảng, xem thường. Đi với hằn, nàng có dám trang điểm cầu thả thế đâu! Nàng còn cả gan mặc chiếc áo tím hoa cà ngày xưa! Thêm thái độ tự tung tự tác của người chủ nhà nữa chứ! Không, nói đúng hơn là chủ hộ. Nàng nắm đằng cán. Nắm vận mệnh của đời ta. Không có chữ ký chấp thuận của nàng, chàng thành kẻ vô sở trú, không nhà cửa, không nghề nghiệp, lang thang đầu đường xó chợ. Càng nghĩ, hận thù càng dâng trào.

Bàn tay bùng tách nước của nàng bắt đầu run. Mọi người, kể cả Vui, đều chăm chú quan sát thái độ chàng. Đã đến giờ phút của sự thật. Chàng ngồi im không nhúc nhích. Vợ chàng mất kiên nhẫn, nhưng cô bình tĩnh đặt tách nước xuống bàn, ngay trước mặt chồng. Vui vội đứng dậy nói:

- Mình quên có cái hẹn lúc ba giờ. Bây giờ đã 3 giờ 15 rồi. Thôi xin phép bác cháu về. Hôm nào rảnh đến chơi, nhé Tịnh. Vẫn ở chỗ cũ. Xin phép chị.

Không ai lưu khách lại. Và khi cửa cổng khép, căn nhà chàng trở thành tầng đầu của địa ngục.

○ ○ ○

Chỉ còn hai vợ chồng ở căn trước. Bích đã dẫn cháu đi mua thuốc lá, và theo lời mẹ dặn, cố ý nán nà đâu đó chờ chị dâu đi ra khỏi mới được trở về. Mẹ chàng lui ra sau bếp sau khi đặt trước mặt hai vợ chồng tờ đơn xin tạm trú viết sẵn và cây bút bi mở nắp. Cả hai hiểu ý nghĩa của hành động đơn giản ấy. Mẹ chàng muốn nói gọn: "Ký vào đây, rồi cút đi cho khuất mắt".

Ban đầu, chàng cũng mong ước như mẹ, nhưng khi thấy vợ chàng nhìn theo mẹ chồng nước mắt doanh tròng, chàng bùi ngùi thương hại. Chàng không nỡ. Chàng biết đằng sau tấm sáo in hình đôi vành khuyên rĩa lông cho nhau, mẹ chàng không bỏ sót một lời thì thào, một cử chỉ nhỏ nhặt nào của hai người. Nhưng chàng không thể tàn nhẫn. Hận thù lại tan dần, thay thế bằng lòng thương hại. Chàng đẩy tách nước về phía vợ, mời nho nhỏ bằng câu hỏi:

- Em có khát không?

Nàng ngược lên bờ ngõ, và khi nhận ra nét mặt dịu dàng của chàng, nàng vui mừng nói:

- Em không khát.

Nàng trầm thêm giọng:

- Em không dám oán trách ai cả. Em đáng kiếp. Anh hiểu cho em được chút nào, em cảm ơn anh chút ấy. Anh ghét bỏ, hay từ chối như lúc nãy, em cam chịu.

Nàng thút thít khóc. Chàng thấy khó xử, không biết phải làm gì. Nếu bình thường, chàng đã choàng tay ôm lấy vai nàng, áp cái đầu nhỏ tóc thơm mùi chanh vào ngực và tìm ngay một câu khôi hài. Bây giờ

thì... làm thế nào đây? Chàng đâm bực bội, giọng hỏi hơi xẵng:

- Nhưng tại sao các người lại giấu tôi cho tới phút chót? Làm như vậy có ích gì? Thà cho tôi biết ngay từ hai năm trước, để hôm về, trời không đổ sập lên đầu tôi. Làm như vậy là lừa dối tôi tới hai lần. Phải thương hại tôi một chút chứ!

- Em có định tâm dối anh đâu!

- Thế sao mỗi lần gửi đồ thăm nuôi đều có thư của cô?

- Em thương con quá. Xa con, em đứt cả ruột.

- Chuyện đó ăn nhập gì đến chuyện này? Nếu nghĩ đến con từ đầu, nếu thương con, cô đã... cô đã...

Chàng ghen lời, không dám nhắc đến điều đau lòng. Nàng cũng sợ, vội nói:

- Mẹ cấm em không được gặp con. Về sau, phải đi với cô Bích gửi quà ra cho anh, viết cho anh vài dòng, em mới được dẫn nó đi chơi sở thú vài giờ.

Chàng chua chát:

- Hoá ra những lời lẽ trong thư - tôi còn giữ đủ đem về đây - đều do mẹ tôi cưỡng ép cô viết cả. Tôi nghiệp tôi cả tin.

- Không phải thế. Em muốn viết cho anh nhiều hơn, muốn anh mắng chửi em, chà đạp em...

- Không dám.

Nàng khựng lại, nhìn chàng dò dẫm. Thấy khuôn mặt chàng không có gì khác thường, nàng tiếp:

- Em van anh, cho em được đến đây thăm con. Cho em...

Chàng cắt lời nàng:

- Chỉ sợ đến một lúc nó không chịu gặp cô nữa thôi!

Nàng lịm người vì sợ hãi bất chợt. Lần đầu tiên nàng nghĩ đến cảnh huống đau xót ấy. Tưởng nàng không tin vì quá tự tin, chàng nói dối:

- Vả lại, cần gì cô phải xin. Cô là chủ hộ. Cô muốn làm gì trong nhà này chẳng được.

Nàng mím môi lại. Không nói năng, nàng chụp lấy cây bút bi, ký vào phần ý kiến của chủ hộ. Cây bút bi để lâu ngày không ra mực, nàng phải di di đầu bút lên lòng bàn tay nhiều lần. Chữ ký của nàng run rẩy. Nét gạch bên dưới không được ngay, trông giống như một chữ ký giả mạo.

Chàng lấy giọng khách sáo:

- Nhờ cô mà tôi được tạm trú trong nhà mình. Cảm ơn cô.

Phần nàng, nàng trở lại van lơn:

- Em van anh, cho em được ở tạm đây với con đến sáng mai. Em ao ước được ôm con ngủ trọn một đêm. Em van anh!

Giọng nàng rạn đi, pha lẫn nước mắt. Chàng cảm động, nhưng vẫn cố cứng cỏi:

- Tại sao lại xin tôi? Xin một người tạm trú để được tạm trú? Có ai xin phép một khách qua đường để ngủ tạm trong cái quán trọ?

Nàng tưởng đó là lời từ chối khéo léo nhưng dứt khoát. Nàng khóc nức nở. Chàng đâm hối hận, muốn ôm lấy vai nàng, muốn nói điều gì đấy để an ủi. Nhưng cổ họng chàng nghẹn. Rút rè do dự mãi, đến lúc không thể dẫn được, chàng run run đưa lưng bàn tay lên gạt nước mắt trên má nàng. Ban đầu, hình như nàng chìm đắm trong nỗi thống khổ da diết, không hay biết gì. Về sau, nàng hiểu thiện chí của chàng. Nàng càng ghen ngào hơn, đưa hai bàn tay ôm bàn tay chàng, gượng nhẹ, như e sợ nắm phải một điều gì không thực.

Có tiếng tăng hắng đằng sau tấm sáo. Rồi tiếng trúc va vào nhau lách cách. Mẹ chàng ngo ngác nhìn hai người. Tấm sáo trúc bị rẽ đôi, đôi vành khuyên đang rĩa lông cho nhau xao động biến dạng không còn hình thù gì nữa...

Nguyễn Mộng Giác

Kuku Refugee CampIndonesia, 28-12-1981

# CHƯƠNG 11 - TÌM NƠI KHÔNG GIÓ

Hai người quen nhau quá dễ dàng! Họ hành nghề cùng một chỗ, lâu lâu chàng đem đồng bạc lẻ dính dầu nhem nhuốc đến mua vài điếu Đà Lạt; những lúc đó nàng ngại ngùng không nỡ đặt mấy điếu thuốc giấy trắng mủm mĩm lên bàn tay nhớp nhúa, còn chàng thì do dự, ái ngại vì tờ bạc giấy quá bẩn. Chàng lí nhí xin lỗi. Nàng đáp nhỏ "không sao". Thế thôi. Nàng cũng thường dắt chiếc xe đạp cũ hay xì lốp trật sên cho chàng sửa. Tiền nong sòng phẳng. Bán thuốc lá được, nàng trả tiền. Ế, trả bằng thuốc. Nàng xấu hổ vì chiếc xe quá bệnh hoạn của mình, nhìn chàng đỏ mồ hôi vá hết chỗ này đến chỗ khác, muốn nói gì đó để phân bua, nhưng không bao giờ nói được. Nàng chỉ đỏ mặt hỏi nhỏ nhỏ. "Bao nhiêu hờ anh?" rồi trả tiền. Đèo hộp kính đựng thuốc về nhà theo đường Điện-biên-phủ, nàng không thôi bồi hồi, buồn lan man. Một lần đánh liều quay lại, nàng thấy chàng dựa lưng vào cột đèn, hút thuốc nhìn theo. Mãi đến cuối tháng thứ ba từ ngày biết nhau, nàng mới dám nói thêm một câu khác thường. Chàng đến mua thuốc lá khi đang ho. Nàng nói:

- Hút thuốc nhiều không tốt đâu!

Chàng mỉm cười. Nàng nghĩ mãi về ý nghĩa nụ cười ấy. Ngỡ ngàng kinh dị vì sự thân mật không cần thiết? Chế giễu mai mỉa sự phi lý trong câu hỏi? Cô hàng thuốc lá khuyên khách không nên hút thuốc! Minh lỗi bịch và ngu ngốc dễ sợ! Không được nói những điều vô duyên như thế nghe chưa! Nàng thuộc lòng lời mình dặn nên mấy tháng sau không nói câu gì khác thường nữa, kể cả những lúc chính chàng gợi chuyện. Chiều chủ nhật, chàng đến mua thêm thuốc lẻ khi đang ngâm điếu 555 có đốt quần chỉ vàng. Lúc đưa tay nhận 4 điếu Hoa Mai, chàng nói:

- Cửa chú công an giao thông. Thường công và chiếc Honda bị nổ lốp.

Nàng không nói gì. Chiều thứ năm chàng nói bằng quơ:

- Trời lạnh, hút thuốc ấm hân lên!

Rồi ho sù sụ. Hình như chàng có vẻ chần chờ khi đã nhận đủ 4 điếu thuốc đen. Nàng cúi xuống vờ sửa dép, nhất định không ngừng lên hay đáp lại. Chàng trở về chỗ cột đèn, nàng thấy tiêng tiếc!

Đã thế tới về nàng còn gặp chuyện bực mình. Con Mi đi chợ còn dư hai đồng mua cho lũ em trai mười cái kẹo, Đã chia đều, mỗi đứa ba cái. Thằng Ết 5 tuổi nhỏ nhất được ưu tiên thêm cái nữa, nhưng có phận sự phải giữ phần cho anh Út lúc ấy đi học chưa về. Thằng bé ăn hết phần mình mới thấy phần của anh Út nhiều quá, ba viên, không được chẵn. Khi chỉ còn hai viên, nó lại thấy con số 2 không gọn... Nó mân mê viên kẹo độc nhất còn lại, oán trách người lớn bất công. Tại sao đúng lúc này - chuyện xảy ra trước bỏ không kể làm gì - tại sao ngay bây giờ, anh nó có đủ một viên kẹo, đặc biệt là loại kẹo cay the the này anh ấy ghét thậm tệ! Thằng anh đi học về thấy một phần tư viên kẹo bạc hà còn dính nước miếng bọc trong mảnh giấy ướt, dăm nghi, hỏi cho ra lẽ. Thằng Ết lãnh đủ hai cái tát tai tới tăm mặt mũi, và ba phần tư cái tát tai thứ ba. Không phải anh nó - thằng anh bủn xỉn xấu ăn - giỏi toán pháp. Cái tát tai thứ ba nhẹ hơn một phần tư chỉ vì đúng lúc đó, nàng về. Cảnh nhà giống như một ổ bò chao. Nàng cốc vào đầu thằng Ết một cái vì cái tội ham ăn, rồi cốc vào đầu thằng Út một cái vì không biết nhường nhịn. Hai đứa đều thấy mình oan uổng, khóc tí tê không dứt. Nàng bực quá, la con Mi phí tiền:

- Mày tưởng tao kiếm hai đồng bạc lẻ dễ lắm sao, con quỉ!

Con Mi khóc. Nàng cũng khóc. Càng khóc nàng càng tủi thân. Nhưng nước mắt cạn, ngân lệ bắt đầu khô trên đôi má xanh xao nham nháp bụi đường thì nàng bắt đầu hối hận. Nàng thấy tội nghiệp cho lũ em mồ côi. Nàng độc ác quá! Chỉ có năm chị em mà không biết thương yêu, đùm bọc lẫn nhau. Bất công nữa! Tội nhỏ ham ăn là chuyện thường. Còn thằng Út có tội tình gì! Hình như... hình như mình bực chuyện khác. Nàng xấu hổ. Tội hôm đó nàng mua bù cho thằng Út 3 viên kẹo, 2 viên còn lại cho thằng Ết. Lũ nhỏ trở mặt nhìn chị, không hiểu!

Sáng thứ sáu, nàng quyết tâm sửa chữa điều còn có thể sửa chữa được. Lạ lùng chưa! Nàng đỏ mặt thấy mình nôn nao chờ đợi tờ bạc lẻ lem luốc, dơ dáy. Chờ quá lâu, nàng tự trách mình thiếu lịch sự.

Buổi sáng nặng nề. Trưa ối ả. Chiều lê thê và lúc chợp tối, mây đen giăng giăng. Nán đợi đến lúc có đèn đường, nàng thất vọng ra về. Cái bánh sau lại xẹp. Nàng vừa chán vừa mừng. Dắt xe khắp khối đến chỗ cột đèn gần cổng trường Phan-Sào-Nam, nàng không thấy ai ở đó cả!

Chàng không sửa xe ở chỗ quen thuộc một tháng, một tháng mười bảy ngày... một tháng mười chín ngày... một tháng hai mươi sáu ngày... Ngày thứ hai mươi tám, trông thấy chàng, nàng buột miệng reo lên:

- Anh! Lâu nay anh đi đâu? Có phải...

Nàng lúng túng dừng ở lưng chừng. Nếu có thể độn thổ được như trong chuyện Phong Thần, nàng đã làm rồi. Nàng cảm thấy hai bàn tay thừa thãi, giấu ở đâu cũng thấy thừa. Chàng thì cũng lúng túng cố giấu cuốn sách dày vào phía dưới thùng đạn tiêu liên M2 chàng dùng đựng đồ nghề. Sau một lúc ngỡ ngàng, chàng đáp:

- Tôi vừa bị bệnh. Cô vẫn khỏe?

Nàng cúi mặt đáp nhỏ:

- Cám ơn anh. Vẫn vậy.

Họ lấy lại bình tĩnh. Nhưng việc đối đáp vẫn dùng dằng:

- Cô bán khá chứ?

- Dạ.

- Hình như từ lúc có đoàn cải lương về rạp Long Vân, bán có khá hơn?

- Dạ.

- Thuốc lá quốc doanh cũng hạ chút đỉnh, phải thế không?

- Dạ.

Chàng tưởng nàng đáp ngắc ngứ vì không muốn bắt chuyện. Nhưng ngừng lên nhìn, chàng thấy khuôn mặt nàng đỏ hồng, đôi mắt sáng hơi ươn ướt. Vững tâm hơn, chàng đùa:

- Như vậy tôi được hồng ân của nhà nước rồi. Cô cũng phải thêm cho tôi chứ!

- Dạ. Nay bán một đồng năm điều.

Rồi chính nàng cũng đâm bạo. Nàng dám nhìn thẳng vào mắt chàng, hỏi lại:

- Hình như từ lúc vỏ ruột xe đạp quốc doanh ra nhiều, anh cũng đắt hàng thì phải?

Chàng phì cười, bắt chước giọng Huế nhại nàng:

- Dạ.

Nàng thích thú, hỏi thêm:

- Như vậy tôi cũng phải được chia hồng ân của Nhà nước. Anh phải hạ giá vá xe cho tôi chứ!

- Dạ. Vá một tặng một.

- Tặng cái gì ạ?

- Tôi bắt chước các cậu vá xe không thuộc chính phái, vá xong một chỗ, liền lấy đinh đâm thêm một chỗ nữa.

Từ đó về sau, mỗi lần mua thuốc lá lẻ hay vá xe, họ nói chuyện thân mật tự nhiên hơn, tuy người nào cũng lo ngại, hồi hộp. Nàng sợ bị ăn cắp thuốc. Chàng lo các bạn đồng nghiệp "mượn" mất hộp đồ nghề. Cuộc đối thoại ngắc ngứ lơ lửng, nhưng vì một lý do hoàn toàn khác.

○ ○ ○

Chàng đến mua thuốc lá lẻ lần thứ năm trong một ngày, và cẩn thận chia đều mỗi lần một đồng chứ không mua nguyên bao cho tiện. Trở lên tấm pan-nô quảng cáo tường "Trần Minh khó chuối", chàng hỏi:

- Cô có thích cải lương không?

Nàng cười lắc đầu. Chàng hỏi tiếp:

- Chắc thích phim hơn?

- Dạ.

Nàng lo, ái ngại chờ đón một lời mời. Nhưng không. Chàng lại hỏi:

- Kể cả phim "cách mạng" chứ?

Nàng do dự, đáp hàng hai:

- Mấy năm nay, em ít thì giờ rảnh rỗi. Ở đây về, tối mịt. Buổi tối mệt quá, thường lười.

- Cô thấy phim "cách mạng" thế nào?

- Em xem ít quá, không dám có ý kiến. Dạ, có ạ. Samit hai đồng rưỡi một điều. Nguyên gói 45 đồng. Xin gửi ông năm đồng tiền thôi. Gớm, họ dám đốt ra khói nguyên một tháng lương. Phim mới, em không rảnh. Nghe mấy đứa em nói lâu lâu cũng có phim hay. Em thì chỉ xem được có hai phim, nhờ khỏi mất tiền.

Chàng tò mò hỏi:

- Cô xem phim gì thế? Ấy chết, tôi quên chưa cắt hộp keo dán vào thùng. Xin lỗi cô nhé!

Phải chờ hai giờ sau, lúc chàng mua thuốc lá lần thứ sáu, nàng mới có dịp đáp câu chàng hỏi buổi trưa:

- Em được xem hai phim Việt Nam. Cô giáo Hạnh và Cô giáo vùng cao.

- Sao cô khéo chọn thế? Toàn phim nhà giáo!

- Công đoàn ở phòng giáo dục thuê bao để chiếu cho giáo viên toàn quận xem. Không đi không được.

Chàng ngờ ngợ, hỏi:

- Cô là giáo viên à?

- Dạ.

- Nhưng... nhưng cô bán ở đây từ sáng đến chiều...

- Em xin nghỉ rồi!

- Sao lại thế?

- Anh tính, với số lương 45 đồng...

Nàng kịp dừng lại, vì nhớ không nên kể lể gia cảnh cho một người chưa thân lắm. Chàng tế nhị không hỏi thêm, chỉ gật gù bảo:

- Thảo nào. Từ lâu tôi thấy cô hơi khác thường.

Nàng hỏi theo cách riêng, đầu hơi nghiêng và đôi mắt chớp:

- Dã?

- Cô không có vẻ "nhà nghề".

- Nhà nghề phải thế nào ạ?

- Thường thường các cô bán thuốc lá trước rạp cải lương phải kiêm thêm nghề bán vé cải lương chợ đen. Bán thuốc lá chỉ là nghề tay trái. Cũng như những bà bán thuốc lá gần trạm kiểm soát giao thông, trạm thuế, thường kiêm thêm việc trung gian nhận hối lộ.

Nàng tò mò hỏi:

Thật thế sao? Họ nhận hối lộ bằng cách nào?

- Tài xế vào trình giấy, các quan ra giá theo cách nói lóng. "Lần đầu tiên anh chạy đường này hả? có nghĩa là "tiền đầu?" "

Nàng ngó ra không hiểu. Chàng cười, nhận xét:

- Cô đúng là kẻ "không chuyên". "Đầu tiên" là "tiền đầu", chỉ việc nói ngược thôi!

- Thế giá hối lộ?

- "Sao bác không nhìn thẳng, sợ gì mà nhìn nghiêng?" tức là đòi 50 đồng. Giấy bạc 50 đồng có hình bác Hồ nhìn thẳng, khác tờ 20 đồng in hình Bác trông nghiêng. "Độ này chị xanh xao lắm, bị sốt rét hả?" trước là đòi đủ 100 đồng. Giấy 100 mới phát hành, cô biết đấy, có hình Bác màu vàng. Ngã giá xong, các quan hỏi thuốc lá. Tài xế có nguyên bao 555 hoặc Dunhill trong túi cũng không nên rút ra mời. Sành điệu, anh ta phải chạy đến sạp bán thuốc lá lẻ gần đó nộp tiền, và chỉ cần mang về một hai điều thuốc lẻ. Tôi khuyên cô nên chuyển chỗ hành nghề ra cầu Văn Thánh trên xa lộ.

Nàng xịu mặt, lắc đầu:

- Chịu thôi. Em không làm được. Mới nghĩ, em đã thấy xấu hổ rồi.

- Thế sao cô bỏ dạy?

Nàng nhìn chàng, do dự một lúc, rồi mới đáp chậm:

- Đi dạy, em cũng xấu hổ!

Biết chàng thấy nghịch lý, nàng tiếp luôn:

- Năm năm trước, năm nào em cũng xin dạy lớp Ba. Lớp Một chúng nó còn ngớ quá, nói khan cả cổ mới hiểu. Lớp Bốn lớp Năm chúng đã bắt đầu ranh rồi. Em mê nhất những đôi mắt trong sáng của tuổi lớp Ba. Đúng là mắt nai, y như tranh vẽ các bìa báo Tuổi Ngọc trước đây. Ông ánh "long lanh như những giọt sương", như trong lời bài hát "Cô nuôi dạy trẻ... "

Nàng cười nhỏ, ngượng ngịu, rồi tiếp:

- Em tả vụng, nên chỉ biết lấy lời ca và hình ra so sánh thôi. Năm năm đầu sau ngày "giải phóng", em giảng bài say sưa. Chúng nó cũng nghe say sưa. Lâu lâu chợt nhìn xuống lớp, hưởng ánh mắt tin cậy, khâm phục, âu yếm của chúng, em say say như vừa hớp chút rượu nếp. Nhưng càng lâu về sau, em càng sợ nhìn thẳng vào mắt chúng. Đứa thì ngơ ngác. Đứa thì giễu cợt. Chúng nhìn, như đang bắt quả tang người chúng kính trọng đang nói dối.

Nàng nói xong, lại hối hận đã tâm sự quá nhiều. Nhất là khi thấy chàng bần thần, im lặng thật lâu. Tưởng những điều vừa nói làm phật ý chàng, nàng vội thêm:

- Có lẽ em quá bận về cơm áo quá nên tưởng tượng rắc rối thế thôi. Hình như...

Chàng vội bảo:

- Không đâu. Cô nói giùm tôi nhiều điều. Và nói khéo lắm. Chàng muốn cảm ơn phút tâm sự chân thành của cô giáo, định thổ lộ cái "nghịch" trước đây của chàng. Chàng không có thì giờ làm việc ấy. Người ta gọi chàng về sửa xe.

° ° °...Nàng dẫn chiếc xe đạp đến nhờ chàng siết lại mấy chiếc ốc vè. Chàng làm một chút là xong. Trời thật đẹp. Đường Điện-biên-phủ trước giờ tan sở thật vắng. Phố xá hai bên đường vẫn kín cửa. Bầu trời quang đãng nhưng không có nắng. Lần đầu tiên chàng thấy nàng mặc chiếc áo sơ mi hồng nhạt có viền màu hoàng yến ở cổ và túi áo. Hình như nàng có tô mắt, vì ánh nhìn nồng nàn. Chàng vội thu dọn đồ nghề, lấy bao đề nghị đưa nàng về một đoạn. Sợ nàng từ chối, chàng thêm:

- Tôi có việc phải về về Nguyễn Thiện Thuật. Đưa cô được một đoạn thôi. Không đi xa lắm đâu!

Gần như bầu trời màu bạc đã hạ thấp xuống để ôm ấp họ. Người hai bên phố núp hết sau khe cửa âu yếm theo dõi họ, cho họ bớt ngượng ngùng. Đường Điện-biên-phủ được dành riêng cho họ. Đôi Độc-lập. Đôi Hin-lam. Họ thắng De Castrie bằng những lời thì thào, trao đổi e ấp giữa nỗi xúc động miên man, ngút ngàn. Họ vẫn hỏi đáp nhau nhát gừng.

- Hồi trước cô có thích đọc Tuổi Ngọc không?

- Có, nhưng không thích lắm. Ông Duyên Anh hiện giờ ở đâu hở anh?

- Ở đây. Vừa ở tù về! Cô thích truyện Duyên Anh?

- Không thích lắm. Em thích điệu dí dỏm, nhẹ nhàng và lạnh, kiểu Hoàng Ngọc Tuấn hơn. Ông ấy còn ở đây không?

- Vẫn lang thang ở đây.

Nàng bắt đầu kinh ngạc. Những điều nàng hồ nghi lâu nay có thể đúng? Nàng hỏi thêm:

- Em cũng thích một tác giả lớp trước có lối viết thật đôn hậu. Ông gì viết cái truyện ngắn "Chiếc chiếu hoa cạp điều?"

- Doãn Quốc Sỹ. Được phóng thích trước Duyên Anh một năm.

- Nguyên Đình Toàn viết cuốn "Giờ ra chơi"?

- Về một lượt với Doãn Quốc Sỹ.

- Dương Nghiễm Mậu?

- Được thả một lượt với Nhã Ca.

- Còn Thanh Tâm Truyền? Truyện cuối em đọc trước "giải phóng" là Một Chủ Nhật khác. Em không thích lắm. Cứ lằng đằng điu hiu thế nào ấy. Ông ta được về chưa?

- Chưa. Còn ở ngoài Vĩnh Phú.
- Không biết họ còn viết được không?
- Chẳng hiểu. Chắc họ vẫn viết chứ. Không viết được ra văn thì ghi chép. Ghi chép trên giấy không được thì cố ghi vào óc.

Nàng đột ngột dừng lại, nhìn thẳng vào mắt chàng:

- Còn anh? Đến lúc nào những điều anh thấy, những điều anh nghe, các ghi chép của chính cuộc đời anh trở thành truyện ngắn truyện dài?

Chàng chột dạ. Anh nhìn của nàng lúc ấy thật âu yếm, thật say sưa, thật tin cậy, y như ánh nhìn lũ học trò lớp Ba của nàng trước kia. Chàng biết trả lời sao đây?

Chàng đành phải đáp lơ lửng.

- Tôi bắt chước cô. Tôi cả thẹn, hay xấu hổ. Trước mắt, lo sống cái đã. "Sống cho hết cuộc đời đâu phải là trò trẻ dại. " Một lần Pasternak đã viết như vậy. Cô đã thấy rồi, được sống lương thiện, chao ơi, khó biết mấy!

Những điều "trầm trọng" họ vừa nói với nhau khiến họ ngọt thờ. Gần như muốn nói được những câu như vậy, họ phải rướn người lên, rút chân khỏi những hệ lụy tũn mủn, như chuyện cơm áo bon chen và thói mách mung giả dối. Họ ngộp thờ vì những ước muốn tâm thường đã trở thành xa xỉ, hơn thế nữa, trở thành lỗi thời. Họ quá cả thẹn, nên dù không muốn, họ cũng bị cuộc sống đẩy giạt sang lề. Một người dắt xe đạp, phía sau đeo thêm hộp thuốc lá lẻ. Một người xách thùng đồ nghề. Chiều nay họ giành lại được lòng đường. Họ như Adam và Eve vừa bị đuổi khỏi vườn Địa đàng sau khi ăn trái cấm, nhưng cái tính cả thẹn đối với họ không phải là dấm chua. Nó đã trở thành rượu ngọt. Họ khỏi cần phải nói gì nữa. Một cô bán thuốc lá lẻ đi kè bên anh chàng sửa xe đạp. Họ hành nghề trái phép trên lề đường, nhưng phố xá, cây cối, mặt đất, bầu trời, từ đóm đèn leo lét ở góc nhà bị cúp điện cho đến những vì sao xa, bây giờ đâu đâu cũng thuộc về họ. Của họ.

Hết sức hân hoan tự tin, chàng đưa tay vào túi quần. Bàn tay dính đầy dầu nhớt của chàng chạm vào bì lá thư viết sẵn. Đêm hôm trước, viết xong lá thư khó viết, chàng vui mừng rằng sau mấy năm chìm nổi, chàng còn viết đúng và gọn được một điều có thực. "Tác phẩm" của chàng là lá thư tình gửi người con gái chàng chưa biết tên, biết chỗ ở, biết gia cảnh. Mấy ngón tay chàng nắm chặt một góc lá thư. Chỉ cần một chút can đảm cuối cùng, chàng sẽ hoàn thành dự tính. Đúng lúc đó, chàng nhớ đến hoàn cảnh mình: không nhà cửa, không nghề nghiệp chắc chắn, sống qua ngày nhờ sự hư hao rã rời của mớ đồ cũ. Chàng sợ hãi chính sự tảo tợn liều lĩnh của mình.

Lá thư nằm yên trong túi chàng khi họ đến chỗ rẽ sang đường Nguyễn Thiện Thuật.

○ ○ ○

Sáng hôm sau, nàng không chở hộp thuốc lá lẻ đến bán trước rạp Long Vân nữa. Nàng đã tìm được một chỗ "yên tĩnh" hơn, một chỗ không có gió. Chàng cũng dời chỗ hành nghề đến cạnh trường Lê Hồng Phong. Hai con đường về nhà của họ ngược chiều. Ý của họ muốn vậy. Nhưng những người chuyên buôn vé cải lương chợ đen trước rạp hát thường thấy khoảng chợ tối, người nọ thờ thân lảng vảng đi tìm người kia, và khi vừa thoáng thấy nhau từ xa, họ đã vội quay đi. Trước sau họ vẫn là những người cả thẹn, thao thức đi tìm một nơi không gió!

Nguyễn Mộng Giác

Đảo Kuku 18.12.81

# CHƯƠNG 12 - TRAI TIM BÈN PHẢI

Đến trại tị nạn Galang “chàng” mới bị một vết thương đầu tiên! Xin nói rõ ngay cho bạn đọc đỡ sốt ruột, đây là vết thương lòng. Của riêng “chàng”! Vì nàng kiều nữ tác giả của vết thương tội nghiệp ấy, cho đến bây giờ, vẫn vô tình chưa biết mình đã lơ đãng làm người gieo gió.

Phải thông cảm cho người đẹp. Họ quá đẹp cho nên do lòng bác ái, họ cũng muốn những người tình trong mộng, những “hoàng tử của lòng em” cũng phải đẹp như họ. Người thích phửi bụi trên những pho cổ văn thì lấy mẫu Kim Trọng:

Trông chừng thấy một văn nhân  
Lông buông tay khâu bước lẫm dậm băng

Đề huề lưng túi gió trăng  
Sau lưng theo một vài thằng con con

Tuyết in sắc ngựa câu dòn  
Cỏ pha màu áo nhuộm non da trời.

Mặc áo xanh cỏ non, cưỡi con ngựa trắng, lưng đeo túi thơ, chao ơi, “chàng” tình biết mấy!

Người khoái phim quyền cước đấm đá tôi bởi thì thích cái mẫu đại khái như TỬ HẢI:

Râu hùm hàm én mày ngài

Vai năm tấc rộng thân mười thước cao.

Râu nhiều chỉ tô tôn tiền mua lưỡi dao lam, lại nhột! Nhưng được cái hùng, và oai. Đi với “chàng”, được nép tấm thân bồ liễu dưới tấm thân Tarzan của chàng, trước đôi mắt sợ hãi kính phục của mọi người, yên tâm biết mấy! Khổ nỗi người con trai phải nhận vết thương lòng đầu tiên ở đây, không có cái hào hoa phong nhã của Kim Trọng, không có cái hào hùng đội trời đạp đất của Tử Hải. Đã thế, người con trai ấy lại không có cái tên đẹp. Anh ta tên... tên Ao! Vâng, tên Ao! Em của một lô anh chị có những cái tên nôm na như: Ruộng, Rẫy, Cào, Cuốc, Mương, Đìa, và anh của một cô em gái 14 tuổi có cái tên hơi có vẻ tân thời là Đằm. Cha mẹ anh vốn dân miệt vườn ưa ăn chắc nói thật, đặt tên con cũng cụ thể, nên anh không được người đẹp trên đời lim dim đôi mắt và thi hào gọi “chàng”. Họ chỉ gọi Ao cộc lốc.

- Hôm qua ngủ không được, mệt ời là mệt! Ao ời, tưới giùm đám rau muống chút coi! Thế là Ao hí hục xách nước tưới cả đám rau muống, sau đó biểu diễn thiện chí bằng cách tưới luôn cả mấy đám khoai sắp dỡ củ. Mồ hôi ướt đầm lưng áo, nhưng Ao không thấy mệt! Cô láng giềng thú nhận đêm qua thao thức, có lý lắm!

- Chèng đéc ời! Ra tới đây trời nắng mới biết mình quên nón. Ao ời! Chạy về lấy giùm cái nón coi! Chỗ giàn bếp, cái nón có quai màu xanh lá cây đó.

Lại quên! Cô láng giềng có cái răng cời thật xinh này ăn nói xởi lởi ruột ngựa, hay quên là phải. Nhưng tại sao cả nhóm con trai đứng chờ ở bên phà, cô ta không nhờ ai, lại nhờ mình? Câu hỏi ấy giúp Ao chạy từ bến sông về cái xóm heo hút khu kinh tế mới ven rừng mà không biết mệt. Vòng về, Ao càng không thấy mệt, nhờ mùi mồ hôi thơm thơm, nồng nồng, chua chua phảng phất ở chiếc quai nón cũ đã chuyển từ màu xanh lá cây sang màu vàng úa.

Tuy những công phu phục vụ người đẹp ấy chỉ là công dã tràng không đi đến đâu, nhưng Ao không hề hối hận. Ao nhận thấy nhiều lần bé-cáilàm, nhưng niềm tin vào cuộc đời của anh vẫn lớn.

Chẳng hạn cô bé trần trở suốt đêm không ngủ đến nỗi phải nhờ Ao tưới rau hộ, không phải vì bận thì thầm gọi tên người yêu trong gió khuya, mà vì ăn khoai mì bị say. Còn cô bé răng cời sau khi nhận chiếc nón bỏ quên do Ao mang tới, chẳng những không thêm cảm ơn anh mà còn lấy nón quạt mát một anh chàng tuy đẹp trai nhưng theo nhận xét chủ quan của Ao, thuộc loại “chẳng ra gì”! Thua Ao về tư cách, về sức lao động, về tính cần cù, về sự chung thủy, vân vân và vân vân, nói chung là thua Ao xa lơ xa lắc.

Dù vậy, Ao không “phục vụ” những cô láng giềng được lâu. Gia đình họ dặt dứu đến khu kinh tế mới xơ xác này chẳng bao lâu, rồi do không sống nổi, lại dặt dứu nhau đi. Chính tay Ao đào huyết chôn thẳng em út “cô bé thao thức”, vì đói quá, thẳng bé ăn phải nấm độc. Còn cô bé răng cời bị sốt rét rừng thì càng ngày càng xanh xao, mặt choate lại như trái cau khô. Lao lực, thiếu thốn quá, cô bớt cười như lúc mới đến. Ngày ra đi, đôi môi cô mím lại, che mất chiếc răng cời từng làm lòng Ao rộn rã.

Họ lần lượt bỏ đi, để lại trong lòng Ao cảm giác xót xa, hối tiếc, tê dại, nhưng có lẽ chưa đủ để gọi là một vết thương. Quá lắm cũng chỉ là dư vị cay cay giống như sau khi ăn kẹo bạc hà, đầu lưỡi tê tê và có vị đắng ở cuống lưỡi mà thôi! Những buổi chiều tà, khi ông mặt trời đỏ ối bệnh hoạn sắp lặn vào đám rừng phía Tây, Ao búi ngùi nhìn lại hai căn lều dột nát, mắt cay cay. Anh tự thấy lòng mình rắc rối. Nhưng do đâu? Lẽ dĩ nhiên là do các cô láng giềng, hay xác định rõ hơn, do đôi mắt buồn pha chút ngây say và do chiếc răng cời ngồ ngồ. Nhưng đôi mắt ấy, chiếc răng ấy đã tác động đến phần nào trong thân thể Ao, để anh khổ sở? Anh thường nghe nói trái tim là chỗ phát xuất của những loại tình cảm mông lung khó hiểu. Và trái tím nằm trong lồng ngực trái, sách cách trí bậc tiểu học dạy thế. Anh cố gắng dồn hết tâm trí nhớ lại chiếc răng cời, lòng xúc động dữ dội, nhưng lắng nghe hoạt động của trái tim, Ao chẳng thấy nó có phản ứng gì thất thường. Vẫn đập đều, và đập khỏe. Cho nên anh không tin hàm răng trắng có chiếc răng cời đã âu yếm cắn nhẹ vào chính trái tim anh, như bà mẹ đã cắn nhẹ vào vành tai của con và cọt nhả gọi: “Cung ơi!”. Hai cô láng giềng ra đi khoảng nửa tháng, thì một gia đình khác đến. Một gia đình đông đúc, quần áo người nào cũng rách rưới xộc xệch, nói thứ tiếng lạ tai mà về sau, Ao biết là tiếng Huế. Anh lại có thêm một cô láng giềng ít nói và ngay từ đầu, đã tỏ ra thiếu thân thiện với anh. Chẳng hạn sau khi hăng hái leo lên nóc lều ngã nghiêng sửa lại mái cho gia đình người đẹp, Ao lấy bạo hỏi:

- Em ở đâu tới vậy?

Cô láng giềng chỉ đáp:

- Khuê Ngọc Điền.

- Khuê Ngọc Điền là đâu?

- Gần Ban Mê Thuật.

- Em người Ban Mê Thuật à?

- Không, Huế.

- Huế ở đâu?

- Hỏi chi kỷ rứa!

Nói xong, cô gái nhú mày khó chịu. Ao ngập ngừng hồi lâu mới dám hỏi tiếp:

- Tôi thấy gia đình em nói nhiều tiếng lạ lắm. Cái gì mà “mô tê răng rứa” tùm lum. Cô láng giềng cắn môi, mặt đanh lại:

- Can chi mô nà!

Nói xong, cô quày quã vào nhà. Ao chùn bước, không dám gởi chuyện nữa. Lòng tự ái của anh bị thương nặng. Từ đó về sau, Ao chỉ dám theo dõi cuộc sống cô láng giềng người Huế từ xa, và góp nhặt nay một ít mai một ít để đoán ra gia thế của một gia đình sa sút. Ao thắc mắc chẳng hiểu vì sao đám true nheo nhóc ấy thiếu cha, nhưng nhớ câu nói khó hiểu đầy bực dọc “can chi mô nà” ôm trước, anh không muốn hỏi ai. Những chi tiết rải rác, thấp thoáng do anh thu góp được cũng khá nhiều, nhưng càng nhiều càng rối. Anh chỉ biết lơ mơ họ không phải gốc dân ruộng, và ai cũng tỏ ra bực bội khi bị hỏi đến lai lịch. Đứa bé nhỏ tuổi mới lên sáu cũng biết hỏi ngược lại: “hỏi chi kỷ rứa” mỗi lần có ai hỏi bố ở đâu. Sự tò mò rồi cũng mòn theo thời gian. Ao hết thắc mắc về gia đình người đẹp, để lại bắt đầu bằng khuâng về những câu hát ru em giọng Huế. Điệu hát gì mà buồn thê thiết, rầu đến thúi ruột! Ao thích nhất bốn câu ru em của cô bé láng giềng:

Bước xuống ruộng sâu em mắng sâu tắc dạ.

Tay ôm bó mạ nước mắt hai hàng.

Ai làm cho trể chuyến dò ngang.

Cho sông cạn nước đôi đàng biệt ly.

Cho sông cạn nước đôi đàng biệt ly. “Trễ chuyến dò ngang” Ao nhớ ngay đến hôm chạy học xi dầu về nhà lấy nón cho người đẹp răng cời, lòng xót xa. Rồi câu hỏi cũ lại về. Chiếc răng cời ấy đã cắn nhẹ vào đầu, để vết răng vô hình quây nhiều anh suốt bao năm tháng? Anh thầm đọc lại nhiều lần lời ru em, càng đọc càng thấy câu hát có nhiều điểm lạ. Ao lấy bạo lân la qua nhà láng giềng, ngập ngừng mãi mới hỏi được mấy câu:

- Em hát ru em hay quá. Lạ nữa!

- Răng rứa?

- Thì tại vậy!

- Vậy là răng?

Lại “răng”! Ao thấy chập chờn trước mắt hình ảnh chiếc răng cời, nên đủ can đảm nói một mạch:

- Là vì “sông đã cạn nước” lại có “dò ngang”. Ý tứ câu trên nghịch với câu dưới, đâu có chính!

Cô láng giềng gật gù mỉm cười, bỏ hãnh thái độ cảnh giác gia truyền. Cô nhìn Ao thật lâu, hình như cô đoán xem anh hỏi thật hay hỏi đùa. Gương mặt Ao lúc đó có vẻ hoàn toàn chân thành, nên cô bé nói:

- Họ nói bóng gió, chứ làm chi có sông có dò.

Ao ngơ ngác:

- Thật à?

Cô gái cười lớn:

- Răng lại không thật. “Trễ chuyến dò ngang” nghĩa là cuộc tình duyên trắc trở. Còn “sông cạn nước” ý nói lòng người bị phụ bạc xót xa cô quạnh như con sông cạn nước đó tề!

Ao vỡ lẽ lắm bầm:

- À ra thế! À ra thế! Nhưng... nhưng “mảng sâu tắc dạ” nghĩa là gì?

- Có chi mô mà không hiểu! O nó bị tình phụ nên sâu cả dạ, vừa đi cấy vừa khóc.

Ao chạnh nghĩ đến mình, vội hỏi:

- Nhưng dạ là cái gì?

Cô láng giềng thấy câu hỏi ngộ nghĩnh, cười phá lên. Cô nài đùa:

- Dạ là cái dạ dày, cái bao tử.

Ao không tin chút nào. Có lẽ nét mặt anh lúc đó trông ngổ lăm, nên cô gái cười to hơn, cười không thôi. Đột nhiên, cô ta nín cười và hỏi:

- Anh Ao có biết đọc không?

Ao đỏ mặt vì bị xem thường, nuốt giận đáp gọn:

- Biết chứ!

- Rứa thì tui cho anh mượn cuốn truyện ni, đọc xong sẽ biết dạ ở chỗ mô liền! Cuốn truyện đã cũ, in trên giấy trắng thật tốt, có cái nhan đề Kho tàng trong động ma, phía dưới nhan đề có một hàng chữ lạ trong hai cái ngoặc đơn The adventures of Tom Sawyer. Một cuốn truyện dịch. Ao không dám hỏi gì thêm, sợ lòi cái dốt của mình, nên vội mang cuốn truyện về nhà. Cuốn truyện hay thật. Cậu bé rần mất tên Tom trong truyện làm đủ mọi chuyện ngộ nghĩnh tức cười, nhưng Ao chú ý đến chi tiết này: Tom bắt chước người lớn, yêu một cô bé hàng xóm tên Becky. Một hôm cô bé quăng quà rào tặng Tom một đóa hoa. Tom xem đó là một cách tỏ tình, và bắt chước người lớn, cậu đặt đóa hoa đó vào chỗ trái tim mình. Nhưng vì không học kỹ bài cách trí, nên Tom đã vạch áo ra, và đặt đóa hoa đúng vào lỗ rún.

Ao đọc đi đọc lại đoạn đó nhiều lần, ngẩn ngơ không hiểu tác giả người Mỹ chuyên viết truyện khôi hài nói đùa hay nói thật. Chỗ nhạy cảm của tình yêu là chỗ lỗ rún? Có lẽ lắm! Chẳng thế tại sao câu hát ru em có chữ “dạ”. Từ lỗ rún vào đến dạ dày chỉ cách một lớp da mỏng manh, trong khi từ đó lên trái tim xa lơ xa lắc. Chẳng thế tại sao khi nghe một câu hát cải lương mùi thật mùi, hoặc khi xem một phim dã sử Ai cập có màn múa bụng, cái rún của Ao cảm thấy tê tê, y như lúc nhớ đến cái răng cời.

Chỗ nhạy cảm non nớt thường hay đau yếu, do đó mới cần phải xúc dầu Nhị Thiên Đường.

Ao giữ riêng ý tưởng ấy cho đến lúc vượt biển!

Gia đình anh trì chí kiên nhẫn biết bao nhiêu, thế mà cuối cùng chịu đựng hết nổi, phải bỏ khu kinh tế mới dắt díu nhau lên sống lầy lắt ở Sài Gòn. Gia đình người Huế đã bỏ đi trước đó một tuần, sau khi ông già ốm yếu mặc bộ đồ nhà binh rách vai và đầu gối, ôm chiếc bao cát cũng rách, một hôm tìm đến khu kinh tế mới. Ông ta vào nhà Ao trước, rụt rè hỏi thăm tên bà mẹ Huế. Ao thấy nét mặt ông quen quen, ngờ ngợ như đã gặp đâu đó. Khi người lạ qua nhà bên cạnh, Ao nghe có nhiều tiếng reo mừng rồi lại có tiếng khóc. Người cha vắng mặt đã về! Từ một trại cải tạo ở miền trung du Bắc Việt. Một tuần sau, Ao lại bùi ngùi chia tay với cô bạn láng giềng. Anh đem trả cô cuốn sách nhưng cô gái Huế nói:

- Thôi, Ao giữ làm kỷ niệm.

Rồi nhớ ra điều thú vị, cô bật cười hỏi thêm:

- Răng, đã biết trái tim nằm ở mô chưa!

Ao xúc động không nói được gì, chỉ thấy tê tê ở lỗ rún. Rún anh cũng tê tê y như vậy khi phải bỏ khu vườn xơ xác để về Sài Gòn, rồi phải dọn ra khỏi nhà ông chú ở Tân Định để sống lầy lắt trên đường Trần Hoàng Quân, cạnh một đồng rác lớn là kế sinh nhai của gia đình. Và rún anh càng tê dại, ruột anh càng quặn thắt khi nghe mẹ bảo:

- Chú thím ấy sắp đi. Có lẽ họ hối hận vì ăn ở không phải với mình, nên có hỏi mẹ muốn cho đứa nào theo không. Thằng Đĩa thì dốt. Con Đầm con gái nhứt nhát. Chỉ có con là sáng láng. Chịu khó theo chú thím con cho đỡ cực thân, con ơi! Ao vội chống chế:

- Nhưng đồng rác này nhiều giấy vụn và bao ni lông, bỏ đi uổng quá!

Mẹ anh chặm nước mắt, giọng nghẹn lại:

- Con biết chút ít chữ nghĩa, chẳng lẽ suốt đời sống nhờ mớ rác hôi. Vả lại...

Mẹ anh chỉ nói đến đó. Vả lại thế nào. Ao không đoán được. Chỉ hiểu đại khái, dưới đôi mắt mẹ, Ao là một con chim công giữa đám gà què, là nguồn hy vọng le lói duy nhất của gia đình, là ao nước trong tưới mát bao nhiêu đám ruộng đang nứt nẻ cần cỗi. Anh thầm hãnh diện, nhìn mẹ biết ơn, và ra đi.

Nỗi bịn rịn luyến tiếc khiến Ao cứ ngây ngây như người say. Từ khi bước chân ra đi cho tới lúc xuống bãi lên ghe, gần như khắp thân thể anh, chỗ nào cũng đều nhạy cảm. Không còn là độc quyền của lỗ rún nữa. Và vì cảm giác bị kích động đến cao độ, nên anh không thể phân biệt mình đang vui hay đang buồn, đang nao nức hay đang hoang mang, đang nơm nớp sợ hãi hay đang hồi hộp phiêu lưu. Chỗ nào cũng sắp bùng vỡ vì cảm giác căng đầy: đầu óc quay cuồng, hai thái dương căng thẳng, mắt cay, mũi nóng, tim đập mạnh, bao tử xót xa, lỗ rún tê dại. Anh không thể ý thức mình đang làm gì, nghĩ gì. Trước mắt anh, biển mông lung nhấp nhô. Trong tai anh, thấp thoáng tiếng sóng dữ gào thét. Trên đầu anh, đêm mênh mông. Anh chỉ bắt đầu hiểu rõ mình khi cảm thấy ngọt ngào khó thở trong hàm ghe tối đen. Theo thói quen, anh đưa hai tay lên vờn vai để mở rộng buồng phổi, và chính lúc đó, Ao mới biết rõ cảnh chen chúc chật cứng trong hàm ghe. Anh đang ngồi thu vai thu gối giữa hàng hà sa số người khác và mùi mồ hôi bắt đầu nồng nặc đến ngộp thở. Cử động dợm đưa tay lên đánh thức cảm giác những kẻ đồng thuyền nên sau đó, Ao nghe có nhiều lời phản đối giận dữ. Một giọng phản đối nhỏ và yếu giúp Ao biết thêm ngay bên phải anh lại có một “cô láng giềng”!

Tự nhiên Ao thấy bứt ngộp. Anh nhắm mắt lại, rồi hé mắt từ từ cho quen dần với bóng tối. Anh bắt đầu phân biệt những hình thù, rồi phân biệt được đàn bà, đàn ông. Ghe ra khỏi vùng nguy hiểm thì người thợ máy mò mẫm câu dây thắp sáng một bóng đèn nhỏ trong buồng máy để kiểm soát máy móc. Ánh điện màu hoàng đờm lọt qua khe ván ngăn, chiếu vào hàm ghe. Ao liếc nhìn cô láng giềng. Lỗ rún anh lại tê tê. Cô gái ngồi bên đẹp quá. Lại sang nữa!

Vẻ đẹp vẻ xấu của người đàn bà, thì Ao đã phân biệt được từ thuở còn bé tí teo. Còn tiêu chuẩn để xác định vẻ sang trọng quý phái thì anh vỡ lẽ học được qua mấy tháng sống ở Sài Gòn hoa lệ. Đại khái anh nghĩ: người phụ nữ lao động ăn mặc cần sự bền bỉ chắc chắn, một cái áo phải chịu đựng nổi năm sáu mùa nắng mưa, còn người phụ nữ sang trọng ăn mặc chỉ cần cho đẹp mà thôi. Người đẹp ngồi khít bên Ao mặc áo lụa nâu cổ hở khá rộng nên khoan hồng phơi bày một khoảng ức trắng muốt. Mái tóc dài cột

gọn bằng sợi dây thun lại rộng lượng phôi thêm chiếc cổ thiên nga và đôi vành tai nhỏ nhắn dễ thương. Vì chật chội, cô phải thu vai bó gối y như mọi người. Tuy nhiên Ao để ý thấy cô cương quyết ngồi ngay người chứ không dựa vào thành ghe trác hắc ín đen đui. Có lẽ cô sợ bẩn áo.

Ao nổi máu anh hùng lí nhí xin lỗi, rồi rút cánh tay phải lên đặt sát vào thành ghe, đôi thế ngồi nghiêng cho cô lảng giềng có thêm chỗ xoay trở. Cô ta ngược lên nhìn Ao kinh ngạc, hình như chưa hiểu cử chỉ ấy do lòng tốt hay do hậu ý mờ ám. Cho nên tuy có thêm được chút khoảng trống để duỗi đôi chân cho bớt mỏi, cô gái vẫn ngồi nghiêm trang, không dựa vào cánh tay phải của Ao. Không khí trong hầm nóng bức. Cô dùng chiếc khăn tay mỏng chặm nhẹ lên trán, hai cánh mũi và môi trên, như sợ làm tróc lớp phấn son trang điểm. Mồ hôi ướt đầm người cô. Và vẫn theo thói quen sang trọng y như cách chặm mồ hôi, cô gái liếc nhìn chung quanh rồi mới cầm vạt áo kéo nhẹ nhiều lần cho lớp vải lụa nâu khỏi dính vào da thịt.

Ao liếc nhìn lại, và vội vã quay đi khi nhận ra hình cái nịt vú in trên chiếc áo lụa ướt. Anh tự dặn lòng không nên nhìn về phía phải, cũng không nên phác bất cứ cử động nào khiến cô lảng giềng e dè ngại.

Không biết anh đã ngồi bất động như thế bao lâu. Bên ngoài sóng gió vẫn bão bùng. Dưới hầm, mọi người say sóng nên đều ngả nghiêng theo nhịp sóng dồi, không tự chủ được nữa, nằm ngồi sóng soài, xuôi tay ngoẻo đầu lên nhau. Hình như chỉ còn có Ao và cô lảng giềng là còn tỉnh táo. Ao biết mình không say sóng vì còn đủ tỉnh anh nhìn ra đôi dép nhựa thanh nhã của người đẹp: đôi dép màu nâu nhạt giả da có mũi nhọn đính thêm một đóa hướng dương nở tròn, che lấp gần nửa đầu bàn chân. Ba ngón chân út trắng nõn không bị đóa hướng dương che lấp, đều có móng bôi son.

Anh cũng đoán cô gái ngồi bên không say sóng vì phía bên phải của thân anh, không có ai mệt mỏi ngây say đến độ phải dựa vào Ao. Tự dưng anh thấy sóng hung dữ nhưng cũng có đôi điểm dễ thương. Anh nhớ ngày xưa còn bé, mỗi lần bê cái giỏ tre đi nhặt lá khô về cho mẹ đun bếp, anh vẫn thường rướn cổ hét lớn: “Gió lên! Gió nữa lên!”. Bây giờ hoàn cảnh có khác, nhưng không có sóng gió làm sao Ao biết được mình cứng cỏi hơn người. Nếu trong hầm ghe này, anh không được là người mạnh khỏe hạng nhất, thì ít ra cũng được ngồi nhất đồng hạng. Chia sẻ vinh dự cho một người con gái vừa sang lại vừa đẹp, không hề gì.

Sang ngày thứ hai biển càng động. Ao vẫn không hề say sóng, dù mùi mồ hôi và mùi thức ăn ụa mửa vương vãi xông lên nồng nặc, khiến đôi khi anh hơi nôn nao. Cảm giác của anh tê dại y như lúc xuống bãi. Hình như vì mệt quá, anh có ngủ thiếp đi một lúc. Giác mơ ngắn ngủi của anh chấp chờn đủ thứ hình ảnh: một đứa bé gái khóc nức nở, một núi bao ni lông rách, những đám lá rụng vàng, một dòng sông cạn, một con cạp đang nhe răng gặm gù, một trận đòn nhớ đời... Anh cảm thấy hối hận vì đã lỡ làm vỡ mất cái chén thờ nên bị cha đập đòn. Ngực anh khó thở vì hối tiếc. Anh tỉnh dậy, và sau một lúc ngỡ ngàng, nhận ra được hiện tại. Cô lảng giềng say sóng đã ngủ, đầu dựa vào phía ngực phải của anh từ lúc nào anh không hay.

Ao hồi hộp không dám nhúc nhích, sợ đánh thức cô gái. Anh nhắm mắt lại, rà nghe thật kỹ cảm giác trên thân thể mình. Lỗ rún không tê tê như Ao chờ đợi. Ngược lại, phía ngực phải bên dưới chỗ người đẹp dựa đầu, có cảm giác lâng lâng khó tả. Hình như từng sợi tóc in nhẹ lên da ngực anh đều để lại một dấu hằn, từ đó tỏa ra cảm giác lảng lảng êm ái. Anh thì thầm “Gió lên! Gió nữa lên!”. Thời tiết mùa đông đáp lại bằng cách cho anh như nguyện. Chiếc ghe nhỏ chòng chành, đội cao lên đầu ngọn sóng rồi rơi tuột vào hố thẳm. Cô gái oằn người rồi mửa thốc tháo lên người anh. Ao muốn gấp cánh tay phải ôm chặt lấy cô gái để che chở cho cô trước sóng gió, nhưng anh kịp ngưng ý tưởng liêu lĩnh ấy. Vai anh nặng thêm. Liếc nhìn lên khuôn mặt cô gái, anh thấy da mặt cô trắng nhợt, tóc ướt dán lên cổ, mắt nhắm nghiền. Anh hối hận vì đã cầu gió dữ, thì thầm cầu cho biển yên. Nhưng sóng gió gào thét không nghe lời anh. Đâu đây, giữa vùng tối tăm nồng nặc mùi chua, có tiếng cầu kinh. Tiếng một đứa trẻ khóc thét chát chúa! Tiếng gió quật vào nắp hầm, tiếng ván ghe oằn mình kêu răng rắc. Và một tiếng thì ào đầu đó, bên tai anh:

- Em mệt quá anh ơi!

Ao không tin ở tai mình, cúi nhìn lên khuôn mặt trắng của cô gái. Môi cô mím lại, vết nước dãi còn đọng ở khóe miệng. Không có gì chứng tỏ cô gái vừa nói câu ấy, và nói với anh. Ao chờ thật lâu, nhìn chăm chú thật lâu, vẫn không nghe thấy gì. Trên nắp hầm, gió muốn thổi tung tấm ván nặng. Ao lo sợ nhìn lên, và đúng lúc đó, lại nghe lời thì thào:

- Em mệt quá anh ơi!

Cô gái vẫn thiêm thiếp trong cơn say sóng, đôi mi dài khép chặt, mớ tóc ướt dán trên chiếc cổ trắng. Ao cầu xin: “Gió lên! Gió nữa lên!” Thời tiết lần này thấy rõ lòng ích kỷ của Ao, nên gió khơi dịu lại. Sang ngày thứ ba, biển đã yên. Như một phép lạ, mọi người trên ghe choàng dậy, cười nói đùa cợt. Cô lảng giềng của Ao lại vuốt tóc ngồi ngay ngắn, như chưa hề có chuyện gì xảy ra. Cái khăn tay vải mỏng, cô đã đánh rơi xuống sàn ghe. Cho nên cô phải lục xách lôi ra một chiếc khăn tay khác, chặm nhẹ mồ hôi trên trán, trên má, trên môi. Cô chặm kỹ nơi khóe miệng để xóa đi vết nước dãi lúc ủa mưa, vừa chặm vừa kín đáo liếc về phía Ao. Ao cúi xuống nhìn vạt áo bên phải: khoảng gần vai, vạt áo nhàu bần, và phía trước, dấu vết nồn mưa của cô đêm trước vẫn rành rành, loang lổ hơi giống hình một trái tim bằng bột bị chuột gặm. Và anh cảm thấy tê tê nhưic buốt ngay trong lòng ngực phải.

o o o

Cuộc vượt biển may mắn thành công, nên mọi người quên ngay ba ngày đầu sóng gió. Chỉ riêng Ao không quên được câu thì thào: “Em mệt quá, anh ơi!” phảng phất mơ hồ trong tiếng sóng gào thét, giữa cảnh chen chúc tấm tối. Đến Galang, anh được phòng Xã Hội cấp phát cho một bộ quần áo mới. Anh giặt cái quần kaki mặc từ bên nhà đề thay đổi, nhưng chiếc áo có dấu vết trái tim chuột gặm, anh không giặt. Anh để y nguyên như vậy, và xếp kỹ vào đáy xách tay. Dấu vết ấy in cả lên phía ngực phải của anh, vết ngứa đầy những mụn đỏ li ti còn mãi không chịu lành. Mỗi lần gặp cô gái ở đâu đó, ở phòng định cư, ở chỗ dán thư trước văn phòng ban đại diện, ở siêu thị, ở con dốc phố chính, ở quán cà phê, ở văn phòng cảnh sát, Ao đều cảm thấy tê tê, không phải ở lỗ rún mà ở lồng ngực phải. Càng về sau, cảm giác tê tê biến thành ngứa ngáy đến nhưic buốt, nhất là mỗi khi nghe loa phóng thanh gọi tên cô gái lên phòng trật tự, hay văn phòng cảnh sát Nam Dương.

Một đêm Ao được phân công đi tuần tra trong phạm vi các barrack thuộc zone mình. Hồi đó nạn trộm cắp vặt vẫn thường xảy ra, và theo phòng trật tự, nơi tụ họp của bọn lưu manh là các barrack bỏ trống. Ao và người bạn nữa cầm đèn pin đi tuần, chợt nghe tiếng động lạ trong một barrack không người.

Anh quét đèn pin vào chỗ khả nghi. Hai bóng người vụt chạy về phía rừng: một cao lớn một thấp bé. Ao tri hô lên, nhưng họ vẫn chạy. Ánh đèn pin đuổi theo, kịp cho anh nhận ra cái dáng thanh thanh của một phụ nữ. Người bạn ngăn anh không nên liều lĩnh vào rừng, và hai người vào chỗ barrack vắng. Không có tang vật gì khả nghi, trừ một chiếc dép.

Lòng anh đau nhói khi nhận ra đóa hoa hướng dương quen thuộc! Và lần này, trái tim nhạy cảm biết đam mê và hận thù, biết xôn xao và tuyệt vọng, biết băng khuâng và biết nhưic buốt, không nằm ở dạ dày, ở lỗ rún, ở ngực phải, mà nằm đúng chỗ lâu nay nó vẫn nằm: ở trong lồng ngực trái.

Nguyễn Mộng Giác

Galang 1-10-1982

# CHƯƠNG 13 - ĐÊM CUỐI NĂM

Đêm chờ giao thừa!

Gần như tất cả mọi người đều bỏ lều kéo nhau ra bờ biển. Tiếng sóng ì ầm không át được tiếng đám thanh niên đang tập lẫn chót các bài hát đón Xuân quen thuộc: “Ly rượu mừng, Xuân này con không về, Xuân và Tuổi trẻ”.... Đêm mênh mông làm nền cho những vì sao rạo rực. Sao Hôm thao thức chờ sao Mai.

Chỉ còn đám già ngồi với nhau trong cái lều cạnh bờ suối, âm thầm gặm nhấm nỗi buồn xa xứ. Từ thật lâu, không ai nói với ai lời nào. Họ gồm có bốn người tuổi xấp xỉ bốn mươi. “Tứ thập nhị bất hoặc”, sách xưa nói thế. Nhưng đêm nay, cả bốn đều hoang mang không hiểu hiện mình đang buồn hay đang vui. Bốn người vượt biển trên bốn chiếc thuyền khác nhau, vượt qua nỗi chết theo bốn kiểu, và vào lúc này, họ cùng cảm thấy gần gũi với sự lặng lẽ cô quạnh của những năm mờ, hơn là hòa nhập vào niềm rạo rực phục sinh. Không thể chịu đựng được sự im lặng kéo dài, vị linh mục đề nghị nên kể chuyện gì vui vui. Rồi không cần chờ ai tán thành, Cha kể ngay chuyện gọi là ngộ nghĩnh xảy ra trong giáo xứ. Chuyện vui của nhà tu nồng mùi hoa huệ ở thánh đường và có không khí của kinh Cựu ước, nghe xong chỉ thấy sợ hãi vu vơ; cho nên kể xong, chỉ có linh mục cười một tiếng ngắn rồi chấm dứt bất chợt, như Cha kịp nhớ ra rằng cười như thế là phạm thánh. Anh kỹ sư kể chuyện viết chúc thư bỏ vào chai bọc trong bao ni lông, nhờ người hảo tâm xa lạ nào đó nhả giùm với gia đình ở Việt Nam rằng sau 18 ngày lên đèn đói khát trên biển cả, hai vợ chồng và con gái anh đã kiệt sức và chết giữa sóng dữ. Chuyện chỉ cảm động chứ không vui. Vợ chồng anh chỉ cười được sau khi đã qua cơn hiểm nghèo, lúc sắp chết khát thì gặp mưa và còn thoi thóp thở cho đến lúc thuyền trôi dạt vào một đảo nhỏ thuộc Nam Dương nhờ đã nắm vắt qua be thuyền vớt cá lên nhai sống. Tiếng anh cười nhỏ, hơi e dè. Như một người thợ săn bắn vụng suýt nữa bị hổ vồ, kịp lúc bạn cứu được thoát chết, lấy chân đạp lên xác hổ đứng chống nạnh cố mỉm cười chụp hình để lưu niệm. Máy hình tốt có thể ghi lên giấy ảnh cả những giọt mồ hôi sợ hãi còn đọng trên trán anh, và cả nụ cười cay đắng. Ông thiếu tá không quân vừa đi học tập cải tạo ở một tỉnh trung du miền Bắc về thì kể những điều ngộ nghĩnh trong trại cải tạo. Ông phóng đại những dớ dẩn của cán bộ quản giáo và sau một mẫu chuyện, thiếu tá cười hả hê. Chàng cảm thấy có điều gì không được sòng phẳng. Trả hận hả hê không phải là chuyện vui vui như gợi ý của nhà tu hành lúc đầu. Thiếu tá vẫn tiếp tục kể chuyện. Chàng nghe một cách ơ hờ. Chỉ đến lúc thiếu tá đọc cho nghe bài thơ làm trong tù của một người bạn, thì chàng chăm chú lắng nghe từng tiếng. Chàng cảm động thực sự. Chàng xin ông đọc lại lần nữa. Bài thơ như sau:

Tết ở trong tù bố nhớ con  
Đêm mơ ôm bé ngủ trong lòng  
Bé còn nhỏng nhẻo đòi ăn bánh  
Như những ngày xưa có bố không?  
Tết ở trong tù bố nhớ con  
Ngoài kia Xuân đến có gì không?  
Có tia lửa lạ nào không bé  
Đốt hộ cho chim những chiếc lồng.  
Bé bé ơi! Tết này không bố  
Nhìn qua hàng xóm bé buồn không?  
Bố ở trong tù nghe pháo nổ  
Nhớ bé ghê lệ ứa trong lòng.  
Tiếng trẻ nào len qua kẽm gai  
Dường như trăn trở ở bên ngoài  
Bố thèm một chút men ngày cũ

Có bé yêu bên chén rượu đầy.  
Tội bố to ghê đáng tử hình  
Người ta bảo vậy bố làm thính  
Ngày mai xuôi gió con cùng bố  
Ra tận ngoài kia hỏi tội mình.  
Bố nhớ con nhiều lắm bé ơi!  
Con mang dép ngược bố la hoài  
Bên này chân phải thành chân trái  
Chân lý, trời ơi, cũng thế thôi (1)

Vì bài thơ này được truyền khẩu rộng rãi tại Việt Nam nên tác giả không dám chắc đã đúng như nguyên bản.

Nhiều tiếng vỗ tay và tiếng cười thích thú. Như ba người kia, chàng thích nhất mấy câu cuối. Lời bàn tán lúc ấy mới mới “vui vui” thực sự. Nhưng đến một lúc nào đó, người ta chợt nhớ đến phiên chàng. Chàng đâm lo. Không phải sau gần bảy năm chìm nổi, chàng không có lấy một chuyện vui vui để kể. Chàng tự thấy mình quá cay nghiệt trong cách xét đoán chuyện người khác. Đến lượt mình, chàng lo sẽ phải đương đầu với sự cay nghiệt của ba người vừa làm xong phận sự. Cho nên chàng phải giáo đầu dài dòng. Rằng mình kể chuyện dở. Rằng chuyện không vui. Rằng chuyện lại không được thơm tho. Ông thiếu tá còn dư sự hả hê thỏa mãn, vỗ đánh đét một cái lên đùi, giục:

- Chuyện không thơm ư? Ông khéo khôì hài lắm. Tiểu lâm chứ gì? Như vậy nhất định là chuyện vui rồi! Kể đi!

Chàng đành phải kể chuyện không thơm của mình vậy!

○ ○ ○

Sau Tết năm Ngo, tôi lại được vào tù. Tội gì ư? Xin Cha yên tâm! Lần này nhẹ thôi. Mấy ông Tàu khác bang phái trong tổ hợp mì sợi tung tiền ra nhờ tay công an hại nhau, tôi ở giữa mang vạ. Giống các lần trước, lần này tôi cũng được đón bằng xe du lịch Toyota trắng đưa đến cửa nhà giam. Vâng vâng, tôi hiểu ý thiếu tá! Không xa xôi cách trở như thiếu tá đâu. Gần thôi. Tôi được đưa đến trại tạm giam một quận thuộc đô thành Sài Gòn. Điều may mắn đầu tiên phải vui mừng, là nhà thôi khỏi phải lặn lội xa xôi mỗi lần đi thăm nuôi. Lần này tôi gặp may ghê! Cửa ngục vừa khép phía sau lưng tôi lại gặp điều may mắn khác. Nhờ cặp kính cận, tôi được trưởng phòng xem như thuộc thành phần có thể tin cậy được. Nhờ thế sau thủ tục cởi hết quần áo để khám xét, trưởng phòng quăng trả mớ áo quần bèo nhèo hôi hám cho tôi ôm vào lòng, đồng dặc ra lệnh:

- Về tổ 1. Bỏ cặp kính cận và dây nịt lại đây! San Mỹ Đình đâu? Ra nhận lính mới! Từ trong bóng tối, một bàn tay đưa ra chộp lấy vai tôi. Trưởng phòng mở cửa sắt đi ra ngoài. Tôi đứng dậy dợm đi theo người tổ trưởng mới, thì có nhiều tiếng lao xao hốt hoảng. Ai đó la lớn: “Ngồi xuống”. Bàn tay lạ ấn mạnh lên vai tôi. Cửa đóng. Tôi té ngã trên nền xi măng nhớp nháp, hoang mang không biết phải làm gì. Một bóng đen lết lại gần tôi, giọng thì thảo nhưng hằn học:

- Cửa mở mà dám đứng tông ngông ra đó, muốn chết hả?

Rồi như chợt nhớ tôi là lính mới, anh ta dịu giọng lại:

- Chú mới vào phải học nhiều chuyện lắm. Ôm quần áo về tổ đã! Tội gì vậy? Tôi không biết mình mắc tội gì, ấp úng đáp:

- Làm thư ký ở tổ hợp mì sợi... Những bóng đen đang bu quanh tôi cùng nói:

- Lại xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa chứ gì. Giống như chú thư ký phòng đây. Lâu đó nghe! Tôi cự nự:

- Nhưng...

Người dắt tôi cắt ngang:

- Không nhưng nhụy gì hết. Vào đây phải thành thực khai báo. Điều hai của nội qui trại giam đây. Chú phải học thuộc như cháo đủ 9 điều. Chú có học, chỉ cần hai ngày là thuộc nhão! À, chú tên gì? Tôi

xung tên. Bây giờ người dốt tôi mới ôn tồn bảo:

- Chú mới vào mà được về tổ 1 là hên lắm đó. Xa cầu tiêu. Gần cửa ra vào nên cửa mở là thở được. Nhưng hễ cửa mở là phải ngồi xuống liền, không được đứng như lúc này.

Tôi thấy cần phải hỏi điều gì đó để chứng tỏ mình không sợ hãi, tôi hỏi:

- Đó là điều mấy của nội qui vậy anh? Một người nào đó đáp thay tổ trưởng, nói giọng khao khao:

- Không phải nội qui trại giam. Đó là điều lệ của phòng.

Tổ trưởng gạt đi:

- Đừng gập, chú ấy hãi! Từ từ! Nội qui trại giam, điều luật của giám thị, điều lệ phòng. Thông thả rồi anh em ở đây dạy lại cho chú biết. Ủa, chú mặc quần lại đi chứ!

Cả phòng cười ồ vì mãi đến lúc đó, mọi người mới nhớ từ đầu đến giờ, tôi cứ đứng lom khom và ôm quần áo vào lòng che hạ bộ chứ chưa có thì giờ mặc vào. Tôi đến sát tường định xỏ chân vào ống quần dài, thì một bạn trong tổ bảo:

- Mặc quần đùi đi! Ở đây nóng thào mồ hôi, muốn chết hay sao mà mặc quần dài. Tôi lúng túng làm theo lời khuyên. Hóa ra những kinh nghiệm ở tù lần trước không giúp cho tôi được chút gì trong lần này. Tôi quên hết, và lúng ta lúng túng như một cậu học trò vỡ lòng. Cuối cùng tôi làm quen được với cả bóng tôi. Tôi nhìn được rõ hơn. Anh tổ trưởng tên San Mỹ Đình mà tôi đoán là người Hoa có khuôn mặt choắt như một trái dưa hấu, da ngăm, mũi khoằm, nụ cười “rộng rãi” nhờ gãy mất hai cái răng cửa. Người có giọng nói khao khao là tổ phó, đầu cạo trọc, mắt lộ, da... nhưng trời ơi, tôi lắm cảm mất rồi! Việc gì phải tả chi tiết đến như vậy. Quanh tôi có năm người trẻ tuổi và ngồi xa tận xó tôi có thêm ba người đã đứng tuổi. Tất cả đều mặc độc một chiếc quần đùi. San Mỹ Đình bảo tôi ngồi dựa vào vách cho bớt hãi. Tôi cảm động vì sự ân cần tế nhị thật bất ngờ ấy, lí nhí cảm ơn. Anh tổ trưởng giễu cợt:

- Ở đây mà nói cảm ơn là không hợp cảnh. Tầm trường tông ngồng một lũ như nhau, khỏi cần khách sáo. Trước hết, tôi biết chú muốn biết lũ này mặc tội gì phải không? Toàn thứ dữ cả. Thằng này Võ Kẹo, tổ phó, tội hiếp dâm người quá cố. Thằng này tên Lang, chuyên bán đứng mộ bia. Ông này công an thứ thiệt bảy mươi hai phân đầu, thủ trưởng cơ quan xỏ số kiến thiết đường 30-4.

Cả tổ cười ồn ào. Có tiếng chìa khóa lách cách ở cửa phòng. Tất cả vội giữ im lặng, hồi hộp chờ đợi. Nhưng chờ mãi không thấy cửa mở, rồi tiếng dép kéo lê trên cát nhỏ dần, nhỏ dần. Anh tổ phó bảo tôi:

- Nó xạo, chú đừng có tin.

Dần dà tôi cũng biết lý lịch của từng người, dựa vào nhiều nguồn tin khác nhau. Nếu cứ theo lời tự thuật của từng người thì ai cũng bị hàm oan cả. Tướng cướp San Mỹ Đình chỉ mua một khẩu súng nhựa cho đứa con thôi nôi bị bắt oan khi ngồi trên yên sau xe Honda 90 của người bạn thân anh mời đến dự tiệc. Các nguồn tin khác xác nhận anh là tên cướp có súng chuyên nghiệp, và lúc bị bắt, trong người anh còn giữ hai băng đạn Colt 12. Anh được tin nghiệm làm tổ trưởng vì bị tạm giam ở đây lâu nhất, 27 tháng. Nhờ thế anh thuộc vào hạng trưởng lão, chẳng những thuộc lòng mà còn biết rõ xuất xứ của mấy trăm điều lệ của tất các phòng A, B và khu biệt giam. Gặp các trường hợp phức tạp không biết phải xử phạt thế nào, đại diện trại, phó đại diện, trưởng phòng, phó phòng, phải thân hành xuống tổ 1 xin ý kiến của anh. Mỗi lần như vậy, không bao giờ anh không vùi cho được một thứ biệt đãi nào đó: lon nước sôi pha trà, cái khăn thấm nước để lau mặt, nửa liều thuốc rê, một bi thuốc Lào...

Tổ phó Võ Kẹo không hiếp dâm người quá cố, nhưng làm một cái nghề lạ: anh a tòng với người gác đàn ghita địa Chí Hòa, đêm đêm đào mồ những người giàu mới chôn cất để lấy quần áo liệm và quan tài gỗ tốt đem bán. Mới nghe đến cái cách mưu sinh quái dị, tôi nhìn Võ Kẹo sững sờ. Trước đây tôi nghe đồn ngôi mộ của cô đào cải lương Thanh Nga cũng bị kẻ gian quật lên, để lấy chiếc quan tài đáng giá 5.000 đồng tiền mới, nhưng tôi không tin. Làm gì có chuyện ghê rợn như vậy! Bây giờ thì chính kẻ đào mồ đang ngồi chồm hổm trước mặt tôi đây, đôi mắt lộ chăm chăm nhìn tôi một cách hồn nhiên trẻ con. Lúc đó, tôi ngửi thoang thoang thấy mùi hăng hắc chua chua của xác chết bắt đầu thối rửa hăm bằng thứ rượu còn rẻ tiền. Dĩ nhiên tôi chỉ tưởng tượng thế thôi, vì Võ Kẹo nổi tiếp khắp trại vì cái tính sạch sẽ thái quá. Anh có thể nhịn khát, để dành nước để lâu lâu đem ra rửa sạch hai bàn tay và lau

kỹ mất mũi. Méo mó nghề nghiệp chẳng? Hay sự trở trêu của số phận? Tôi thắc mắc không hiểu vì sao Kẹo lại được xếp vào một tổ ưu tiên như tổ 1, chẳng những thế, còn được làm đến tổ phó. Phải chờ cả nửa tháng sau tôi mới hiểu. Anh chàng phu huyết tự nguyện không đúng giờ ấy được vợ mẹ như điều đồ. Chiều nào vợ anh cũng thơ thẩn bên ngoài vòng rào trại giam, hy vọng anh được cắt cử đi lao động để nhìn cho được cặp mắt lộ và nước da tái tã của người chồng thân yêu. Không gặp được chồng, chỉ lân la đến gần khu nhà bếp, quăng vào một bao Samit để nhờ chuyển cho anh. Từ bốn tháng nay, việc đó đã thành thông lệ. Gói Samit đến tay anh chỉ còn 4, 5 điếu. Nhưng những tên vô lại lớn nhỏ lấy bớt thuốc thơm của anh đã âm thầm áy náy và tìm cho anh một thứ ưu đãi. Anh được chuyển từ tổ 8, tổ kỷ luật gần sát nhà cầu, về tổ 1. Cái tội hiếp dâm (con xin lỗi Cha nhé, chuyện tù thì thánh khiết làm sao được), cái tội hiếp dâm phải dành cho cậu nhỏ tuổi nhất tổ tên Lâm Quảng. Cậu con trai 19 tuổi mặt còn đầy mụn áy một mực kêu oan, tuy cái thú trong tù của cậu là phóng đại những thành tích chơi bời còn non nớt của mình để tự biến thành một thứ Don Juan lão luyện. Cậu được San Mỹ Đình bắt chẹt trưởng phòng để lôi cậu từ tổ 5 về tổ 1, theo ý tôi, chỉ vì anh cướp có súng xa vợ lâu quá, những 27 tháng 12 ngày rỗng. Nghe kể chuyện chơi bời, đối với tổ trưởng cũng tối cần thiết như là được uống, được ăn, được thờ, được gái. Quả tình Lâm Quảng bị oan đến một nửa, vì cô gái xấu số nạn nhân của cậu là một gái điếm chuyên nghiệp, hàng đêm đứng dựa gốc cây dọc đường Xô Viết Nghệ Tĩnh (trước kia là đường Hồng Thập Tự) để đón khách. Công nhân hạng bét của Công ty xây lắp lương 45 đồng, cậu đã từng bị những gái điếm đứng đường lừa nhiều lần. Cậu dâm hận. Vô được một gái điếm xấu xí ế khách, Quảng cùng hùn với một người bạn làm bảo vệ cơ quan dẫn cô Nga về ngay nhà kho của xí nghiệp. Sau khi thỏa mãn, hai người móc súng ra, chẳng những không trả tiền mà còn lột của cô điếm một sợi dây chuyền vàng giả. Cô điếm tên Nga mạo xưng là gái nhà lành đi tố cáo chuyện động trời với công an khu vực, đề rồi chính cô cũng bị bắt vì tội hành nghề mãi dâm. Trong các câu chuyện hấp dẫn Quảng thường kể hàng đêm cho cả tổ há hốc miệng mà nghe. Nga trở thành một cô gái có đôi mắt bồ câu, tóc dài chảy xuống quá lưng thon, ngực nở như ngực tài tử Brigitte Bardot, đùi dài như của Cyd Charisse. Rủi cho Quảng là hai tuần sau ngày tôi vào, San Mỹ Đình nhìn mặt được cô Nga lúc đó được phân công ra nhà bếp nhận cơm cho phòng nữ. Tướng cướp sắt đá thất vọng ê chề. Lâm Quảng bị liên lụy, và liền buổi chiều cùng ngày, bị chuyển về tổ kỷ luật. Ừ, tôi lại sa đà vào chuyện tẹo nhép rồi! Sao ạ? Cứ kể như thế ư? Sợ không bao lâu nữa đã đến giờ giao thừa nhất! Tôi xin kể gọn lại vậy. Hai cậu thanh niên còn lại, một tên Lang, một tên Hùng Bà Chiêu. Lang là người lúc này tổ trưởng gán cho cái tội “bán đứng mộ bia” ấy. Dĩ nhiên là tội bịa. Làm gì có thứ tội lỗi kỳ cục thế! Thanh niên trốn nghĩa vụ quân sự, bị gạch tên khỏi sổ hộ khẩu, trở thành gánh nặng của gia đình đang hồi cùng quẫn, cậu “bán đứng” tình cậu cháu bằng cách dẫn bạn đến cướp vàng ở nhà ông cậu mới giàu nổi nhờ buôn hàng chợ trời. Lang có hai cái tật đem về cho cậu thật nhiều cái lợi. Cái tật mỗi lần ngủ ưa gác hai cái chân mấp lên người bên cạnh khiến ai cũng né tránh, nhờ thế cậu luôn luôn được chỗ rộng. Cái tật hay soi mói và lý sự, buổi kiểm thảo và phê bình nào cũng giơ tay đầu tiên và nói nhiều nhất. Chức sắc nào trong phòng cũng có tì vết, nên Lang được chuyển về tổ ưu tiên cho cậu bớt bạo mồm bạo miệng. Hùng Bà Chiêu là học viên của trường cải tạo công nghiệp Duyên Hải, nơi tập trung các thanh niên do nhiều lý do sống vất vưởng ngoài vòng pháp luật. Bốn lần trốn khỏi trường, bốn lần bị bắt lại. Hùng chỉ là “hàng gửi tạm” vì trường cải tạo Duyên Hải thuộc về Thành đoàn chứ không thuộc quyền công an. Còn chỗ nào gửi tạm tiện cho bằng tổ 1?

Ba người đứng tuổi kín đáo ngồi tách xa đám trẻ ồn ào, mãi về sau tôi mới bắt chuyện được. Cụ Ruột mắc tội vượt biển, bị bắt lúc thuyền vừa rời khỏi bến Bình đông. Bác Phước người hay mở đầu câu chuyện bằng câu “ở đời không có gì ở được ngoài lẽ phải” bị giam 8 tháng không xét hỏi vì tội say rượu đem tổ trưởng dân phố ra chửi đồng. Cuối cùng là Đông y sĩ Lê Hồng Thăng, cán bộ y tế dân tộc từng tập kết và học thuốc ở ngoài Bắc, lúc nào cũng kè kè bên mình cái hộp đựng kim châm cứu và rất ít thích góp chuyện. Ông bị bắt vì tội cho bạn mượn căn nhà do nhà nước cấp làm chỗ hội họp của đám bạn bè đang tính kế trốn khỏi nước, và có cái tật lâu lâu (nhất là về khuya) giữa lúc cả phòng yên lặng,

Ông thờ dài rồi đọc chậm câu thơ Kiều:

Đoạn trường ai có qua cầu mới hay. Đây, tám người vào trước tôi, cộng với tôi nữa làm thành con số chín may mắn. Tổ 1 chịu đựng sự ghen tị của bảy tổ khác không oan uổng tí nào. Trong khi các tổ khác nhân số từ 15 trở lên, tổ 1 chỉ có 9 người. Tổ kỷ luật số 8 gồm những người ghê lở, sốt rét, ho lao, cùi, và phạm kỷ luật, nhờ nằm sát nhà cầu được giữ nhân số 14, do sự khoan dung của trưởng phòng. Sự bất công lộ liễu quá, nên vào những ngày lễ trọng như Lao động quốc tế 1-5, sinh nhật “bác Hồ”, số người bị bắt tăng vọt quá nhanh, tổ tôi bắt buộc phải nhận thêm một số người nữa. Nhưng không lúc nào toàn tổ vượt quá con số 13 xui xẻo.

Sau khi tôi đem 4 điều Đà Lạt còn sót lại trong túi áo ra mời 8 người hút chung, tổ trưởng giao nhiệm vụ hướng dẫn học nội qui cho anh phụ huynh. Võ Kẹo lấy tấm nội qui bọc trong bao ni lông đã ám khói ra đưa cho tôi, căn dặn:

- Chú rán học thuộc đi. Càng sớm càng hay, ở đây có nhiều người Hoa không nói được tiếng Việt, nhưng học mãi, cuối cùng có thể đọc ngược được đấy. Học bản nội qui chín điều này trước đã. Vị linh mục chen vào nói:

- Chắc ở đâu cũng giống nhau chứ gì. Có phải bắt đầu bằng câu: “Để bảo đảm yêu cầu giam giữ can phạm đúng chính sách của chính quyền cách mạng, nay qui định”.

Anh kỹ sư cũng hỏi:

- Có phải điều 1 là: “Can phạm khi vào trại phải chấp hành nghiêm chỉnh các điều qui định của trại giam và tuyệt đối tuân hành mệnh lệnh của cán bộ phụ trách?”.

Ông thiếu tá đọc tiếp, giọng ê a như trẻ con trả bài:

- Điều 2: “Phải thật thà khai báo các tội lỗi và hành động sai trái của bản thân và đồng bọn, không được giấu diếm bất cứ điều gì”. Điều 3: “Không được tự ý liên lạc với người bên ngoài và người khác khi chưa được phép của cán bộ phụ trách”.

Cả bốn người đều cười thông cảm. Chàng kể tiếp:

- Chúng ta đều là những người tù gương mẫu. Trí nhớ chúng ta còn khá lắm. Chín điều nội qui, các bạn đều biết cả rồi. Nói cho đúng hơn, hầu hết đàn ông ở miền Nam Việt Nam đều thuộc nằm lòng tôi khỏi cần dài dòng nữa. Nhưng đáng sợ hơn là phải nhớ thêm 45 điều qui định của ban giám thị, và hơn hai trăm điều lệ của phòng. Nội qui chỉ nêu lên những nét chung. Chẳng hạn điều 4 bảo phải giữ gìn an ninh trật tự và vệ sinh chung trong trại giam. Giữ gìn thế nào? Làm sao? Cần phải có những chi tiết cụ thể chứ! Khi này tôi vừa kể lúc mới bước vào cửa ngục, cả phòng đã hốt hoảng bảo tôi ngồi xuống khi trưởng phòng mở cửa đi ra ngoài. Tôi luống cuống hoang mang vì không hiểu gì cả. Hai lần trước có gặp cảnh ngộ lạ lùng ấy đâu. Điều lệ riêng của phòng A trại giam Cầu tre đấy. Vì muốn “bảo đảm yêu cầu giam giữ can phạm” và “giữ gìn an ninh trật tự chung”, không biết vị trưởng phòng tiền nhiệm nào đã đặt ra điều lệ: “Mỗi lần cửa sắt mở, tất cả phạm nhân đều phải ngồi xuống và giữ im lặng tuyệt đối, đang ăn cũng phải ngừng nhai để vừa đề phòng những người nhân cửa mở mà đào thoát, vừa chuẩn bị sẵn sàng để nhận lệnh của giám thị”. Vì phải “giữ gìn vệ sinh chung” mà điều lệ phòng định rõ “đi đại phải ngồi xuống như đàn bà để nước tiểu khỏi văng tung tóe, và vòi nước tiểu phải nhắm đúng vào lòng bàn cầu. Ai đi tiểu mà không nghe thấy tiếng nước rót kêu ùng ục tức là phạm kỷ luật, phải bị cách ly ngồi quay lưng nhìn vào tường suốt 3 ngày”.

Bất cứ mọi hành động nào dù nhỏ nhất tôi cần như ăn, ngủ, ỉa, đại, ngồi, đứng, gãi, tắm... đều có ít nhất là 4 hay 5 điều lệ qui định rõ. Chín điều nội qui như cái sườn của một nhân sinh quan. Bốn trăm điều của giám thị là rui mè của tòa nhà triết lý ấy. Còn mấy trăm điều lệ phòng là thiên hình vạn trạng biểu lộ của sự sống theo kiến trúc của triết lý vĩ đại. Vì vậy không có giấy bút nào ghi đủ các điều lệ, cũng không có ai nhớ hết. San Mỹ Đình, vị trưởng lão cao niên đến thế mà còn chưa nhớ hết, hướng chỉ lính mới như tôi. Và vì không biết thế nào là phạm hay chưa phạm vào nội qui, nên mọi người đều nom nớp lo âu.

Nghe nói xưa kia các đồ đệ chân truyền của Đức Khổng phu tử vì giữ lễ nên không dám bước lên chỗ

đất chưa sạch, sẵn sàng rẽ cỏ trước khi đặt chân xuống đất mà đi. Tình cảnh chúng tôi còn nghiêm ngặt hơn họ nhiều lắm! Không cẩn thận thì thế nào buổi họp kiểm điểm mỗi tối mình cũng bị người ta nêu tên lên chất vấn, hạch hỏi, cân nhắc công khai tội lỗi rồi biểu quyết chọn một hình phạt. Cho nên hễ ăn cơm tối xong là tôi ngay ngáy lo lắng, không hiểu suốt một ngày qua mình đã vô ý phạm vào điều thứ một trăm chín mươi mấy trong hơn hai trăm điều. Tôi đã đứng tuổi, không muốn làm cái đích cho các cuộc thị phi! Các bạn cũng tưởng tượng dễ dàng được không khí trang nghiêm của các buổi tối kiểm điểm ấy. Và riêng nhu cầu bảo đảm cho sự nghiêm trang cần thiết trong các buổi xưng tội, cũng có gần 20 điều lệ: Cách báo cáo, cách giơ tay, cách đếm số, cách ngồi, cách nhận khuyết điểm, cách cảm ơn sau khi được phê bình. Và xin lỗi Cha trước, có cả điều lệ qui định cách đánh rắm trong các buổi kiểm điểm nữa. Tôi không nói ngoa đâu! Điều 183 qui định rằng: Nếu đang ngồi họp kiểm điểm mà mắc trung-tiện, phạm nhân phải khép 5 ngón tay lại và giơ thẳng cả bàn tay phải lên (khác với cách xin phát biểu ý kiến chỉ giơ ngón trỏ). Sau khi trưởng phòng gật đầu chấp thuận, phạm nhân mới được bỏ hàng đi ra phía sau, đứng đó chờ đánh rắm xong mới được trở lại vị trí. Nhịn không được, đánh rắm ngay trong cuộc họp sẽ bị xem như vi phạm điều 4 nội qui (không giữ gìn vệ sinh chung, làm mất trật tự công cộng). Và bị phạt 4 ngày cách ly toàn diện. Bộ máy tiêu hóa của tôi tốt nên suốt tuần lễ đầu chưa phải học đến điều lệ phức tạp ấy. Tôi chỉ biết đến điều số 183 khi Tạ A Sáng nhập trại vào cuối tháng 3.

Phải, Tạ A Sáng là người Hoa. Tôi vào tù được một tuần thì tổ 1 có thêm hai lính mới. Lê Đăng, người được San Mỹ Đình gán cho chức thủ trưởng cơ quan xỏ số kiến thiết đường 30-4 (xưa là đại lộ Thống Nhất) được đặc ân của giám thị cho chuyển từ tổ 8 sang tổ 1. Đúng Lê Đăng là công an bảy mươi hai phần đầu. Người Hà Nam Ninh, nhập ngũ đi B từ 1966. Chiến đấu ròng rã chín năm ở chiến trường khu 9. Được cho đi học khóa sĩ quan và năm 1975 đang mang quân hàm thiếu úy. Chuyển ngành làm phó công an phường 20 quận 5. Theo Đăng thuật lại thì chỉ vì tự ý lấy một cô gái Long An làm vợ tuy đã vợ con đùm đê ngoài Bắc nên bị sa thải ra khỏi ngành. Không về Hà Nam Ninh, xuống Long An làm ruộng với người vợ trẻ. Dĩ nhiên vì không còn làm công an nữa nên túng bấn lắm. Một hôm nhớ quê quá, Đăng mò lên Sài Gòn, tìm bạn cũ hiện tại chức đề xin lộ phí về Hà Nam Ninh. Bạn bè tránh Đăng như tránh hủi. Không còn cả tiền mua cơm đĩa dầu đường chứ đừng nói đến tiền lộ phí về Bắc. Lang thang đến đường 30-4 xem “dinh Tổng Thống ngự”, xem “ngũ giác đài của Mỹ ở Sài Gòn”, rồi số mệnh đưa chân lang thang đến hội trường xỏ số kiến thiết. Đột nhiên Lê Đăng nảy ra sáng kiến. Anh nhặt một tờ vé số vừa xỏ đem về cạo sửa nắn nót cho ra vé số trúng 50 đồng. Kể ra anh cũng nhát gan và có ít cao vọng. Anh ra chợ Bến Thành bán được cho một chị chuyên mua vé số trúng lấy 45 đồng. Mừng khắp khởi, anh định rẽ phía cửa Tây ăn một tô phở Bắc đặc biệt. Ngay lúc đó, sau lưng anh có người la lớn: “Cướp, cướp. Bắt lấy nó!” Theo thói quen nghề nghiệp, anh lặn lưng lấy súng. Không có súng nữa! Anh vừa đảo mắt nhìn quanh để sẵn sàng khóa tay tên cướp thì chị mua vé số kiên thiết chạy tới chụp lấy cổ áo anh. Chuyện anh chỉ có vậy. Anh bị trưởng phòng (cũng là cướp có súng như San Mỹ Đình) đày đến tổ ghê lở vì là công an. Và anh được đặc ân chuyển về tổ 1 vì mãi bốn ngày sau, giám thị trại giam mới nhận ra anh là bạn chiến đấu ở khu 9.

Người lính mới cuối cùng là Tạ A Sáng, bị bắt vì tội móc nôi vượt biên và lường gạt. Theo tôi, Tạ A Sáng được về ngay tổ 1 là nhờ cái mẽ ngoài tốt tướng của ông. Cao lớn, trắng trẻo, đầu húi cua, ông tạo cho người mới gặp cái cảm giác kính nể đối với một xi thâu hạng bự. Cái mẽ đó phải có nhiều tiền, thật nhiều. Đồ thăm nuôi phải hai giỏ lớn với đầy đủ các món ăn chơi lẫn lương khô, thuốc Samit, cà phê, sữa... Còn tổ viên nào đáng giá hơn đối với tổ trưởng San Mỹ Đình và trưởng phòng Trần Bá Ngọc, hai tên cướp có súng bị giam trên hai năm và gia đình đã kiệt quê vì thăm nuôi. Nhưng cũng chính cái mẽ ngoài đó hại Tạ A Sáng. Vì gia đình ông nghèo đến độ kỳ thăm nuôi đầu tiên, vợ con chỉ bới cho ông một chai xì dầu, một gói dưa cải chua và một nải chuối xanh. Hỏi kỹ ra thì Tạ A Sáng sống bằng nghề vắn thuốc lá lẻ. Chuyện móc nôi vượt biên và vụ lường gạt có vẻ như oan uổng thật. Vì lòng tốt, ông giới thiệu cho người bạn chỗ tổ chức vượt biên quen biết. Chưa đến đâu thì thuyền bị tịch

thu. Người tổ chức võ nộ lánh mặt không trả vàng ứng trước của khách. Tạ A Sáng bị ngờ a tòng với chủ thuyền để lường gạt. Ông khổ sở thành khẩn như Không tử bị các đồ đệ nghi ngờ vì đi chung xe với một người đẹp lãng loàn. Vì lòng tốt mà ông gặp hoạn nạn, vào tù lại vì cái mẽ ngoài mà ông gặp liên tiếp các tai ương.

Thầy đồ thăm nuôi của Tạ A Sáng chẳng ra gì, trưởng phòng và tổ trưởng ghét ông ra mặt. Họ muốn tống ngay ông qua tổ 8, họ còn chờ là vì làm như vậy lộ liễu trắng trợn quá. Phải có dịp thuận tiện. Và dịp ấy đến ngay thôi! Tối hôm ấy trưởng phòng Trần Bá Ngọc đang chủ trì họp kiểm điểm thì ở phía nửa phòng bên phải có tiếng đánh rầm khá lớn. Da mặt Trần Bá Ngọc ngăm ngăm đen trở nên thâm tím vì giận. Thế này là thế nào? Mất vệ sinh, điều ấy đã rõ. Nhưng dám ngạo mạn đánh rầm giữa cuộc họp xung tội long trọng, tội ấy không thể tha thứ được! Ai? Đứa nào? Ngọc cho ngừng ngay phản phê bình để tìm cho ra thủ phạm. Một nửa phòng bên trái được phép đi ngủ sớm nhưng phải tuyệt đối giữ im lặng cho ban lãnh đạo hỏi cung. Nửa còn lại, tức là tổ 1, tổ 2, tổ 7 và tổ 8 phải ngồi lại họp tiếp để tìm cho ra thủ phạm. Ngọc yêu cầu người nào lỡ phạm điều 4 nội qui phải tự giác đứng dậy nhận tội. Không ai đứng lên cả! Quá lắm rồi! Xoa vượt hứa hẹn đủ điều vẫn không có ai lên tiếng. Ngọc kêu gọi những người ở bốn tổ nên mạnh dạn tố cáo kẻ vi phạm để “xây dựng cho hẳn thành con người tốt”. Điều nhỏ nhặt như vậy còn không dám nhận làm sao chấp hành nghiêm chỉnh được điều 2 của nội qui. Như vậy kẻ vi phạm không chỉ vi phạm điều 4, mà còn vi phạm điều 2. Ngọc tuy cũng là tù, nhưng là trưởng phòng. Giám thị trại giam giao nhiều quyền cho Ngọc. Đương nhiên Ngọc cũng là “cán bộ phụ trách”. Ngọc kêu gọi tự giác, không nghe, tức là vi phạm luôn điều 1. Mỗi lúc tội lỗi của người lỡ đánh rầm mỗi chồng chất, khiến ai nấy nín thở không dám ho, không dám ngược mặt nhìn lên.

Ngọc tức giận quát lớn:

- Tôi làm trưởng phòng hơn một năm rồi. Không ai qua mặt được tôi đâu. Đã không tự khai thì tôi có cách. Chẳng lẽ trên năm chục con người, trên một trăm lỗ tai mà không có lỗ tai nào nghe được tiếng đánh rầm hay sao? Ở đây có ai khai bị điếc đâu? Lần lượt bốn tổ trưởng đứng dậy cho tôi biết đã nghe đánh rầm ở phía nào. San Mỹ Đình khôn ngoan nói:

- Lúc đó bác Phước ở sau lưng tôi nổi ho nên tôi không nghe được rõ. Nhưng vì tôi ngồi hàng đầu, nên chắc chắn người vi phạm điều 1, điều 2, điều 4 phải ngồi ở phía sau.

Trưởng phòng mím môi giận dữ nhìn San Mỹ Đình, nhưng nhớ đến những lúc phải hạ mình vãn kẻ trưởng lão, Ngọc đành nuốt giận bỏ qua, hỏi tiếp tổ 2.

Tổ trưởng tổ 2 đáp:

- Anh em nên tự giác, vì theo tôi, anh trưởng phòng đã biết đích xác ai là thủ phạm nhưng anh không muốn làm to chuyện đây thôi. Lúc nội vụ xảy ra, tôi thấy anh Ngọc nhìn về phía bên phải của tôi. Như vậy thủ phạm phải thuộc về tổ 1 và tổ 8.

Tổ trưởng tổ 8 vội lên tiếng.

- Chính tôi nghe rõ tiếng đánh rầm. Nhiều người trong tổ tôi, từ nãy đến giờ cũng nghe rõ tiếng đánh rầm ở phía bên trái. Nếu có người nào trong tổ 8 làm xấu, anh em đã tự giác rồi. Đến lượt tổ trưởng tổ 7:

- Theo tôi thì người lỡ đại phải ngồi phía bên kia đường vào nhà cầu.

Ghép bốn ý kiến lại, kết quả chập lộn xộn lên nhau không định được gì hết. Cả phòng thấy khôi hài mà không ai dám cười. Lang tổ 1 mau miệng như thường lệ:

- Theo tôi, phải rà lại những người đến hôm nay vẫn còn đồ thăm nuôi. Nay đã sang ngày thứ chín, cá thịt dù có muối mặn bao nhiêu, đến nay cũng phải lên mốc. Ăn vào đau bụng làm mất vệ sinh chung.

Nhiều tiếng xì xào phản đối, bất chấp đôi mắt hung dữ của tướng cướp trưởng phòng. Những người nhiều đồ thăm nuôi đều có thể lực, họ bần là phải. Và lại trong ý kiến của Lang, rõ ràng có nhiều ganh tị nhỏ nhen. Bây giờ San Mỹ Đình giơ tay xin góp ý:

- Điều 183 qui định cách thức xin phép đánh rầm trong cuộc họp, không phải ai ai cũng biết. Những người cũ đã dự nhiều đêm kiểm điểm tất phải biết điều số 183. Đã biết thì dù có đau bụng họ cũng biết

giờ bàn tay phải lên xin phép. Thủ phạm phải thuộc vào số người mới vào. Ý kiến có vẻ hợp lý quá, nên được hầu như cả phòng đồng ý, những người giữ im lặng đều là dân mới vào, chưa đủ tự tin để mạnh dạn nêu lên các trường hợp ngoại lệ hoặc ngẫu nhiên không kiểm soát nổi. Cho nên ý kiến của San Mỹ Đình được dùng làm căn bản cho cuộc tra xét. Vấn đề căn bản bây giờ là giới hạn phân biệt tù cũ rành nội qui (hoặc ít ra là rành điều 183) và tù mới chưa thuộc luật. Bàn cãi hồi lâu, mới tạm chấp thuận tiêu chuẩn để được công nhận tù cũ là mười ngày. Hú vía cho tôi! Tôi vừa đủ mười ngày tù cần thiết để làm người không liên quan. Được đứng vững vòng ngoài. Số còn lại thu gọn trong vòng 9 người. Họ phải đến chỗ trưởng phòng “làm việc”, số vô can được phép ngủ. Nhưng có ai ngủ được đâu. Đèn trong phòng đã tắt vì quá 9 giờ tối. Ngọn nê-ông ngoài hành lang chiếu hắt thứ ánh sáng ma trơi, khiến cuộc luận tội rì rầm càng thêm vẻ ma quái ở địa ngục. Dù lắng tai, tôi cũng không nghe được gì nhiều. Lâu lâu tôi phân biệt được giọng nói tiếng Việt ngọng nghịu của Tạ A Sáng. Càng khuya, Tạ A Sáng nói càng nhiều. Cách nói vừa có vẻ phần nộ, lại vừa chơi với cầu khấn. Đến lúc keng bên ngoài trại giam đôi gác thì Tạ A Sáng được phép về ngủ bên cạnh tôi. Tôi hỏi nhỏ:

- Thế nào? Đã tìm ra ai chưa?

Tạ A Sáng nói hơi lớn:

- Ngộ làm thì ngộ nhận liền. Ngộ thề là ngộ không địt, bắt ngộ nhận sao được. Tổ trưởng San Mỹ Đình cảnh cáo;

- Quá giờ giới nghiêm không được nói chuyện. Coi chừng điều 4.

Từ đó không ai dám nói nữa. Sáng hôm sau đến giờ tập thể dục tại phòng, tôi thấy Tạ A Sáng được miễn. Ông được miễn dự tất cả mọi sinh hoạt kể cả họp phòng buổi tối để ngồi một mình suy nghĩ về hành động của mình. Trưởng phòng, tổ trưởng và 8 người tù mới sau một hồi lập luận đã đi đến kết quả xác quyết người đánh rắm phải là, nhất định là, đương nhiên là Tạ A Sáng. Tạ A Sáng thì cũng quả quyết mình không hề đánh rắm. Nhận một việc mình không làm, theo đúng lời Tạ A Sáng tối hôm ấy, dù lấy dao kê cổ ông cũng không nhận. Trần Bá Ngọc phải dùng biện pháp cách ly để Tạ A Sáng có điều kiện suy nghĩ chín chắn hơn. Từ đó về sau, hình ảnh Tạ A Sáng buồn rầu ngồi xếp bằng ở góc phòng làm cho cả tổ chúng tôi cảm thấy vướng víu với nỗi áy náy bất nhẫn. Ai cũng biết Tạ A Sáng không hề lỡ đánh rắm. Kể cả San Mỹ Đình. Nhưng không phải Tạ A Sáng thì ai? Hơn một năm lão luyện trong nghề trưởng phòng của Trần Bá Ngọc chẳng lẽ chỉ thu được cái kinh nghiệm hão? Rồi còn nào là nhu cầu an ninh trật tự, nhu cầu giữ vệ sinh chung, nhu cầu bảo vệ uy tín cho các chức sắc! Phải có một thủ phạm! Phải có một thủ phạm nào đó!

Ngày đầu Tạ A Sáng ngồi thẳng lưng, bệ vệ vững chãi quá, nên chúng tôi yên tâm. Ngày thứ hai, mồ hôi ướt đẫm lưng áo mai-dô của ông. Tạ A Sáng cởi áo xếp lại cẩn thận, rồi đặt lên bắp vế bên phải để lau mặt. Mồ hôi làm mừng đỏ khắp lưng. Ông ngoặc tay ra sau lưng để gãi. Trên chiếc lưng trắng, bắt đầu có nhiều vết móng tay cào trầy trụa. Ông kiên nhẫn, im lặng chịu đựng. Đến ngày thứ ba thì ông gãi liên hồi, ở lưng, ở háng. Mồ hôi nhỏ giọt trên mặt. Lốp true vô tình vẫn cười giỡn như không thấy Tạ A Sáng. Bọn già chúng tôi thì như đứng ngồi trên lửa đỏ. Lương tâm chúng tôi không yên.

Bác Phước thì thảo với tôi:

- Ở đời không có gì ở được ngoài lẽ phải. Để rồi chú coi. Phải có một đứa thấy Tạ A Sáng hàm oan, tự đứng ra nhận lỗi. Chẳng lẽ trời cao không có mắt!

Trời cao mù từ lâu rồi nên không có ai nhận tội thay cho Tạ A Sáng như mong ước của bác Phước. Ông thầy châm cứu thì nói:

- Ngoài Bắc chúng tôi không lạ gì với những vụ thế này. Con trâu trắng té lể, đâu có tội tình gì. Xét một cách bao quát thì những điều oan uổng cũng cần thiết lắm. Luật vận động âm dương trong vũ trụ vạn vật đôi khi cũng tạo những chỗ khuyết hoặc tính hư huyền...

Viện dẫn đủ thứ triết lý đạo học, nhưng tôi thấy rõ Lê Hồng Thăng cứ ray rứt, đứng ngồi không yên.

Bác Ruột đề nghị:

- Bảo ông ấy nhận quách cho nó yên thân. Tội gì làm khổ xác.

Tôi chông dôi:

- Nhưng Tạ A Sáng có đánh rắm đâu. Bác Ruột bảo:

- Tôi bảo ông ấy đánh rắm hồi nào?

- Thế sao cụ lại khuyên ông ta nhận?

- Nhận thì đã sao?

- Trường hợp cụ bị chụp, cụ làm gì?

- Tôi nhận ngay!

- Nhận từ đầu hay về sau mới nhận?

- Ở kia, tôi có đánh rắm đâu mà nhận từ đầu!

- Thế sao về sau cụ đứng ra nhận chịu? Cụ Ruột nhìn tôi, đáp mơ hồ:

- Chú thêm vài chục tuổi nữa chắc khỏi hỏi tôi câu đó.

- Càng già càng buông xuôi phó mặc ư?

- Không! Càng già càng thấy có hay không cũng thế thôi!

Tôi bị cách nói của cụ Ruột mê hoặc. Phải, ta đang có hay đang không? Bên trong và bên ngoài tấm cửa ngục, ai mới thực là kẻ ở tù? Đôi co nhau, hành hạ nhau trong cái khám chật này vì danh dự hảo, nhân có một cái đánh rắm? Ôi thôi! Sao mà thối hoảng thế này! Sao mà ngu si quá lắm! Lúc đó tôi nghĩ như vậy, nên không chờ ai xúi, chính tôi đến khuyên Tạ A Sáng nên nhận lỗi. Tạ A Sáng đang gãi, vội ngừng phất lên, giận dữ nói:

- Ngộ có địt đâu mà bảo ngộ nhận. Tôi nói:

- Nhưng tôi có bảo nị địt đâu. Tôi bảo nị nhận cho khỏi phải khổ thân.

- Không thì nhận là không. Sao lại nhận có?

- Không nhận thì phải ngồi hoải. Tạ A Sáng im lặng suy nghĩ. Tôi chờ. Một lúc sau, ông hỏi:

- Có phải thằng Ngọc bảo chú nói ngộ nhận không? Hay là thằng Đình.

Tự ái bị va chạm, tôi giận dữ nói:

- Nị xem thường tôi quá. Thấy nị khổ thân, tôi không yên tâm.

Tạ A Sáng cảm động, hỏi nhỏ:

- Mà chú có nghĩ là ngộ có không? Tôi đáp:

- Không bao giờ tôi nghĩ vậy.

- Bác Phước, già Ruột, ông Thăng có nghĩ cho ngộ không?

- Không ai nghĩ cho nị cả. Cả phòng đều biết nị oan.

Tạ A Sáng mếu máo:

- Cả phòng đều nghĩ ngộ oan, sao còn bắt ngộ ngồi?

Tôi không biết trả lời thế nào nữa. Tâm hồn tôi nặng trĩu. Sáng hôm đó lại đến kỳ thăm nuôi. Nhà tôi gửi cho tôi một lon Guigoz cháo đậu xanh nấu với lòng gà. Cháo nấu ngon, nhưng tôi nuốt không vô. Một phần vì tôi biết số tiền nấu lon cháo này là tiền chợ hai ngày của toàn gia đình tôi. Một phần vì tấm lưng đầy mực của Tạ A Sáng. Tôi sốt cho Tạ A Sáng một nửa lon cháo lòng. Nhờ vào giờ nhận đồ thăm nuôi khỏi phải ngồi cách ly nên A Sáng được tự do bung húp nửa lon cháo. Ăn xong, ông liếm mép ra vẻ thèm thuồng, rồi chia bao thuốc vắn cây nhà lá vườn ra mời. Hôm ấy chúng tôi không nói gì đến chuyện đánh rắm nữa, tuy đôi lúc, vô tình bắt gặp ánh nhìn của nhau, chúng tôi cùng nhớ đến cuộc đối đáp hôm trước. Đến ngày thứ năm thì Tạ A Sáng tự động xin gặp trưởng phòng, và thú nhận đêm đó đã lỡ đánh rắm vì chưa hiểu luật 183, về sau nghe đe dọa dữ quá bèn chối luôn cho thoát nợ.

Trần Bá Ngọc mừng rỡ như nghe được lệnh phóng thích. Có thể chứ! Chẳng lẽ uy tín xây dựng hơn một năm nay phải sụp đổ như một cái lầu cát gặp sóng lớn! Ngọc hí hửng ra mặt, dành cả buổi tối sinh hoạt hôm ấy để ba hoa huênh hoang về tài xét người trị người của mình, rồi cao hứng tuyên phạt Tạ A Sáng ở mức độ nhẹ nhất: Năm ngày cách ly (đúng số ngày A Sáng đã ngồi xong) và bị chuyển sang tổ 8.

Đây, câu chuyện vui vui mà không thơm tho của tôi chỉ có vậy. Tôi kể chuyện kém, nhưng đêm nay dài dòng lê thê được như vậy là nhờ bài thơ thiếu tá đọc cho nghe đó, thiếu tá ạ!

Chàng kể xong, ba người nghe không ai cười được một tiếng vui. Ông thiếu tá hay cười nói hả hê cũng không đáp lại lời chàng. Ngoài bờ biển một giọng nữ cao đang hát bài Con Thuyền Không Bến điệu luyện chẳng kém giọng hát của Thái Thanh. Bốn người yên lặng lắng nghe: Xong bài hát mà dư âm còn vang mãi ra xa thật xa, xa đến mút ngoài khơi đêm và đến tận dốc núi. Ban hợp ca ở sân khấu lộ thiên hát bài Ly Rượu Mừng. Chàng hỏi anh kỹ sư, người có mang đồng hồ:

- Còn bao lâu nữa thì đến giao thừa?

- Còn mười lăm phút nữa.

Vị linh mục vội đứng dậy:

- Tôi phải lên nhà thờ để dâng Thánh lễ. Chàng bắt tay vị Cha xứ, rồi quay lại nói với thiếu tá:

- Mười lăm phút! Vừa đủ để chú bé mang dép ngược của Thiếu tá đổi chân đấy. Cầu chúc năm mới rành rẽ phân minh hơn, phải ra phải trái ra trái. Cầu cho chân lý phục sinh. Phải không thiếu tá?

Chờ thật lâu, chàng vẫn không nghe trả lời. Suốt mười ba phút năm còn lại, dưới biển, chỉ có tiếng sóng vỗ đáp lời chàng. Bên kia bờ suối, thêm một tiếng vượn hú lạc lõng, chơi vơi.

Nguyễn Mộng Giác

Đảo Kuku, Nam Dương

Tháng 12-1981

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>